

THƯ VIỆN T. D. C. A. N. T. H.
vv 5049
1991

TRÍCH GIẢNG VĂN HỌC

LỚP



PHỔ THÔNG



Nhà xuất bản Giáo dục
* 1985

8(075)
Th. 30 2

TRÍCH GIẢNG VĂN HỌC

LỚP BẢY PHỔ THÔNG
Hệ 12 năm

(In lần thứ mười)

TY ĐHC T. VINH HUA
THU VIỆN
HAI GIANG

70.86/82

70.86/82

PHÒNG VĂN HỌC T. HOC TIN
THU VIỆN
CHÁNH THỦ - CÁN THƯ

70.86/82

18/6/85 N. 10



Nhà xuất bản Giáo dục
* 1985

ĐI HỌC

(Tặng chị Hồ Thị Bi, Trương Thị Mỹ)

Tiếng keng reo vang trong nắng ấm
Chị vào lớp học bước băng khuâng... (1)
Bao nhiêu năm trước từng mơ ước
Cấp sách tung tăng đến học đường.
Nhưng kiếp nghèo riêng chịu thiệt thòi,
Nhiều hôm cắt cỏ, đứng ngầy coi (2),
Xa xa cửa sáng vào nô nức,
Chị thấy xa xôi với những người.
Cách mạng bùng lên... rồi kháng chiến,
Chị vào công tác học nhân dân.
Nhiều đêm lửa bếp soi tài liệu,
Nét mặt nhoe in chấp chới (3) vờn.
Có buổi trong tù tay bị xích,
Nghiến răng quên hết những đau thương
Chị lăm râm (4) học bên đồng chí,
Lòng hướng tương lai một mái trường.
Rồi đến trường đây, bàn ghế mới,
Giáo viên tóc bạc như học viên
Mười năm kháng chiến, về thông thả,
Nét phấn tươi cười sáng bằng đèn.
Chị đã run tay cầm ngọn bút,
(Bàn tay đánh giặc chẳng hề run!)
Thơm thơm vở mới non môi trẻ
Rào rạt (5) cây reo cửa nắng tròn.

9-1958
ANH THƠ

Chú thích :

(1) *Bằng khuâng* : vương vẩn một mối tình cảm buồn, vui mơ hồ, chuyển mau từ ý nghĩ này sang ý nghĩ khác — *Bằng khuâng nhớ cảnh, nhớ người* (Truyện Kiều).

(2) *Ngáy coi* : nhìn với vẻ thèm muốn.

(3) *Chấp chới* : ở đây có nghĩa là trông khi mờ khi rõ.

(4) *Lâm râm* : lẩm nhẩm, đọc nhỏ trong miệng không rõ tiếng.

(5) *Rào rạt* : chỉ tiếng lá cây lay động trong gió khi mạnh khi yếu.

Chính tả :

Vang : reo vang, rượu vang ; *Van* : van nài, van xin, van xe đạp.

Uớt : ướt át, ướt lướt thướt ; *Uớc* : ước mong, ước muốn, ước ao.

Nức : nổ nức, nức lòng ; *Nứt* : rạn nứt.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tại sao tác giả lại viết : « *Chị vào lớp học bước bằng khuâng... ?* » ?

2. Thành công của bài thơ là ở chỗ tác giả đã miêu tả được những diễn biến khác nhau trong tình cảm chị cán bộ ở những hoàn cảnh học tập khác nhau. Phân tích tình cảm của chị cán bộ ở mỗi hoàn cảnh đó (lúc tuổi thơ nghèo khổ, khi tham gia kháng chiến, trong tù, đến trường học bồi túc văn hóa).

3. Đọc bài thơ « *Đi học* », em có suy nghĩ gì về nhiệm vụ học tập của mình ?

ANH HOÀNG VĂN THU (1) ĐI RA PHÁP TRƯỜNG (2)

... Sáu giờ kém mười lăm, cánh cửa sắt lại mở một lần nữa, và lần này thì tiếng giày đinh lạo xạo ngoài sân. Một tốp lính lê dương (3) súng ống nài nịt, lưỡi lê tuốt trần được sắp hàng trước buồng chúng tôi. Cờ-lê-măng-ti (4) theo một người giám thị (5) vào mở cửa buồng anh Thu. Thôi, đúng anh Thu phải « đi » (6) rồi !

Tôi nghe người giám thị hỏi anh Thu :

— Có cần bịt mắt không ?

Và cái giọng vẫn bình tĩnh của anh :

— Không cần.

Không nên nổi, tôi hô đến võ ngực :

— Cách mạng Việt Nam thành công muôn năm !

— Tinh thần Hoàng Văn Thu bất tử (7) !

Tiếng hô của tôi được các anh em Đại Việt (8) hưởng ứng.

Anh Hoàng Văn Thu liền hô trả lời :

— Việt Nam độc lập muôn năm !

— Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm !

Và nhân tôi :

— Chào anh và gửi lời chào các đồng chí ở lại.

Thế là anh Thu đi. Tôi dán mắt (9) vào khe cửa nhìn mãi theo cái bóng lơ mờ, mảnh khảnh của anh giữa hai hàng lưới lê sáng loáng. Buồn thương, uất ức dào dạt trong lòng. Đôi mắt tôi lâu nay đã rạo rạo trong ngọn lửa đấu tranh cũng tự nhiên rung rung lệ.

Buổi trưa hôm đó, giám thị trở vào nói chuyện với chúng tôi về phút cuối cùng của anh trong nhà pha Hỏa lò. Lúc ra, gặp những giám thị đứng gác từng chặng, anh ôn tồn chào họ :

— Thôi, ông ở lại mạnh khỏe nhé ! Tôi đi.

Đến cửa buồng giấy, mật thám, cổ đạo, quan tòa, chúa ngục đã đợi anh đông đủ. Quan tòa hỏi :

— Anh có muốn nói gì nữa không ?

— Không nói gì nữa. Trong cuộc đấu tranh sinh tử (10) giữa chúng tôi, những người mất nước, và các ông, những kẻ cướp nước, sự hy sinh của những người như tôi là một sự dĩ nhiên. Chỉ biết rằng cuối cùng chúng tôi sẽ thắng (11).

Cổ đạo hỏi :

— Anh có muốn rửa tội không ?

— Cảm ơn ông, tôi không có tội gì. Nếu yêu nước, cứu nước mà có tội thì những người Pháp hiện giờ đang đấu tranh chống phát-xít bên nước ông đều là có tội cả. Ông hãy về hỏi xem họ có tội không?

Giắc đưa thuốc lá cho anh hút. Anh cầm điếu thuốc, hút thản nhiên, hỏi chuyện thản nhiên, miệng mỉm cười, nét mặt vẫn tươi tỉnh. Sáu giờ đúng, giắc đưa anh đi.

Tôi nhớ mãi câu trầm trở⁽¹²⁾ của người giám thị:

— Thật là một người gang thép.

TRẦN ĐĂNG NINH

Chú thích:

(1) Đồng chí Hoàng Văn Thụ là một trong những lãnh tụ của Đảng, tên thật là Hoàng Đình Hưng, người Tây, sinh năm 1906 ở Lạng Sơn.

Thời kì 1931 — 1938, hoạt động cách mạng ở Trung Quốc, năm 1941 được cử vào Ban chấp hành Trung ương Đảng và là một trong những người sáng lập ra Mặt trận Việt minh. Đồng chí bị đế quốc bắt và xử tử năm 1944 tại Hà Nội. Mộ đồng chí đặt tại thôn Tương Mai, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Thanh Trì thuộc ngoại thành Hà Nội.

(2) Pháp trường: nơi hành hình những người bị án tử.

(3) Lê dương: lính thuộc đội quân đánh thuê, gồm những người thuộc các dân tộc khác nhau: Pháp, Đức, Ý... Thực dân Pháp ưu đãi đội quân này và dùng nó để đàn áp nhân dân các nước thuộc địa.

(4) Cơ-lê-măng-ti: tên chủ ngục tại nhà lao Hà Nội hồi 1944.

(5) Giám thị: người trông coi trật tự.

(6) Đi: đi ra pháp trường, chủ ý tiếng « đi » (tránh nói đi ra pháp trường) gợi lên một nỗi thương xót, oán hận trong lòng những người bạn chiến đấu của đồng chí Hoàng Văn Thụ.

(7) Bất tử: không chết, ý nói vẫn còn mãi mãi.

(8) Đại Việt: một đảng chính trị chủ trương thân Nhật chống Pháp, đi vào con đường phản cách mạng, bán nước cho phát-xít Nhật.

(9) Dán mắt: nhìn một cách chăm chú, không rời mắt.

(10) Cuộc đấu tranh sinh tử: cuộc đấu tranh một sống một chết, ý nói cuộc đấu tranh gay go, ác liệt.

(11) Câu nói cuối cùng của đồng chí Hoàng Văn Thụ năm 1944 nay đã thành sự thật.

(12) Trầm trở: tỏ vẻ khen ngợi, kính phục.

Chính tả:

Vỗ: vỗ về, sóng vỗ; Vở: rằng vở. Dàn: dàn hồ, dàn mắt; Gián: gián tiếp, gián đoạn.

Giám: giám thị, giám đốc, giám mục, quốc tử giám; Dám: dám nói, dám làm, không dám.

Gang: gang thép, tắc gang; Gan: to gan, gan dạ.

Giày: giày dép, giày vò, giày xéo; Dày: dạ dày, dày dặn.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tìm đại ý của bài.

2. Phân tích thái độ, lời nói, cử chỉ của đồng chí Hoàng Văn Thụ và những nhận xét của các nhân vật khác để hiểu rõ tính cách anh hùng của liệt sĩ Hoàng Văn Thụ.

3. Khi đồng chí Hoàng Văn Thụ phải « đi », tác giả đã có những cảm xúc gì? Diễn biến tình cảm của tác giả được nâng cao dần như thế nào?

4. Bài văn tường thuật ngắn gọn nhưng đã thể hiện rõ nét tính cách nhân vật. Vì sao? (Tác giả đã chọn được những chi tiết tiêu biểu, đã để cho nhân vật hoạt động, đã xen tường thuật sự việc và phát biểu cảm xúc chủ quan).

BÀI ĐỌC THÊM

SẴN SÀNG LÊN MÁY CHÉM

... Thấm thoát được sáu tháng. Anh Hùng thế là ngồi xà lim án chém đã mười ba tháng. Tôi thì đến đây là tháng thứ sáu rồi. Chúng tôi chuẩn bị mọi việc khi ra máy chém, để có chết cũng chết một cách đường hoàng.

Chúng tôi bảo bọn gác-diềng⁽¹⁾ tả cho xem hình thù cái máy chém ra sao. Chúng tả xong, hỏi tôi hỏi để làm gì. Tôi đáp: « Biết rõ để lúc bước lên khỏi bờ ngỗ ».

Tôi lại hỏi chúng về cung cách dẫn tù ra máy chém. Thường thường là chúng sẽ hỏi người bị chém: Có rửa tội không? Chúng đưa cổ đao đến. Nhưng chúng tôi có tội gì mà rửa? Có khai gì thêm không? Bọn Tây cho rằng lúc sắp chết,

cuống lên muốn được sống, người ta dễ khai thêm, và lúc ấy, đã khai là đúng vì sắp chết linh hồn người ta trong sạch. Chúng cũng khôn ranh thật, nhưng việc này đối với chúng tôi, chúng đừng hòng. Có muốn viết thư gì cho gia đình không? À, viết thư thì rất tốt. Theo lệ nhà tù đế quốc, mỗi người được viết một lá thư. Chúng tôi bàn nhau: Anh Lê Quang Sung có vợ là Sáu Diễm, một nữ đồng chí rất can đảm mà anh đã yêu. Anh nên viết thư cho Sáu Diễm. Anh Hùng và tôi thay mặt anh em sẽ viết thư cho anh Ngô Gia Tự và các đồng chí ngoài Côn Đảo, những người bạn chiến đấu và thân thiết nhất của chúng tôi.

Rồi chúng tôi chuẩn bị trước khi lên máy chém sẽ nói những gì để buộc tội đế quốc, tuyên truyền cho Đảng, hô hào quần chúng. Chắc chúng không dám cho quần chúng công nông đến xem chém chúng tôi đâu, và thời giờ sẽ không nhiều, nhưng chúng tôi cứ chuẩn bị, nói gì cho đích đáng, và nói cho gọn. Chúng tôi chọn bốn khẩu hiệu: «Đả đảo đế quốc Pháp!», «Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm!», «Giải mạng Đông Dương muôn năm!», «Quốc tế Cộng sản muôn năm!».

Chúng tôi lại học hát Quốc tế ca. Tập hát sao cho đều, cho đúng nhịp để hát khi ra máy chém. Lúc đó Quốc tế ca đã dịch sang tiếng ta rồi, căn bản giống như lời ta hát bây giờ, chỉ khác đầu đôi ba chữ.

Và từ đây, tối nào chúng tôi cũng đi ngủ sớm. Biết chúng nó thường lôi đi chém vào khoảng năm giờ sáng, chúng tôi ngủ sớm để dậy được sớm, rửa mặt chải đầu, mặc quần áo sẵn sàng, để lên máy chém cho chỉnh tề.

Đến tháng thứ bảy, thằng gác-diềng sắp (2) vào hỏi: «Sao các anh không xin ân xá?».

Chúng tôi cự lại: «Có tội gì mà xin ân xá? Làm cách mạng không có tội... Chúng tôi chỉ chống án, chống lại tòa án, pháp luật của các anh, chứ không xin ân xá. Muốn chém hay thế nào, tùy các anh».

Gác-diềng sắp rồi chường li (3) vào thuyết, khuyên chúng tôi:

— Các anh còn trẻ, đời còn dài lắm, người lại có học thức...

Lại nhải đến hai ngày, chúng tôi nghe sốt cả ruột, sau phải đuổi, chúng mới ra.

Cãng-xen-lơ-ri (4) cũng đến bảo: (ý chường là tên chường li vận động ông ta chăng?) «Các anh không chịu xin ân xá, bảo vệ danh dự đảng viên như thế là một cử chỉ cao quý. Nhưng theo tôi, xin ân xá cũng được, chỉ là thể thức thôi, không quan hệ gì, không phạm đến danh dự của Đảng đâu».

Chúng tôi trả lời ông ta:

— Từ trước đến nay ông giúp chúng tôi nhiều việc, chúng tôi rất cảm ơn ông. Song lần này, xin cho chúng tôi không làm theo lời ông bảo.

Lúc bấy giờ phong trào bên Pháp đấu tranh đòi tha chính trị phạm ở Đông Dương đang mạnh mẽ. Bọn đế quốc ở bên này muốn rằng tự tay chúng tôi phải làm đơn xin chúng nó ân xá. Chúng tôi đòi bào chữa. Tối đến, chúng tôi vẫn học hát bài Quốc tế ca, vẫn đi ngủ sớm và sáng nào cũng vậy, dậy thật sớm mặc quần áo, chải đầu chỉnh tề ngồi đợi.

..

Non một tháng sau thì tên gác-diềng sắp lại vào, hai tay cứ xoa vào nhau và nói:

— Thôi, thôi... xong rồi!

— Cái gì xong rồi?

— Thôi, các anh xong rồi. Mai đi khỏi đây.

— Mai đi à? Đi thì đi, sẵn sàng. Chúng tôi chờ lâu quá rồi.

— Không, đi đây là đi nơi khác... Đi Côn Đảo.

Đảng Cộng sản Pháp mở cuộc vận động rất rầm rộ đòi ân xá «10000 chính trị phạm ở Đông Dương», đặc biệt đòi bỏ mười mấy án tử hình. Cuộc đấu tranh vì chủ nghĩa quốc

tế vô sản ấy đã thắng lợi. Nhưng khi báo tin, tên gác-diềng sắp còn ở thử xem chúng tôi có sợ không. Sau này, Căng-xen-lơ-ri cho tôi xem những bài báo, những bài can thiệp của nghị sĩ cộng sản Pháp ở nghị viện, mới rõ suốt bảy, tám tháng chúng tôi ở trong xà lim án chém, công nhân, nông dân Pháp liên tiếp đấu tranh không mệt mỏi đòi lại cuộc sống cho chúng tôi. Tôi với anh Hùng, anh Sung bảo nhau: Chuyển này chúng mình sống được là nhờ vô sản Pháp...

Đầu tháng 1-1934, chúng tôi ra Côn Đảo. Thoát âm ti dưới đất, lại sa vào âm ti trần gian. Mười một năm nữa, anh Hùng và tôi lại chung banh⁽⁵⁾, chung công⁽⁶⁾, chung xiềng như ngày ở xà lim án chém. Lại đấu tranh, lại hoạt động. Anh Hùng hăng lắm, sổ tù của anh vì nó phạt nhiều, đồ lôm những dẫu là dẫu... Đến khi cách mạng thành công, Đảng và Chính phủ cho tàu ra đón, chúng tôi mới được trở về đất liền. Đặt chân lên đất liền thì đúng lúc bọn Pháp khởi hấn ở Sài Gòn, 23-9-1945.

Thế là lại bắt đầu vào cuộc chiến đấu mới...

Đồng chí LÊ VĂN LIỆNG kể

Chú thích:

- (1) Gác-diềng: người coi trại giam (phiên âm từ tiếng Pháp).
- (2) Gác-diềng sắp: tên đứng đầu bọn gác trại giam.
- (3) Chưởng li: người buộc tội (bây giờ là công tố ủy viên).
- (4) Căng-xen-lơ-ri: một trạng sư tiến bộ, do tổ chức Quốc tế cứu tế đỡ thuê bào chữa cho các nhà cách mạng Việt Nam.
- (5) Banh: nơi giam người bị tù đầy (phiên âm từ tiếng Pháp). Ở đây, ý nói phòng giam tù chính trị.
- (6) Công: vòng sắt để khóa cổ tay tù nhân.

GẶT LÚA ĐÊM TRẮNG

Đêm trắng này lúa chín,
Bộ đội đi qua làng.
Các anh xuống gặt bộ
Phòng ngày mai giặc sang.

Lấy thêm liềm thêm hái,
Mượn thêm gánh thêm quang.
Người người cúi xuống ruộng,
Tay khoát khoát lúa vàng
Vui tựa tắm ăn rồi
Rào rào trong đêm trắng.

Cười nói nấp chân đê
Súng dựng chờ mọi ngả.
Gió mát trăng đầu hè
Lúa thơm vào tận dạ.
Sao cuối cùng vira lặn,
Chân ruộng cũng gặt bằng.
Yêu nhớ anh bộ đội
Gặt lúa giữa đêm trắng.

1949

HUY CÁN

(Trích Tròn mỗi ngày (tái sinh))

Giải thích:

Khoát: khoát lúa, khoát rơm (vén rơm), khoát đát, khoát tay cho mọi người im lặng; Khoác: khoác áo, khoác lác, khoác vai.

Giùm: làm giảm, giúp giùm.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Buổi gặt lúa ở trong bài khác với những buổi gặt bình thường. Tại sao? Tác giả chọn hoàn cảnh đặc biệt đó làm nền cho nội dung tình cảm của bài thơ. Tìm hiểu dụng ý của tác giả?

2. Cảnh gặt lúa khẩn trương mà lấp nấp, hồ hởi được tác giả diễn tả qua những từ ngữ, hình ảnh nào? Em có nhận xét gì về tác dụng của thể thơ năm chữ được dùng ở bài thơ này?

3. Phân tích một số ý thơ để chứng minh rằng tình quân dân được biểu hiện trong bài thơ tuy đơn giản nhưng cụ thể, chân thật và không kém phần sâu sắc.

ÔNG LÃO ĐÁNH CÁ VÀ CON CÁ VÀNG

(Truyện dân gian Nga)

Ngày xưa, có hai vợ chồng ông lão đánh cá ở với nhau trong một túp lều nát trên bờ biển. Ngày ngày chồng đi thả lưới, vợ ở nhà kéo sợi.

Một hôm, người chồng ra biển đánh cá. Lần đầu kéo lưới chỉ thấy cỏ bùn, lần thứ nhì kéo lưới chỉ thấy cây rong biển ⁽¹⁾, lần thứ ba kéo lưới thì bắt được một con cá bằng vàng. Con cá cất tiếng kêu van:

— Ông lão ơi! Ông sinh phúc ⁽²⁾ thả tôi trở lại xuống biển, tôi sẽ xin đền ơn ông, ông muốn gì cũng được...

Ông lão ngạc nhiên, nhưng rồi cũng vờ thả con cá xuống biển vừa bảo:

— Trời phù hộ cho người! Người trở về biển khơi mà vùng vẫy. Ta không đòi gì cả, ta cũng chẳng cần gì.

Về nhà, ông lão đem câu chuyện kể cho vợ nghe.

Mụ vợ mắng:

— Đồ ngốc! Sao lại không bắt con cá đền cái gì? Đòi một cái máng ⁽³⁾ cho lợn ăn không được à? Cái máng nhà đã gần vỡ rồi!

Thế là ông lão đi ra biển. Biển gợn sóng êm ả. Ông lão gọi con cá vàng. Con cá bơi lên hỏi:

— Ông lão ơi! Ông cần gì thế?

Ông lão chào con cá và bảo:

— Cá ơi! Giúp tôi với! Mụ vợ tôi nó mắng tôi và cầu nhau mãi làm tôi không ở yên được. Mụ ấy đòi một cái máng lợn ăn mới. Máng nhà tôi đã nứt mẻ rồi.

Con cá vàng trả lời:

— Ông lão ơi! Đừng băn khoăn nữa. Cứ về đi. Tôi sẽ giúp ông. Ông sẽ có một cái máng mới.

Ông lão về đến nhà thì mụ vợ đã có một cái máng mới thật. Nhưng mụ lại quát to hơn:

— Đồ ngu! Đòi một cái máng thật à? Một cái máng thì thấm vào đâu? Đi tìm lại con cá và đòi cho một cái nhà rộng.

Thế là ông lão lại đi ra biển. Biển xanh đã nổi sóng. Ông lão gọi con cá vàng. Con cá bơi lên hỏi:

— Ông lão ơi! Ông lão cần gì thế?

Ông lão chào con cá và nói:

— Giúp tôi với cá ơi! Mụ vợ tôi nó mắng nhiều hơn và không để tôi yên chút nào. Mụ đòi một tòa nhà đẹp.

Con cá vàng lại trả lời ông lão:

— Ông lão ơi! Đừng băn khoăn quá. Thôi hãy về đi. Tôi kêu trời phù hộ cho. Ông lão sẽ được một cái nhà rộng và đẹp.

Ông lão trở về túp lều của mình, chẳng thấy lều đâu, mà chỉ thấy trước mặt một ngôi nhà đẹp, có cổng lớn bằng gỗ lim, trong ngoài sáng sủa, có lò sưởi quét vôi trắng xóa, và mụ vợ đang ngồi bên cửa sổ.

Mụ thấy ông lão về lại mắng như tát nước vào mặt:

— Đồ ngu! Ngốc sao ngốc thế! Đòi một cái nhà thôi à? Trở lại tìm con cá ngay và bảo nó rằng tao không muốn làm một mụ nông dân quên ⁽⁴⁾, tao muốn làm một bà nhất phẩm phu nhân ⁽⁵⁾ kia.

Ông lão lại lóc cóc ⁽⁶⁾ ra biển. Biển xanh nổi sóng dữ dội. Ông lão gọi con cá vàng. Con cá bơi lên hỏi:

— Ông lão cần gì thế, ông lão ơi!

Ông lão chào con cá và trả lời:

— Giúp tôi với, cá ơi! Mụ vợ tôi lại phát khùng lên, nó chẳng để tôi yên chút nào. Bây giờ nó không muốn làm nông dân nữa mà muốn làm một bà nhất phẩm phu nhân.

Con cá vàng lại trả lời:

— Ông lão ơi! Đừng lo lắng quá. Trời sẽ phù hộ ông lão.

Ông lão lại trở về. Lão ngạc nhiên thấy trước mắt một lâu đài to lớn, mẹ vợ đang đứng trên thềm cao, mình khoác áo lông, đầu đội mũ nhiều hoa, cổ quấn ngọc trai, tay đeo nhẫn vàng, chân đi giày đỏ. Chung quanh kẻ hầu người hạ tấp nập. Còn mẹ thì luôn mỉm cười mừng. Ông lão bảo mẹ vợ:

— Kính chào bà phu nhân, chắc bây giờ bà đã thỏa nguyện rồi chứ?

Mẹ vợ mừng lão một thỏi và bắt lão xuống quét dọn chuồng ngựa.

Được ít tuần lễ, mẹ lại dẫn ra giận dữ, mẹ lại bắt ông lão đi tìm con cá:

— Lão đi tìm con cá và bảo nó tao không muốn làm một bà phu nhân nữa, tao muốn làm nữ hoàng (7) kia.

Ông lão hoảng sợ kêu xin:

— Mẹ nói gì vậy? Mẹ có lần (8) không? Mẹ đi chẳng biết đường đi, nói chẳng biết đường nói mà đòi làm nữ hoàng? Thiên hạ họ biết, họ sẽ cười cho.

Mẹ vợ nổi trận lôi đình (9), tát vào mặt ông lão:

— Mẹ cái à? Mẹ dám cãi một bà nhất phẩm phu nhân à? Đi ngay ra biển nếu không tao sẽ cho người lôi đi.

Ông lão đành lùi thối ra biển. Biển nổi sóng mù mịt. Ông lão gọi con cá. Con cá bơi đến hỏi:

— Ông lão ơi! Ông cần gì thế?

Ông lão chào con cá và nói:

— Mẹ vợ nhà tôi lại nổi cơn điên rồi. Nó không muốn làm bà nhất phẩm phu nhân nữa, nó muốn làm nữ hoàng.

Con cá trả lời:

— Thôi đừng lo lắng. Cứ về đi. Trời phú hộ cho ông. Mẹ già sẽ là nữ hoàng.

Ông lão trở về và thấy trước mắt cung điện nguy nga, mẹ vợ lão đã thành nữ hoàng đang ngồi ở bàn tiệc. Bọn thị vệ (10) đang rót mời mẹ những thứ rượu quý của các nước phương

xa và dâng cho mẹ những thứ bánh rất ngon lành. Chung quanh lại có cả một đội vệ binh (11), gươm giáo chỉnh tề (12), đứng hầu. Ông lão trông thấy hoảng sợ, cúi rạp xuống đất chào mẹ vợ và nói:

— Kính chào nữ hoàng. Chắc bây giờ nữ hoàng đã thỏa lòng rồi chứ?

Mẹ vợ không thèm nhìn, ra lệnh đuổi đi. Bọn thị vệ xốc tới tùm vai ông lão đẩy ra ngoài; bọn vệ binh cũng chạy đến tuốt gươm dọa chém. Nhân dân không rõ đầu đuôi, cũng chạy lại chố giễu ông lão và bảo: «Đáng kiếp! Có thể mới sáng mắt ra, hạn sau đừng thấy người sang bắt quàng làm họ (13) nữa».

Được ít tuần, mẹ vợ lại nổi cơn thịnh nộ (14). Mẹ sai đi bắt ông lão đến. Mẹ bảo:

— Mẹ hãy đi tìm con cá, bảo nó tao không muốn làm nữ hoàng, tao muốn làm Long vương (15) ngự trên mặt biển, để con cá vàng hầu hạ tao và làm theo ý muốn của tao.

Ông lão không dám trái lời mẹ. Ông lão lại đi ra biển. Một cơn giông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm. Ông lão gọi con cá vàng. Con cá bơi đến hỏi:

— Ông lão có việc gì thế? Ông lão cần gì?

Ông lão chào con cá và nói:

— Cá ơi, giúp tôi với! Thương tôi với! Tôi sống làm sao được với mẹ vợ quái ác này! Bây giờ mẹ ấy không muốn làm nữ hoàng nữa, mẹ muốn làm Long vương ngự trên mặt biển, để bắt cá vàng phải hầu hạ mẹ và làm theo ý muốn của mẹ.

Con cá vàng không nói gì, quẫy đuôi lặn sâu xuống đáy biển. Ông lão đứng trên bờ đợi mãi không thấy nó lên trả lời, mới trở về. Đến nơi, ông lão sững sốt: lâu đài cung điện biển đâu mất; trước mắt, ông lão lại thấy túp lều nát ngày xưa và trên bậc cửa, mẹ vợ đang ngồi trước cái mâm lợn ăn sứt mẻ.

PU-SO-KIN kể.

Vũ Đình Liên và Lê Trí Viễn dịch

Chú thích:

- (1) *Sông biển*: loài rêu mọc ở dưới đáy biển.
- (2) *Sinh phúc*: ở đây ý nói mở lòng nhân từ.
- (3) *Cúi máng lợn*: đồ dùng đựng thức ăn của lợn.
- (4) *Không muốn làm một mụ nông dân quen*: không muốn làm một mụ nông dân tầm thường.
- (5) *Nhất phẩm phu nhân*: người đàn bà được vua ban cho vinh dự cao nhất, có địa vị cao nhất.
- (6) *Đi lóc cóc*: đi lúi thủi một mình, Lóc cóc, về một mình.
- (7) *Nữ hoàng*: người đàn bà làm vua.
- (8) *Lăn*: nhằm. Người già hay lăn. Ở trong bài có nghĩa là không sáng suốt. *Chú ý*: lăn lộn: nhằm cái nọ với cái kia. Tuổi già hay lăn lộn. *Lăn cần*: nhằm lăn. *Lăn trong câu*: các bạn giúp đỡ lẫn nhau có nghĩa là hai bên giúp đỡ nhau qua lại.
- (9) *Nổi trận lôi đình*: nổi cơn giận rất dữ dội.
- (10) *Thị vệ*: bọn người hầu bên cạnh nhà vua.
- (11) *Vệ binh*: lính canh gác bảo vệ nhà vua.
- (12) *Chỉnh tề*: xếp đặt ngay ngắn, cân, đều. *Đội ngũ chỉnh tề*.
- (13) *Thấy người sang bắt quàng làm họ*: thấy người giàu sang hoặc có địa vị thì nhận bừa là họ hàng, bà con. Ý chỉ người có thói muốn đề cao cá nhân hoặc cần lợi cho mình bằng cách nhận bừa là bà con với người có địa vị trong xã hội.
- (14) *Con thịnh nộ*: cơn giận dữ ghê gớm.
- (15) *Long dương*: vua cai trị dưới biển (theo trí tưởng tượng của người xưa).

Chính tả:

Sang: sang trọng, sang hèn, sang sảng; *San*: san hô, san sẻ, nguyệt san.
Quàng: khăn quàng, vệt kền quàng quạc, quàng xiềnh.
Vẫy: vẫy vẫy, vẫy tay, vẫy vùng.
Lăn: lăn lộn, nhằm lăn, lăn cần, lăn nhau; *Lăn*: lăn lút, lăn quắt, lăn thân, lăn trong đám đông.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tìm đại ý và bố cục của truyện.
2. Nhận xét mức độ tăng tiến của các yêu cầu của mụ vợ ông lão dành cả để thấy được những thói xấu đáng ghét của mụ ta. Cuối cùng

mụ đã bị trừng phạt như thế nào? Khác với mụ vợ, ông lão đánh cá có đức tính gì đáng quý? Mặt khác ở ông lão ta cần phê phán điểm gì? Em rút ra được bài học gì sau khi đọc xong câu chuyện này?

3. Mỗi lần ông lão ra biển gọi con cá vàng, cảnh biển thay đổi như thế nào? Miêu tả cảnh biển thay đổi như vậy là nhằm mục đích gì? Cách mở đầu và cách kết thúc câu chuyện có đặc điểm gì?

HỒ VÀ CÁC CON VẬT BÉ NHỎ

(Truyện ngụ ngôn)

Ngày xưa ở trên núi Ba Vi có một con hồ rất hung dữ. Mỗi khi bắt được một con vật nào nó thường đùa giỡn làm cho con vật đó khiếp sợ rồi mới ăn thịt. Một hôm, hồ đang lang thang đi tìm mồi thì nhìn thấy một con rùa bé nhỏ. Hồ cong đuôi nhảy tới bên cạnh, giơ chân vờn mai rùa và cất tiếng ồm ồm chế giễu:

— Hỡi chú rùa bé nhỏ, thân hình chú chưa bằng nửa thân của ta, mà cái vỏ chú lại nặng nề thế này thì còn làm ăn gì được. Chú để ta lột cái vỏ này đi cho nhé!

Rùa gặp hồ thì rất sợ hãi, nhưng khi thấy hồ không ăn thịt mình liền bình tĩnh và nghĩ ra một kế để lừa hồ. Rùa trả lời rằng:

— Bác hồ ạ, tôi tuy bé nhỏ nhưng trong rừng này tôi đều có thể bắt cả các loại thú vật to lớn hơn tôi để ăn thịt đấy. Nghe rùa nói vậy, hồ rất lấy làm lạ, liền hỏi lại:

— Nay, chú đừng nói láo thế. Nếu chú đã ăn thịt được con vật nào lớn hơn chú thì cũng phải có cái gì làm bằng chứng chứ!

Rùa ta liền khạc ngay trong miệng ra một miếng mồi nhĩ (!) mà rùa thường ăn rồi nói với hồ:

— Bác hãy xem, đây là gan con voi tôi vừa ăn sáng nay đây. Tôi bắt được con vật nào cũng chỉ ăn có lá gan là đủ no, chứ không như bác phải ăn cả xương lẫn thịt đâu nhé.

TN 7086/86

1928/88

Con nỏ chưa ăn mọt nhĩ bao giờ nên tưởng là gan voi thật, nó hoảng quá, sợ rùa cũng sẽ bắt nó ăn gan, liền cong đuôi chạy miết.

Hồ chạy đến một dòng suối thì dừng lại uống nước. Một con cua từ đâu lồm ngồm bò đến ngay cạnh hồ. Hồ quay lại giờ chân định giẫm chết cua, nhưng nó lại nghĩ phải làm cho cua khiếp sợ đã rồi hãy ăn thịt. Nó nói với cua:

— Này lão cua già kia, lão có tám chân mà ta chỉ có bốn chân, vậy lão hãy chạy thi với ta, nếu ai thua thì chịu chết, lão có bằng lòng không?

Cua rất mau trí khôn, nghĩ ngay ra một cách để chạy thi với hồ, liền gật đầu nhận lời. Cuộc thi bắt đầu. Mỗi lần hồ cong đuôi nhảy, cua lại giờ hai càng cặp chặt vào đuôi hồ. Hồ nhảy được chẳng đường nào thì cái đuôi của hồ đã vút cua tới đích trước. Hồ nhảy mãi mà vẫn không hơn được cua, sợ quá nó kêu lên:

— Lão cua già ơi! Ta hãy nghỉ một lúc đã.

Lừa được hồ, cua rất thích chí, đứng cười vang lên. Hồ ta nhớ lời thách «ai thua phải chịu chết» nhân lúc cua đang mãi cười, nó liền cong đuôi chạy thẳng một mạch, không dám quay đầu lại.

Hồ chạy đến một gốc cây, mệt quá nằm vật xuống nghỉ. Một con chim sẻ trên cây nhìn thấy hồ, cao giọng liu lo chọc tức hồ và thách thức hồ rằng:

— Bác hồ ơi! Bác to lớn hơn tôi nhiều, thế bác có dám thi với tôi xô đồ cái cây này không?

Hồ cây mình có sức mạnh hơn chim sẻ nên nhận lời và còn nói thêm:

— Ta xô đồ thì mày phải chịu để ta ăn thịt, nếu ta xô không đồ mà mày xô đồ thì mày được ăn thịt ta, có bằng lòng như vậy thì ta mới thi với mày.

Chim sẻ gật đầu rồi cất cánh bay sang một cây khác đậu. Hồ ra sức húc mãi vào cây nhưng cây vẫn trơ trơ chỉ có đám

đất dưới chân hồ là bị giẫm nát. Vần quanh gốc cây suốt buổi trưa chẳng ăn thua gì, hồ mệt quá ngồi thõ và bảo chim đến xô cây. Chim bay lên một cành cây nhỏ quệt mỏ vào thân cây kêu lách cách và nhún nhảy làm cho cành con chuyễn rung, lá rung lá tả xuống quanh hồ. Chim vừa nhảy vừa kêu lên:

— Bác hồ ơi! Bác chạy nhanh lên không cây đồ để chết bây giờ.

Hồ ta thấy lá rụng rào rào, tưởng cây sắp đổ thật, vội vàng cong đuôi nhảy vọt vào rừng mất.

Bị ba vố liền, hồ ta kinh sợ, định quay về hang nằm, nhưng bụng đói meo, hồ lại cầm cổ đi tìm mồi. Đến một ngọn núi trọc, từ xa hồ đã nhìn thấy một con tê tê béo tốt, liền gắng sức lao tới. Tê tê thấy hồ thì cuộn tròn lại lăn vào một hốc cây. Từ trong hốc cây, tê tê thò đầu ra nói với hồ rằng:

Bác muốn ăn thịt tôi à, cũng được, tôi sẽ cho bác ăn. Nhưng bác phải thi với tôi xem ai tài giỏi làm cho những người trồng sản dưới chân núi kia hoảng sợ. Nếu bác được thì tôi chịu để bác ăn thịt.

Hồ đôi quả chẳng suy nghĩ gì cả gật đầu nhận lời ngay. Tê tê bảo hồ đứng ra xa, rồi từ trong hốc cây, tê tê lăn tròn rất nhanh xuống chân núi, những người đang trồng sản tưởng đá ở trên núi rơi xuống liền vội vàng chạy tản ra. Thấy tê tê lăn xuống mọi người hoảng sợ chạy, hồ cũng cong đuôi đâm hồ xuống, mọi người thấy hồ liền la lớn lên, vác cuốc vác gậy vây chặt lại, rồi đánh hồ chết tại chỗ.

Đứng trên ngọn núi nhìn mọi người đánh chết hồ, chủ tê tê khoái chí cười mãi, cười đến nỗi răng rụng xuống đất mọc lên thành những cây cỏ gai rất sắc. Và từ đó tê tê không có răng.

Theo BÀN THỂ KHÁNH

Chú thích:

(1) Mọt nhĩ: loại nấm hình tai, màu nâu đen, mọc ở gỗ mục, dùng làm thuốc ăn.

Chính tả :

Vườn : mùa vườn ; Vườn : vườn tược, về vườn.

Giờn : đùa giỡn ; Nhớn : nhớn nhớn.

Giễu : chế giễu, giễu cợt ; Diều : diều võ, diều hánh.

Hải : hải đăng, hải quân ; Hải : sợ hãi, hải hùng.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Nhân vật trong truyện có hai loại, nhân vật đặc điểm của từng loại. Mỗi loại liêu biểu cho hạng người nào trong xã hội ?

2. Biện pháp nghệ thuật chủ yếu để xây dựng nhân vật ở truyện này là phép nhân hóa. Thế nào là phép nhân hóa ? Ở truyện này đã triệt để khai thác phép nhân hóa để xây dựng nhân vật như thế nào ?

3. Qua câu chuyện về các con vật, em hãy tìm hiểu ý nghĩa của truyện này và rút ra bài học cho bản thân.

TRUYỆN THẠCH SANH

A. TÓM TẮT TRUYỆN

Truyện Thạch Sanh viết theo thể lục bát, gồm 1812 câu, thuật lại một truyện đời xưa. Truyện do ai viết và viết từ bao giờ chưa rõ, nhưng xét theo nội dung và văn chương thì chắc là của một nhà văn bình dân. Cốt truyện như sau :

I— THẠCH SANH XUẤT THÂN TỪ MỘT GIA ĐÌNH LAO ĐỘNG NGHÈO, TỪ THIÊN

Vợ chồng Thạch Nghĩa làm nghề đốn củi. Nhà rất nghèo mà lòng ngay thật, lại hay làm việc lành, xa gần đều nức tiếng khen. Hai ông bà đã ngoài sáu mươi mà chưa có lấy một mụn con. Ngọc hoàng thương tình cho Thái tử xuống đầu thai. Thạch ông chết khi Thạch Sanh còn trong bụng mẹ. Sau ba

năm chín tháng cậu bé Thạch Sanh khôi ngô, tuần tú mới cất tiếng khóc chào đời. Thạch Sanh lên bảy tuổi thì mẹ mất.

Thạch Sanh khóc than thảm thiết. Làng nước động lòng kéo đến tống táng hộ. Từ đấy, Thạch Sanh một mình côi cút, ngày vào rừng đốn củi, tối về ngủ dưới gốc đa. Tuy sống cảnh đời khổ nhưng Thạch Sanh chẳng hề than thở. Đến năm mười ba tuổi, Thạch Sanh được tiên ông Li Tinh xuống dạy võ nghệ pháp thuật và « phép trị nước » cho.

Một hôm có anh hàng rượu là Li Thông trông thấy Thạch Sanh ra dáng con người được việc, bèn xin kết nghĩa anh em để lợi dụng. Về sống cùng Li Thông, Thạch Sanh chăm chỉ làm ăn. Nhờ vậy gia đình Li Thông ngày càng thịnh vượng.

II— THẠCH SANH CHÉM XÀ TINH VÀ BỊ CƯỚP CÔNG

Trong miền có cái miếu thờ con rắn đã thành tinh. Mỗi năm dân làng phải hiến cho nó một mạng người. Năm ấy đến lượt Li Thông. Hay tin, mẹ con họ Li khóc than. Chợt Thông nghĩ ra một kế... Hắn làm mâm cơm thật sang mời Thạch Sanh ăn rồi nhờ đi « canh » miếu thay, để hắn ở nhà cất nôi uống rượu.

Thạch Sanh tin lời xách búa ra đi. Đến miếu gặp Xà tinh, hai bên đánh nhau kịch liệt. Thạch Sanh hóa phép chém được Xà tinh, chặt đầu dốt xác và thu được một bộ cung tên vàng. Đường đêm, Thạch Sanh xách đầu Xà tinh về gọi mẹ con Li Thông. Tưởng oan hồn Thạch Sanh hiện về báo oán, mẹ con họ Li phách lạc hồn xiêu, khăn vải râm rì. Thạch Sanh nghe rõ sự tình, mới biết mình bị lừa, nhưng với lòng độ lượng, Thạch Sanh cứ gọi họ ra xem. Thấy đầu xà tinh, Li Thông nảy ra ý cướp công. Hắn dọa Thạch Sanh là đã giết vật báu của vua nuôi. Hắn bảo Thạch Sanh trốn đi để mặc hắn lo liệu.

Thạch Sanh đi rồi, Li Thông vội tìm đến tâu vua rằng hắn đã chém được Xà tinh. Vua phong cho hắn tước « đồ đốc quân công ». Từ đó, mẹ con Li Thông hưởng vinh hoa, phú quý, trong khi Thạch Sanh vẫn « tháng ngày kiếm củi ngồi kê gốc đa ».

III— THẠCH SANH CỨU CÔNG CHÚA

Công chúa Quỳnh Nga dựng lầu kén chồng. Thế tử mười tám nước kéo về dự tuyển nhưng chẳng ai lọt được mắt xanh của nàng. Buồn bực, nàng dạo chơi trong vườn, bị chim Đại bàng sà xuống cắp đi. Thạch Sanh bắn Đại bàng bị thương. Theo dấu máu, Thạch Sanh tìm đến cửa hang.

Nhà vua lo lắng, buồn phiền vì mất con. Các đạo quân được cử đi tìm mãi vẫn không thấy. Vua bèn phán ai tìm được công chúa sẽ gả và truyền ngôi cho. Triều thần tiến cử Li Thông.

Họ Li cho mở hội hát đua để nhân đó dò la tin tức công chúa. Thạch Sanh đến xem hội, gặp Li Thông; Thông niềm nở ân cần. Thạch Sanh thật bụng tin người, lại một lần nữa đi giúp bạn.

Thạch Sanh và Li Thông kéo quân đến cửa hang Đại bàng. Thạch Sanh một mình leo xuống, giao hẹn rằng nghe động dẫu dây thừng kéo công chúa lên trước rồi thông dây xuống cho Thạch Sanh lên. Gặp công chúa, Thạch Sanh đưa thuốc mê để nàng ngủ cho Đại bàng. Công chúa được cứu thoát đã hứa hẹn chuyện tơ duyên với Thạch Sanh.

Khi công chúa lên khỏi hang, Li Thông bảo quân lính đưa về trước, hắn còn ở lại đánh Đại bàng. Quân đi rồi, hắn lăn đá lấp hang hòng giết Thạch Sanh.

Bị hãm trong hang, Thạch Sanh bắn phá cung điện của Đại bàng. Chàng giết nó và cứu được Thái tử con vua Thủy tề bấy lâu bị giam hãm.

Được Thái tử mời về Thủy cung, chàng lại đánh bại con Hồ tinh lâu nay hoành hành không ai trị nổi. Vua Thủy tề phong chàng làm quốc trượng và thưởng cho cây đàn bầu. Nhớ ngày giỗ cha, Thạch Sanh từ biệt ra về. Chàng trở về gốc đa có nghĩa, có nhân, bấy lâu vì mong nhớ chàng mà ử ơ.

Còn công chúa Quỳnh Nga từ ngày được Thạch Sanh cứu thoát, không thấy bóng ân nhân của mình nên đã hóa câm. Vua cha chạy chữa, cầu cúng mãi vẫn không khỏi.

IV— THẠCH SANH MẮC OAN VÀ ĐƯỢC GIẢI OAN

Hồn Xà tinh và Đại bàng bay vờ kiếm ăn; gặp nhau mới biết cả hai đều bị Thạch Sanh giết chết. Chúng tìm cách trả thù. Chúng hiện vào kho vua ăn cắp vàng bạc, vờ đề cho lính canh trông thấy, rồi đem giấu ở chỗ nằm của Thạch Sanh. Quả nhiên, Thạch Sanh bị bắt bỏ ngục và Li Thông cố tìm cách giết chàng.

Ngồi trong ngục, Thạch Sanh lấy đàn ra gảy. Tiếng đàn oán trách Li Thông bất nghĩa, công chúa vong tình. Tiếng đàn vang đến tai công chúa, nàng bỗng tươi vui, « cười cười, nói nói ». Nàng nói rõ sự tình với vua cha. Thạch Sanh giải bày được nỗi oan khuất của mình và tâm địa hiểm độc của Li Thông. Vua gả công chúa cho Thạch Sanh, phong hai lần quận công và giao Li Thông tùy chàng xử trí.

Thạch Sanh vẫn độ lượng, tha cho Li Thông về làng làm ăn. Nhưng dọc đường mẹ con họ Li bị trời đánh và bắt hóa kiếp thành con bọ hung.

V— THẠCH SANH LUI BINH CÁC NƯỚC

Mười tám nước chư hầu nghe tin vua gả con gái cho anh đồn cũi, bèn kéo binh tới đánh để rửa mối nhục bị công chúa coi thường.

Thạch Sanh ung dung lấy đàn thần ra gảy. Tiếng đàn chinh nghĩa phân trần lẽ thiệt điều hơn; tiếng đàn khoan dung độ lượng. Quân lính mười tám nước chư hầu nghe thấu như cởi mở tấm lòng, không bụng dạ nào mà đánh nhau, đành quy hàng.

Khi các nước chư hầu xin lương ăn để rút quân, Thạch Sanh cho một niêu cơm. Quân tướng ngồi vào ăn thử, ăn rồi lại đầy. Quân mười tám nước ăn đã no nê mà niêu cơm chẳng hết. Quân tướng càng kinh phục.

Nhân đủ mặt chư hầu, vua truyền ngôi cho Thạch Sanh. Thạch Sanh sửa sang việc nước; bốn phương an hưởng thái bình.

II - PHÂN TÍCH GIÁ TRỊ « TRUYỆN THẠCH SANH »

Nội dung chủ yếu của truyện Thạch Sanh là ca ngợi tài năng vô địch, đạo đức và nguyện vọng chân chính của người lao động, đồng thời bóc trần bản chất xấu xa, tàn bạo của bọn bóc lột.

I - GIÁ TRỊ NỘI DUNG

a) Truyện Thạch Sanh ca ngợi đạo đức, tài năng và nguyện vọng chân chính của người lao động :

Truyện Thạch Sanh ca ngợi phẩm cách của những người lao động nghèo khổ, giàu lòng nhân đạo. Gia đình họ Thạch đói nghèo nhưng thương người :

« VỢ thì gánh nước liền tay

Đề đem bổ thí người nay lỡ đường.

Chồng thì khơi cống khơi mương,

Luôn tay cuốc thuổng sửa đường người qua ».

Đây không chỉ là chuyện làm việc nghĩa. Cuộc sống tâm hồn, tình cảm của gia đình họ Thạch rộng hơn, bao hơn. Chẳng thế mà khi về già, sắp vĩnh biệt đứa con yêu quý, Thạch bà vẫn căn dặn :

« Từ nay mẫu tử biệt li,

Khuyên con nhớ lấy nhân nghi hiếu trung ».

Tác giả truyện Thạch Sanh không những nhìn thấy tấm lòng nhân đạo của người lao động mà còn đặc biệt ca ngợi đức độ tài năng của họ nữa.

Trước hết Thạch Sanh là người thiết tha yêu quê hương làng mạc. Dù « giang sơn » chỉ « một gánh củi cành trên vai », dù cửa nhà chỉ là một gốc đa hiu quạnh, Thạch Sanh vẫn khước từ cảnh giàu sang phú quý của vua Thủy tề để trở về với mảnh đất chôn rau cắt rốn. Đối với Lí Thông, người anh em kết nghĩa, Thạch Sanh thật thà tin yêu bạn. Khi biết Lí Thông là kẻ bất nhân, chàng vẫn rộng lòng tha thứ, vẫn

mong hân tu tình. Khi bắt gặp khó khăn, chàng sẵn sàng giúp đỡ. Đối với những người mắc nạn chàng ra tay cứu giúp. Với những lực lượng thù địch của con người chàng thẳng tay trừng trị. Thạch Sanh yêu và ghét cũng rạch ròi, phân minh. Yêu thương, trân trọng con người nên chàng tin người và khoan dung trước lỗi lầm của con người. Với lũ giặc ngoại xâm hung hãn của mười tám nước chư hầu, chàng không đánh bằng gươm giáo, tên nỏ mà đã đánh bại chúng bằng tiếng đàn nhân nghĩa.

Thạch Sanh có đức lại có tài. Tài của Thạch Sanh là sự hun đúc của chính nghĩa. Phép thần thông biến hóa như Xà tinh, Đại bàng, Hồ tinh và hung hãn như quân tướng mười tám nước chư hầu, thế mà trước sau bọn chúng đều bị lưỡi búa, mũi tên, chiếc đàn, niêu cơm mẫu nhiệm của Thạch Sanh khuất phục.

Sức mạnh của chính nghĩa và tinh thần chiến đấu dũng cảm đã thắng áp bức bóc lột. Thạch Sanh đã đánh bại lũ yêu quái hung ác trên mặt đất (Xà tinh, Đại bàng), dưới nước (Hồ tinh), đánh bại các lực lượng tàn bạo trong nước (Lí Thông) và ngoài nước (quân xâm lược mười tám nước). Trong quá trình đấu tranh ấy, lực lượng chính nghĩa không ngừng lớn mạnh. Buổi đầu, vũ khí của Thạch Sanh chỉ có một con dao, một cái búa. Sau khi giết Xà tinh chàng có thêm bộ cung tên vàng. Cây đàn tam huyền là phần thưởng của chàng sau khi đánh bại Hồ tinh. Niêu cơm ăn hết lại đầy tượng trưng cho khả năng kinh tế vô tận của nhân dân góp vào chiến công của Thạch Sanh. Chính vì đấu tranh cho chính nghĩa mà tài năng của Thạch Sanh ngày càng trở nên vô địch. Cuộc đời của chàng là một chuỗi chiến thắng của chính nghĩa. Thắng lợi cuối cùng là Thạch Sanh lên làm vua, làm chủ đất nước, làm chủ cuộc đời.

b) Truyện Thạch Sanh bóc trần bản chất tàn bạo, xảo quyệt của bọn bóc lột :

Nếu như Thạch Sanh là nhân vật đại diện cho lực lượng chính nghĩa thì Lí Thông là người đại diện cho bọn bóc lột

gian tham, hung hiểm. Lí Thông là kẻ bất tài và quý quyết. Họ Lí ra làm quan bằng con đường mưu mô, lừa đảo cướp công của kẻ khác. Lí Thông không chỉ cướp công giết Xà tinh của Thạch Sanh mà còn luôn tìm cách giết hại chàng. Ngay cái tình «huynh đệ» của họ Lí cũng chỉ là sự lợi dụng sức lao động của Thạch Sanh mà thôi. Những ý nghĩ và hành động hèn mạt, độc ác của họ Lí đều xoay xung quanh hai mục đích: danh và lợi. Lí Thông từ một lái buôn, do gian ngoan mà làm đến chức «đô đốc quân công».

Tác giả viết truyện Thạch Sanh nhằm giáo dục con người, và khuyên người ta «nhân nghĩa hiếu trung». Cho nên tên gian ác Lí Thông, mặc dầu được Thạch Sanh tha tội chết, hẳn vẫn bị «trời» đánh và phải hóa kiếp làm con bọ hung chui rúc trong nhơ bẩn.

c) Một số điểm hạn chế trong tác phẩm:

Khi viết truyện Thạch Sanh, quan điểm đạo đức của tác giả căn bản là đạo đức chân chính của nhân dân: nhưng tư tưởng của tác giả lại chịu ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến. Cho nên nội dung tư tưởng của tác phẩm không tránh khỏi những hạn chế nhất định. Cụ thể là việc thể hiện nhân vật Thạch Sanh và cách giải quyết mối quan hệ giữa hai nhân vật: Thạch Sanh — Lí Thông còn lúng túng. Thật thà, tin người, độ lượng trước lỗi lầm của con người là một trong những nét nổi bật của phẩm cách Thạch Sanh. Dụng ý của tác giả là muốn cường điệu các chi tiết đó để nhấn mạnh lòng nhân ái, thủy chung của Thạch Sanh và từ đó nhấn mạnh cái triết lí thông thường, phổ biến mà cũng là nguyện vọng của quần chúng là «ở hiền gặp lành». Vì vậy tác giả không muốn Thạch Sanh có thái độ cứng rắn hơn trong việc «đối xử» với một kẻ thù nguy hiểm như Lí Thông (đối với các lực lượng thù địch khác của con người như Xà tinh, Đại bàng, Hồ tinh. Thạch Sanh rất cương quyết). Chắc rằng ý thức về lòng trung thành với «lời thề kết nghĩa anh em» ràng buộc, chi phối tác giả trong cách giải quyết vấn đề... Mặc dầu bị những hạn chế nhất định, nhưng tác giả đã đứng về phía nhân dân lao động bị áp bức bóc lột, đã nói được nguyện

vọng tha thiết của quần chúng. Giá trị chủ yếu của truyện Thạch Sanh là ở chỗ đó.

II— GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT

Truyện Thạch Sanh là truyện tả sự việc. Kết cấu của truyện chặt chẽ. Sự việc được sắp xếp mạch lạc, hợp lý, theo thứ tự thời gian. Tác giả đặt nhân vật phản diện Lí Thông và nhân vật chính diện Thạch Sanh vào thế tương phản, khiến cho cả hai nhân vật đều nổi bật.

Nhân vật Thạch Sanh tiêu biểu cho lực lượng chính nghĩa của quần chúng lao động. Đời sống của chàng giản dị nhưng tài đức có thừa. Một mình chàng đã đương đầu với lũ yêu quái, với lũ giặc ngoại xâm mà từ vua chí quan, đều khiếp sợ.

Nhân vật Lí Thông được tác giả xây dựng khá thành công. Thâm hiểm, xảo trá, gian tham, độc ác, bất nghĩa là những đặc tính của hắn. Hắn đánh lừa Thạch Sanh để thế mạng. Hắn vừa dọa nạt vừa giả nhân giả nghĩa để cướp công chém Xà tinh. Hắn giả vờ quý trọng Thạch Sanh để nhờ chàng dò la tin tức công chúa. Hắn định giết Thạch Sanh vì sợ bị tiết lộ sự thực. Tất cả những điều đó, nói rõ bản chất của y.

Lời văn trong truyện là lời nói mộc mạc, tự nhiên của quần chúng nhân dân, ít chữ Hán và điển tích. Tuy vậy cũng không tránh khỏi vụng về, dễ dãi trong khi dùng từ, đặt câu.

Tóm lại, nghệ thuật truyện Thạch Sanh, căn bản là nghệ thuật bình dân, phù hợp với nội dung tác phẩm — một truyện thơ được xây dựng trên cơ sở một truyện cổ tích kết hợp với yếu tố thần thoại — cho nên tác phẩm dễ đi sâu vào lòng người và được quần chúng ưa thích.

III— KẾT LUẬN

Truyện Thạch Sanh có giá trị nhân đạo sâu sắc, do đó nó có tác dụng giáo dục tinh yêu lao động, yêu nhân dân, yêu chính nghĩa, ghét gian tà. Mặc dù truyện có một số điểm hạn

chỗ, chúng ta vẫn rút ra được bài học lớn : bài học đấu tranh tiêu diệt mọi lực lượng gian tà, đấu tranh cho sự toàn thắng của chính nghĩa.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tìm đọc truyện Thạch Sanh. Dựa vào phần tóm tắt, hãy kể lại câu chuyện.

2. « Nội dung chủ yếu của truyện Thạch Sanh là ca ngợi tài năng võ địch, đạo đức và nguyện vọng chân chính của người lao động, đồng thời bóc trần bản chất tàn bạo, xấu xa của bọn bóc lột ». Hãy chứng minh nhận định trên.

3. Tìm hiểu kết cấu, cách xây dựng nhân vật Thạch Sanh và Lí Thông của tác giả.

THẠCH SANH CHÉM XÀ TINH

Trải qua mấy dặm ⁽¹⁾ rừng hoang,
Tới nơi phút thấy rõ ràng miếu thiêng.

Bốn bề vắng vẻ êm đêm,

Trời vừa sẫm tối chàng liền nghỉ chân.

5 Giở ra, cơm nắm toan ăn,

Hay đâu gió thổi âm âm rung cây.

Lại thêm gầm rú ghê thay,

Trống ra thấy một vật nay dị kì.

Thạch Sanh chẳng biết vật chi,

10 Trắng, đen, xanh, đỏ hoe hoe cả mình.

Hung hăng giơ vuốt nhún nanh,

Phòng toan ⁽²⁾ làm dữ như hình mọi khi.

Thạch Sanh hóa phép tức thì,

Búa riu liền phóng một khi yêu xà ⁽³⁾.

15 Mãng rãng: « Mày giống tà ma,

Hại người tao chẳng dung tha mày nào! »

Xà tinh ⁽⁴⁾ liền nhảy xốc vào,

Thạch Sanh liền lấy thần đao chém liền.

Ai ngờ rắn có phép thiêng,

20 Hòa ra lửa cháy bốn bên đồ ngòm,

Thạch Sanh hóa phép mưa tuôn,

Tự nhiên lửa tắt, kinh hồn Xà tinh.

Lại e yêu nghiệt tàng hình ⁽⁵⁾

Trốn đi nơi khác thật mình uổng công.

25 Bỏ vây lưới sắt bịt bùng,

Nguyên hình ⁽⁶⁾, rắn phải dùng dùng hóa ngay,

Chàng dùng dao bấu chém ngay,

Rõ ràng con rắn vừa tày một gian.

Lấy đầu dốt xác vừa an,

30 Bấu ⁽⁷⁾ tên với một cung vàng hiện ngay.

Thạch Sanh thấy lạ cầm tay,

Cầm ơn trời đất cho nay vật kì.

Mai ngày phát tích ⁽⁸⁾ có khi,

Suối vàng cha mẹ sẽ thì ngăm vui.

35 Chém xong rồi mới canh ⁽⁹⁾ hai,

Xách đầu chạy thẳng một hơi về nhà.

Chú thích:

(1) Dặm : đơn vị tính chiều dài của đường đi, khoảng gần nửa ki-lô-mét.

(2) Phòng toan : đang định làm.

(3), (4) Yêu xà, xà tinh : rắn hóa thành yêu, thành tinh.

(5) Tàng hình : biến mất hình dạng, giấu mình đi.

(6) Nguyên hình : hình dạng vốn có trước kia. Theo thần thoại thì rắn tu luyện lâu năm biến thành hình người, nhưng khi gặp phép thuật thì phải hiện nguyên hình rắn trở lại như lúc trước.

(7) Bấu tên : mũi tên quý.

(8) Phát tích : làm nên công trạng, người xưa cho rằng khi bắt được vật kì lạ, quý giá là điềm tốt, báo hiệu sau này có thể làm nên sự nghiệp lớn.

(9) Canh : khoảng thời gian ban đêm chừng hai tiếng đồng hồ, tức một phần năm của đêm (theo cách tính giờ thời xưa).

Chính tả:

Mắng : mắng mỏ, mắng nhiếc; Mẩn : may mắn, mẩn đẻ.

Mày : lông mày, mây tào; Mài : mài đẽo, dùi mài.

Giở : giở ra, giở giới, giở giọng, giở quẻ, giở trò; Dở : hay dở, dở bữa, dở chừng, dở dang, dở hơi, dở người; Dỡ : dỡ hàng, dỡ nhà.

Ngay : ngay thẳng, ngay ngắn; Ngai : ngai vàng.

Xách : xách làn; Xích : xệch xích.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Giải nghĩa các từ : dung tha, dung hòa.

2. Cuộc chiến đấu của Thạch Sanh được miêu tả khá hấp dẫn nhờ có một số sự việc mang màu sắc thần thoại. Em hãy chứng minh.

3. Câu mắng Xà tinh và việc chém Xà tinh của Thạch Sanh có ý nghĩa gì?

4. Qua đoạn trích này, em thấy nhân dân muốn ca ngợi Thạch Sanh với những phẩm chất cao đẹp gì?

TẮM CẨM

Tấm và Cẩm là hai chị em cùng cha khác mẹ. Tấm là con vợ cả, Cẩm là con vợ lẽ. Bỏ mất rồi, Tấm phải ở với dì ghẻ (1) là mẹ đẻ ra Cẩm.

Một hôm, dì ghẻ đưa cho hai chị em mỗi người một cái giỏ và bảo đi bắt tôm bắt tép. Mẹ hứa rằng: «Đứa nào bắt được nhiều thì tao cho một cái yếm đỏ».

Tấm và Cẩm cùng mang giỏ ra đồng. Tấm bắt được nhiều. Cẩm bắt được ít. Cẩm bảo chị: «Chị Tấm ơi! Chị Tấm! Đầu chị lấm, chị húp cho sâu, kéo về dì mắng». Tấm tưởng thật, húp xuống. Cẩm ở trên bờ trút lấy tôm tép của Tấm vào giỏ mình, rồi mang về trước. Tấm lên dòm vào giỏ, thấy mất cả, mới khóc hu hu. Bụt (2) hiện lên hỏi: «Làm sao con khóc?». Tấm kể hết sự tình cho Bụt nghe rồi lại khóc. Bụt bảo Tấm

nhìn xem trong giỏ còn gì không? Thì ra còn lại một con cá bống. Bụt liền bảo Tấm đem cá bống về thả xuống giếng nuôi, và dặn mỗi ngày cho ăn hai lần, mỗi lần một bát cơm. Khi cho bống ăn, phải gọi: «Bống bống bang bang, lên ăn cơm vàng cơm bạc nhà ta, chớ ăn cơm hẩm cháo hoa (3) nhà người».

Tấm nghe lời Bụt dặn, đem bống về nuôi. Cứ đến bữa cơm thì hót một bát, giấu vào thùng gánh nước, mang ra cho bống. Nghe lời gọi dịu dàng của Tấm, bống lại ngoi lên mặt nước ăn cơm. Ít lâu sau, mẹ dì ghẻ biết liền sai Cẩm đi rình. Cẩm đi rình xem hết đầu đuôi, học lõm được câu gọi bống, rồi về mách mẹ. Một hôm, mẹ dì ghẻ lừa bảo Tấm: «Con ơi con! Mai con đi chăn trâu phải chăn đồng xa, chớ chăn đồng nhà, làng bắt mất trâu». Tấm tưởng thật, nghe lời dì ghẻ, hôm sau dắt trâu đi chăn ở cánh đồng xa làng. Thừa dịp đó, mẹ con Cẩm đem cơm ra giếng, đổ xuống và cũng lặp lại câu mà Tấm thường nói khi gọi bống. Bống cũng hơi lên mặt nước, thì bị mẹ con Cẩm bắt lấy mang về làm thịt ăn.

Đến bữa cơm, sau khi ăn xong, theo lệ thường, Tấm mang thùng đi gánh nước và đem cơm ra cho bống. Nhưng lần này, gọi mãi mà không thấy bống đâu cả, chỉ có một cục máu nổi lên. Thấy vậy Tấm ngồi khóc hu hu. Bụt hiện lên hỏi: «Làm sao con khóc?». Tấm thưa lại sự việc xảy ra. Bụt liền bảo: «Người ta đã bắt bống của con ăn thịt mất rồi. Con về nhà nhặt xương nó, mua lấy bốn cái lọ bỏ vào đấy rồi đem chôn xuống bốn chân giường con nằm».

Tấm nghe lời Bụt, về nhà tìm xương bống; tìm mãi không thấy. Bống một con gà trống gáy lên: «Cục ta cục tác, cho ta nằm thóc, ta bới xương cho». Tấm lấy nắm thóc ném cho gà. Gà bới một chỗ thì thấy ngay xương cá. Tấm vội nhặt lấy, cho vào bốn cái lọ và chôn xuống chân giường.

Được ít lâu, nhà vua mở hội (4). Hai mẹ con Cẩm sắm sửa quần áo tốt đi xem hội. Mẹ dì ghẻ không muốn cho Tấm đi, liền trộn một đầu thóc với một đầu gạo, bắt Tấm ngồi nhặt ki xong mới được đi. Tấm ở nhà tủi thân lại ngồi khóc. Bụt lại hiện lên hỏi. Tấm kể đầu đuôi câu chuyện. Bụt liền

bảo: «Đề ta cho một đàn chim sẽ xuống nhặt giúp cho con». Tấm sợ chim ăn mất thóc gạo, sẽ phải đòn. Bụt biết ý, nói: «Rồi ta cấm chim không cho nó ăn thóc gạo của con. Con đừng sợ».

Đàn chim sẽ sà xuống nhặt, chỉ nháy mắt là xong. Nhưng Tấm ngồi vào xó nhà, lại khóc. Bụt lại hỏi: «Làm sao con khóc?». Tấm thưa: «Con không có quần áo đẹp để mặc đi xem hội». Bụt bảo: «Con đi đào những lọ chôn ở chân giường lên, muốn có quần áo đẹp như thế nào cũng có». Tấm vui mừng đào các lọ lên, quả nhiên thấy chẳng những có quần áo đẹp lại còn có cả một đôi giày đinh kim cương ⁽⁵⁾, một con ngựa hồng rất đẹp. Tấm mừng quá, thắng bộ ⁽⁶⁾ vào, đi giày, cưỡi ngựa ra xem hội.

Từ đằng xa, Cám trông thấy Tấm ăn mặc đẹp đẽ, vội mách mẹ. Mẹ đi ghê không tin, nói: «Con Tấm nhà mày mà thắng bộ như thế à? Nó đương ngồi nhặt thóc, còn lâu!».

Lúc Tấm đi qua bờ hồ, vô ý sẩy chân, đánh rơi một chiếc giày xuống nước. Vừa lúc ấy, vợ nhà vua đi qua, bỗng dừng lại kêu rầm rĩ. Vua sai lính lội xuống hồ xem có gì cản trở. Quân lính xuống hồ mò, tìm một lúc, vớt được một chiếc giày đàn bà thêu rất xinh, liền đưa lên trình vua. Vua ra lệnh truyền tin cho tất cả đàn bà, con gái, ai đi xem hội mà trộm ⁽⁷⁾ giày vừa chân thì vua lấy làm vợ. Các cô thì nhau trộm thử. Chẳng ai đi vừa cả. Mãi sau đến lượt Tấm, thì giày vừa chân vừa như in. Vua mừng lắm, sai thị vệ lấy kiệu rước về cung.

Đến ngày giỗ bố, Tấm về nhà làm giỗ. Mẹ đi ghê lập tâm giết Tấm, bèn sai Tấm treo lên hái cau để cúng bố. Tấm treo lên gần tới ngọn, mẹ ở dưới dẫn gốc cây. Thấy động, Tấm vội hỏi: «Đi làm gì ở dưới ấy thế?». Mẹ liền nói dối: «Đi đuổi kiến cho con đấy» và cứ tiếp tục chặt. Tấm đang hái cau thì cây đổ, và Tấm ngã xuống ao cạnh đấy, chết đuối. Mẹ đi ghê vội lấy quần áo đẹp của Tấm mặc cho Cám và đưa Cám vào cung ⁽⁸⁾ thế chị.

Tấm chết hóa ra con vàng anh, bay đến đậu ở vườn nhà vua. Thấy Cám đang giặt quần áo cho vua, chim vàng anh

liền hót: «Giặt áo chồng tao thì giặt cho sạch, giặt mà không sạch tao vạch mặt ra». Đến lúc Cám đem phơi, chim vàng anh lại hót: «Phơi áo chồng tao thì phơi bằng sào, chớ phơi bờ rào, tao cào mặt ra». Vua nghe thấy tiếng chim hót, lạ lắm, bèn nói với chim: «Vàng anh, vàng anh, có phải vợ anh, chui vào tay áo!». Vàng anh nghe thấy thế, tức khắc bay vào tay áo vua. Từ đó, vua thả chim vào một cái lồng sơn son thiếp vàng, hằng ngày vui chơi với chim, không đoái hoài gì đến Cám nữa.

Cám tức lắm, vội về nhà kể cho mẹ nghe. Mẹ Cám xui bắt chim làm thịt ăn. Cám liền về cung sai lính giết chim ăn, rồi vứt lông ra vườn. Lông chim lại hóa ra hai cây xoan đào tươi tốt. Vua thấy cây đẹp, lấy làm thích, sai mắc võng đào ⁽⁹⁾ để nằm chơi hóng mát.

Cám lại về mách mẹ. Theo lời mẹ xui, Cám lại bắt lính dẫn hai cây xoan xuống, lấy gỗ đóng khung cửi. Nhưng cứ mỗi lần Cám ngồi vào dệt vải thì cái khung cửi lại kêu: «Kéo cưa kéo gậy, lấy tranh chồng chị, chị khoét mắt ra».

Cám sợ quá, về nhà mách mẹ, mẹ lại xui sai lính đốt khung cửi đi, rồi đổ tro ra đường cái. Không ngờ đám tro lại hóa ra một cây thị xanh tươi, cây thị chỉ có một quả thật to, thơm nức.

Một hôm, có bà lão hàng nước qua đấy thấy quả thị liền nói: «Thị ơi thị, rung vào bị bà, bà đem bà ngửi chứ bà không ăn». Bà lão vừa dứt lời, quả thị rung ngay vào bị. Bà vội vàng mang về nhà, để ở đầu giường, lấy làm quý lắm. Ngày nào bà lão cũng phải đi chợ mua hàng về bán. Cứ mỗi lần ở chợ về, bà đều ngạc nhiên, vì thấy có sẵn cơm canh để phần thơm tất, lại có cả chậu nước nữa... Cửa nhà rất sạch sẽ, gọn gàng.

Bà rập tằm ⁽¹⁰⁾ rình xem. Một hôm, đi chợ được nửa đường, bà liền quay trở lại. Gần đến nhà, bà rón rén lời sát cửa, nhìn qua khe liếp ⁽¹¹⁾, thấy một cô gái đẹp như tiên đang

làm bếp. Bà lão mừng quá, chạy vào ôm chầm lấy. Vì lộ cơ⁽¹²⁾, cô tiên không biến đi được nữa.

Bà lão tìm quả thị, thì chỉ thấy còn cái vỏ, liền xé vụn ra rồi giấu đi.

Từ bấy giờ, hai người sống với nhau và thương yêu nhau như hai mẹ con.

Một hôm, vua ra phố dạo chơi, qua hàng nước, thấy có một bà lão phúc hậu, liền ghé vào. Vua bỗng nhìn thấy những miếng trầu têm rất khéo và đẹp, giống như những miếng trầu trước đây Tấm vẫn têm. Vua mới hỏi bà lão: «Trầu này ai têm?». Bà lão bảo chính tay bà têm. Nhưng vua ước ao được xem mặt. Bà lão gọi con gái ra, thì chính là Tấm. Được gặp vợ, vua mừng rỡ, sai quân lính rước về cung.

Thấy Tấm về, Cám tức vô cùng và ghen tị vì thấy Tấm càng xinh đẹp hơn trước. Một hôm, Cám hỏi chị: «Chị Tấm ơi! Chị làm thế nào mà xinh đẹp thế?». Tấm trả lời: «Em có muốn đẹp không?». Cám mừng thầm, vội đáp: «Thưa chị có». Tấm liền cho đào một hố sâu, đun sôi một nồi nước sôi, bảo Cám có muốn đẹp thì đứng xuống hố. Cám vội nhảy ngay xuống. Tấm liền cho đổ nước sôi xuống. Cám chết nhăn răng. Tấm lấy xác làm mắm, bỏ vào một cái chĩnh⁽¹⁴⁾ gửi về cho mẹ dì ghẻ. Bữa cơm nào mẹ cũng lấy mắm ra ăn và tấm tắc khen ngon. Nhưng cứ đến bữa mẹ ăn có con qua đậu trên mái nhà kêu rằng: «Ngon gì mà ngon, mẹ ăn thịt con, có còn xin miếng». Mẹ dì ghẻ giận lắm, chửi: «Chém cha mẹ mày, con bà biểu bà chĩnh mắm, bà ăn thấy ngon thì bà đừng khen ư!».

Chĩnh mắm vội dần. Một hôm, ăn gần hết, mẹ thấy ở đáy chĩnh có cái đầu lâu. Nhìn ra thì là đầu lâu con mẹ. Mẹ đau đớn điếng cả người, cuồng lên, lăn đùng ra chết tươi.

Truyện cổ tích Việt Nam
Theo bản của ĐỖ THẬN

Chú thích:

- (1) Dì ghẻ: cũng gọi là mẹ ghẻ, tức là người vợ sau của cha, kế tiếp người vợ cũ.
- (2) Bụt: tức Phật. Theo trí tưởng tượng của người đời xưa, Bụt thường hiện lên để giúp đỡ những người tốt gặp phải hoạn nạn.
- (3) Cháo hoa: cháo trắng, nấu toàn bằng gạo, hạt gạo nở to ra.
- (4) Mở hội: ý nói tổ chức ngày hội vui.
- (5) Kim cương: một thứ đá quý, rất cứng và trong suốt, thường dùng làm đồ trang sức...
- (6) Thắt bộ vào: ý nói mặc quần áo đẹp vào.
- (7) Ướm: thử xem có vừa không.
- (8) Cung: chỉ nơi ở của vua, còn gọi là cung cấm, cung điện.
- (9) Vồng đào: cũng nói vồng điều, vồng màu đỏ. Đời trước vua quan mới được dùng vồng đào.
- (10) Rập rình: có ý định, có mưu tính làm một việc gì.
- (11) Liếp: phen đan bằng nứa hay tre.
- (12) Lộ cơ: ý nói lộ bí mật.
- (13) Gặng hỏi: cũng nói hỏi gặng, hỏi đi hỏi lại cho biết được.
- (14) Chĩnh: cái hũ dẹt, nhỏ hơn cái vại, bằng đất nung, một thứ đồ gốm nhỏ, dùng để đựng gạo, tương...

Chính tả:

Nứt: nứt nẻ, rạn nứt. Nức: nức nở, nức lòng.

Chĩnh: cái chĩnh. Chĩnh: tổ chĩnh, chĩnh đồn, hoàn chĩnh.

Cưỡng: cưỡng lên, điên cuồng. Cuồn: cuồn cuộn.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Bài này có thể chia làm mấy đoạn? Mỗi đoạn nói gì?
2. Truyện Tấm Cám có bao nhiêu nhân vật? Những nhân vật nào là nhân vật chính diện, những nhân vật nào là nhân vật phản diện?
3. Vì sao đọc truyện Tấm Cám, chúng ta lại thông cảm xót thương khi Tấm gặp hoạn nạn và vui mừng khi Tấm được hạnh phúc? Tấm có những đức tính gì?
4. Bì chằn trên vè, Tấm gọi mãi không thấy bóng, chỉ thấy một cục màu nổi lên một giếng. Hình ảnh ấy có ý nghĩa gì?
5. Mẹ dì ghẻ độc ác như thế nào? Mẹ con con Cám chết như thế có đáng không?
6. Em hãy nhận xét bố cục của truyện. Tìm những yếu tố hoang đường trong truyện? Ông Bụt ở trong truyện tiên biểu cho cái gì? Truyện kể rất sinh động, vì sao?

CÔ BÉ NGOAN

(Truyện cổ dân gian dân tộc Tày)

Thuở xưa lắm, người và tiên, Phật thường có dịp gặp gỡ nhau. Thường thường, các vị tiên hay trá hình xuống trần gian giả làm những kẻ nghèo khổ, để thử lòng người trần.

Hồi đó, ở làng kia có một em bé mồ côi cả cha lẫn mẹ. Vì nhà nghèo, và họ hàng thân thích không còn ai nên em phải đi ở cho một nhà giàu trong vùng. Nhà này tuy giàu có nhưng rất keo kiệt ⁽¹⁾. Chủ nhà thấy em còn nhỏ tuổi quá, chưa làm được việc nặng nên bắt em đi chăn trâu cắt cỏ. Tuy vậy, chủ nhà vẫn cho công việc ấy không xứng đáng với lưng cơm bát gạo mà hắn nuôi em, nên hắn đối đãi với em rất ác nghiệt.

Em phải đi chăn trâu cắt cỏ cả ngày, chủ nhà chỉ cho em mang theo một nắm cơm cháy và ít muối để ăn bữa trưa. Đến tối, hắn thì ⁽²⁾ cho em vài lưng cơm bằm ⁽³⁾ và ít canh canh. Vì vậy, người em xanh xao, gầy còm. Tối tối, chủ nhà bắt em ngủ trên gác chuồng trâu, da thịt em dần dần nhiễm mùi hôi hám của trâu bò, tắm rửa không tài nào hết được. Còn quần áo thì không ra quần áo, nó rách quá, bẩn quá và cũ quá, nó sờ bung bực ⁽⁴⁾, lắm lúc không vá kịp, em phải lấy dây buộc túm lại, trông thật thương tâm.

Khi ra đến bãi cỏ, bao giờ em cũng thui thủi một mình, vì lũ trẻ chăn trâu con nhà giàu, luôn luôn chế giễu em.

Chúng hết gọi em là «ma đói» thì lại gọi là con «bò như cú». Mỗi khi thấy chúng chơi vui vẻ quá, em có sẵn tới ⁽⁵⁾ xem thì chúng lại đuổi và lấy đá ném em. Em bé rất đau khổ mà không biết than thở cùng ai.

Một hôm, bọn trẻ chăn trâu đang vui đùa nghịch ngợm bên bờ sông thì có một ông lão ăn mày đi đến. Ông lão già yếu lắm, đi đứng xiêu vẹo chỉ chực ngã. Ông lão lại rất bẩn thỉu và ghê kãnh ghê càn ⁽⁶⁾. Ông lão đi đến đâu là một mùi

tanh khẳn khẳn ⁽⁷⁾ ở các mụn ghẻ của ông xông ra đến đấy... Lũy bấy đến gần chỗ bọn trẻ chăn trâu đang chơi đùa, hấp háy đôi mắt toét và đục lờ lờ như mũi nhọn, ông lão há miệng để lộ hai hàm răng rụng gần hết, lợi đỏ hồng, phều phào nói:

— Có cháu nào làm ơn làm phúc cúng lão... qua chỗ sông cạn này một ít... Lão yếu quá, sợ ngã, không sang được!

Lũ trẻ nhà giàu từ lúc thấy ông lão đến gần, đã ngừng chơi và lui dần. Chúng tỏ vẻ kinh tởm, có đứa đã bịt mũi. Khi thấy ông lão ăn mày nói thế, đứa thì khạc nhổ, đứa thì chun mũi, đứa lại giả vờ nồn ọe và làm ầm ĩ lên:

— Ôi trời ơi! Kinh quá! Cóc chết, chúng mày ạ!

— Eo ôi! Lợn giọng ⁽⁸⁾ quá!

— Tởm quá!

Và có một đứa reo lên vì vừa tìm ra được một trò thú vị:

— Đuổi lão ấy ra với con «bò như cú» đi!

— Ừ phải, cứ hỏi thì hợp với các chết lắm!

— Thôi đi, đi, đi, đi!

Chúng nhao nhao đuổi ông lão.

Ông lão lại gần cô bé mồ côi lúc này đang buồn rầu ngồi ở bờ sông. Ông lão vừa ngỏ lời thì cô bé đã không e ngại ông lão bẩn thỉu, mà nói ngay:

— Vâng! Cụ để cháu cúng cụ sang, cụ yếu thế, lội qua sông thì ngã thật đấy.

Rồi, cô ghé vai cúng ông lão qua sông. Sang đến bên kia bờ sông, tuy mệt, nhưng cô vẫn còn cố cúng cụ già lên một chỗ cao ráo sạch sẽ, rồi mới chịu đặt ông cụ xuống.

Ông lão ngồi xuống đất, nhăn nhó bảo cô:

— Lão đói quá, không thể đi được nữa. Cháu có gì cho lão ăn một chút cầm hơi ⁽⁹⁾ không thì lão chết mất!

Cô gái vội trả lời:

— Vâng, cụ cứ ngồi đây đợi, cháu sẽ đi lấy phần cơm trưa của cháu sang cho cụ ăn.

Nói xong, cô hối bà lại về lấy năm com cháy, rồi lại lội sang đưa cho ông cụ. Cô nói như phân trần:

— Cháu chỉ có chỗ com cháy này thôi, nó hơi rầu. Mời cụ xơi tạm, cháu không còn gì hơn nữa.

Ông lão không ăn, đặt gói com xuống, cười và bảo cô gái:

— Cháu ạ, lão không phải là người thường đâu, lão là tiên trên trời xuống đây để thử lòng người trần. Thấy cháu tuy nghèo khổ nhưng hiền lành và nhân hậu, lão muốn thưởng công cho cháu. Bây giờ cháu muốn lão thưởng công cho cháu cái gì nào?

Cô gái thấy ông già nói vậy thì ngạc nhiên lắm. Vừa mừng, vừa ngượng ngịu, cô ngần ngừ một lát rồi trả lời:

— Thưa cụ, cháu chỉ túi có một nỗi là người bần thinh, xấu xa quá, lũ con nhà giàu chúng nó gọi cháu là «hời như cú». Vì vậy, cháu muốn trở thành một người thật đẹp để chúng không thể chế giễu cháu được nữa.

Ông lão cười, rồi bảo cô gái: «Điều ấy khó gì!». Đoạn, ông lấy bông hoa giắt trong người ra, đưa cho cô:

— Cháu hãy cất bông hoa này đi, sáng và chiều, cháu đem ra ngửi thì sẽ được như ý.

Cô gái mừng rỡ cầm lấy bông hoa và chưa kịp cảm tạ thì ông lão đã thoát biến mất, thoang thoang chỉ còn lại một mùi thơm...

Cô đưa bông hoa lên ngửi thì thấy một mùi thơm ngào ngạt tỏa ra và trong người cô cảm thấy nhẹ nhàng dễ chịu. Từ hôm đó, cô gái đẹp ra, người lớn hẳn lên, da dẻ hồng hào, tóc dài và mượt. Chỉ mấy hôm thôi, cô đã biến thành một thiếu nữ đẹp nhất vùng.

Bọn con gái nhà giàu từ trước đến nay vẫn ghê tởm, xua đuổi cô, giờ lại đua nhau đến làm thân, chị em, em em riu rít. Bọn chúng hỏi tại sao tự nhiên cô lại trở nên xinh đẹp như thế. Cô thực thà kể lại chuyện ông lão hôm nọ. Chúng lạ lắm, bảo nhau luôn luôn chơi ở bờ sông và mong được gặp lại ông lão...

Quả nhiên, có một hôm, ông lão ăn mày bữa trước lại đến thật. Lần này, không đợi ông lão hỏi, chúng đã nhao nhao xin công ông cụ sang sông. Chúng tranh nhau làm việc đó, không đứa nào chịu nhường đứa nào, và chúng cãi nhau ầm ĩ. Về sau, một đứa trong bọn gọi tất cả lại, thì thầm:

— Chúng mày ạ, dù sao ông lão ấy vẫn hơi lắm, thực ra, công ông ấy trên vai cũng vẫn ghé ghé. Chúng mày có thấy thế không?

Một vài đứa tỏ vẻ biều đồng tình. Thấy vậy, đứa kia lại nói tiếp:

— Bây giờ bọn ta hãy chặt cây làm cang, khiêng ông lão qua, vừa đỡ tởm mà đứa nào cũng được góp phần. Như thế, ông lão sẽ phải thưởng cho cả bọn, chúng mày ạ.

Tất cả đều reo lên đồng ý, chỉ trong nháy mắt chúng đã làm xong một chiếc cang bằng cây và khiêng ông cụ qua sông. Vừa sang đến bờ sông bên kia, chúng đã đặt phịch (10) chiếc cang xuống đất, làm ông lão đang ngồi phải ngã ngửa người ra. Mấy đứa che miệng cười khúc khích, có vẻ thú vị lắm.

Ông lão không tỏ vẻ giận dữ. Ông còn hỏi chúng như hôm nọ ông đã hỏi cô gái ngoan kia. Cả bọn chúng đều muốn trở nên xinh đẹp. Và chúng còn tranh nhau, đứa nọ xin ông lão cho mình được đẹp hơn đứa kia. Ông lão bèn cho mỗi đứa một bông hoa, rồi dặn chúng giắt vào thắt lưng và ngày ngày đem ra ngửi... Bọn chúng hí hửng ngửi lấy ngửi để. Đứa nào đứa nấy đều mong cho mình đẹp hơn những đứa khác.

Nhưng kết quả trái hẳn với lòng mong muốn của chúng. Qua ngày đầu, tóc chúng bông cứng ra như rễ tre, rồi bù lên và dễ gãy, dễ rụng, càng chải càng rụng... Đến ngày thứ hai, người chúng xanh xao, vàng vọt hẳn đi. Và đến ngày thứ ba thì các mụn ghẻ mọc trên toàn thân chúng; chúng đi đến đâu, một mùi tanh hôi lợm mửa theo chúng đến đấy. Trông chúng tởm quá, đến nỗi bố mẹ, họ hàng nhà chúng cũng phải ghê sợ.

Riêng cô bé mồ côi ngoan ngoãn kia, ngày càng trẻ, đẹp mãi ra.

Theo chuyện kể của
ĐỖ THIÊN, MẠNH HÀ

Chú thích:

- (1) Keo kiệt: hà tiện quá mức, linh toán từng xu.
- (2) Thi cho: cho với thái độ khinh bỉ, miễn cưỡng.
- (3) Com hằm: com nấu bằng thứ gạo để lâu ngày, hơi mốc, ăn không ngon.
- (4) Bỏ bung bực: bỏ nát ra.
- (5) Sắn tới: xông tới.
- (6) Ghẻ kêngh ghẻ cang: nhiều mụn ghẻ trên mình trông ghẻ tóe, mụn ghẻ to và ngứa dữ dội.
- (7) Mùi tanh khẳn khẳn: mùi tanh khó chịu.
- (8) Lợm giọng: cảm giác buồn nôn.
- (9) Ăn một chút cầm hơi: ăn để giữ được sức lực trong chốc lát.
- (10) Đắt phịch: đắt mạnh xuống.

BÀI ĐỌC THÊM

QUẢ DƯA HẤU

(Truyện cổ dân gian dân tộc Kinh)

Đời xưa, thời vua Hùng Vương, đất nước ta núi có cao, sông có rộng, trời đẹp nắng vàng, nhưng đồng ruộng thưa thớt, hoa quả chưa có nhiều thứ thơm ngọt như bây giờ. Vua Hùng Vương thứ mười bảy có một người con nuôi là An Tiêm có tài tháo vát⁽¹⁾ và có trí hơn người. Vua yêu mến An Tiêm, thường ban cho của ngon vật quý.

Thói thường, các quan được một chút lộc⁽²⁾ vua thì nâng niu ca tụng; riêng An Tiêm thường bảo: «Của biếu là của lo, của cho là của nợ!» và xem thường các thứ ấy. Việc đến tai vua, vua giận lắm, bảo: «Đã thế ta cho nó cứ trông vào tài sức của nó xem có chết rũ xương ra không?».

Thế là một buổi sớm, tự nhiên An Tiêm thấy linh đến giải cả chàng lẫn vợ con xuống thuyền, chẳng cho mang theo một cái gì hết. Chàng nói mãi chúng mới để cho đem một cái grom cùn hộ thân. Buồm căng gió, thuyền trôi nhanh, nhằm biển khơi thẳng tiến. Bãi cát trắng, vệt cây xanh trong bờ lần lượt khuất đi, rồi bèo bọt rác rưởi, dấu vết của dân cư cũng không còn nữa, bấy giờ chỉ thấy trời với nước xanh ngắt một màu.

Hôm sau, thuyền đến một đảo nhỏ. Họ để gia đình An Tiêm lên bờ với năm ngày lương thực, một chiếc nôi rồi nhỏ neo quay lái. Nàng Ba, vợ An Tiêm, bế con nhìn theo chiếc thuyền dần dần ra xa rồi khuất mất, nước mắt như mưa. Từ nay có bao giờ chị lại được cùng hàng xóm chia nhau những bắp ngô đầu mùa, hay nói một câu chuyện gia đình dưới ánh trăng! Quay vào hòn đảo hoang vu⁽³⁾ chị lại càng khiếp sợ hãi hùng, không biết rồi đây lấy gì mà ăn để sống tạm cho qua tháng ngày.

Tìm được một cái hốc đá An Tiêm dắt vợ con đến ở tạm. Hai chàng cặp grom đi thăm dò. Hòn đảo quả thật hoang vu, chỉ có ít cây cỏ lơ thơ và mấy loài chim biển. Tìm mãi mới thấy vài thứ quả chát chua và rau dại ăn tạm cho đỡ đói. Từ đây, ngày ngày An Tiêm trồng rau và tìm quả, nàng Ba thì ra bờ biển mò con ngao⁽⁴⁾, cái hến. Đứa con lớn của An Tiêm bắt chước cha cũng cầm cui làm bẫy đánh chim. Nhưng rồi chim dần dần quen bẫy, có khi suốt ngày thảng bé không bắt được một cái lông. Cả nhiều nhưng không lười, quả thì có mùa. Cho nên thức ăn chính của vợ chồng con cái An Tiêm vẫn là mấy thứ rau dại mà chàng trồng thành rau vườn. Cuộc đời của bốn người vô cùng lao đao, vất vả chẳng khác giống cầm thú bao nhiêu. Tuy vậy An Tiêm vẫn tin là một ngày kia mình có thể làm cho đời sống khá lên.

Một hôm, có con chim đương ăn ngoài bãi thấy An Tiêm đến, vội bay đi, bỏ lại miếng mồi đỏ đỏ. An Tiêm cầm lên xem thì là một mảnh quả loại dưa bằng hai ngón tay. Chàng nghĩ thầm chim ăn được có lẽ người cũng ăn được, bèn ném

thử thì thấy có vị ngọt. Chàng ăn hết miếng dưa và nhặt hạt gói lại. Ngồi nghỉ một lát thấy mát ruột và đỡ đói, chàng có ý mừng, lấy grom xới một khoảnh đất mà gieo hạt xuống.

Ít hôm sau, mấy hạt dưa mọc mầm đâm lá, bò tỏa ra khắp khoảnh đất. Nàng Ba cũng giúp chồng, sớm chiều săn sóc mấy dây dưa lạ. Vợ chồng hồi hộp trông thấy mấy cái hoa đầu tiên hé nở, rồi hoa kết quả, lúc đầu bằng ngón tay út, ít lâu sau đã như con chuột, rồi con lợn con. Thấy nó lớn mãi như không bao giờ thôi, An Tiêm cũng không biết lúc nào nên trảy.

Một buổi sớm tinh mơ, nghe tiếng quạ kêu ngoài bãi, nàng Ba bảo chồng:

— Ở đây hoang vắng, quạ không tụ họp bao giờ, nay chúng nó kêu ính ỏi một nơi, tất là có sự lạ. Anh ra xem thế nào!

An Tiêm ra đến bãi thì đàn quạ bay tan tác, bỏ lại quả dưa chúng vừa mổ thủng vài nơi. Chàng cắt dưa về. Khi chàng bỏ dưa ra, cả nhà lóa mắt vì màu đỏ tươi của ruột dưa. Đây đó giữa màu đỏ, có những hạt đen như hạt huyền⁽¹⁾ và bọc ngoài một lớp vỏ trắng viền xanh. Hai đứa bé thêm nhỏ nước dãi; nàng Ba thì cứ tấm tắc⁽²⁾ khen quả trông ngon mắt. An Tiêm cẩn thận cắt cho mỗi người một mảnh nhỏ ăn thử. Bốn người như một, khen ngợi cái vị thanh ngọt, cái mùi thơm nhẹ nhàng của quả lạ và không những không xót ruột lại còn thấy đỡ khát và khỏe người ra. Đến trưa, An Tiêm mạnh dạn bỏ hết quả dưa cho con ăn đến no.

Bấy giờ cả nhà An Tiêm mừng rỡ, bồng bế nhau ra bãi, chọn những quả sẫm màu da đem về, còn lại thì thay phiên nhau canh quạ. Và từ đấy, họ cứ trồng thêm ra mãi. Tất cả nông cụ chỉ gồm có một cái grom cùn và mấy hòn đá mài bén, vì vậy thêm một gốc dưa là thêm không biết bao nhiêu mồ hôi nước mắt. Nhưng họ chăm sóc hết lòng, nhờ vậy giống dưa càng ngày càng sai, quả càng to, thịt dày thêm mãi, vỏ mỏng dần đi, vị càng thơm ngọt. Cứ mỗi lần trảy dưa, An Tiêm lấy mấy quả đánh dấu thả ra biển. Dưa trôi biệt tăm tích không biết bao lần, trắng non rồi trắng già không biết bao bận. An Tiêm vẫn không ngã lòng⁽³⁾. Quả nhiên, một hôm có

một chiếc thuyền ghé đến hỏi xem ai đã trồng được giống dưa quý, đề đổi đem về bán trên đất liền. Từ đấy An Tiêm đổi được các thức ăn dùng thường ngày và còn cất được một cái nhà là xinh xinh.

Về phần vua Hùng Vương, từ ngày bỏ An Tiêm ra hoang đảo, vua yên trí rằng An Tiêm đã chết rồi, đôi khi nghĩ đến cũng có bùi ngùi thương hại. Cho đến một ngày kia, thị thần⁽⁴⁾ dâng quả dưa lạ, vua ăn ngon miệng bèn hỏi thăm tung tích⁽⁵⁾, mới biết là do An Tiêm trồng ngoài đảo. Vua ngẫm nghĩ thấy mình sai, cho thuyền ra đón gia đình An Tiêm. An Tiêm và nàng Ba mừng rỡ, thu lượm hết những quả dưa chín và hạt giống đem về phân phát cho bà con hàng xóm, và truyền dạy cách gieo trồng chăm bón. Đó là nguồn gốc giống dưa hấu mà chúng ta ăn ngày nay.

Về sau khắp nước ta đều có giống dưa hấu. Nhưng người ta nói chỉ có huyện Nga Sơn là trồng được những quả ngon hơn cả, vì nơi ấy xưa là hòn đảo An Tiêm ở, trải qua mấy nghìn năm nước cạn cát bồi nay đã liền vào với đất.

H.L. kể

Chú thích:

- (1) *Tài thảo vật*: giới lo Hệu để vượt qua khó khăn.
- (2) *Lộc*: chỉ những phần thưởng vua ban cho.
- (3) *Hoang vu*: nơi đất bỏ hoang không trồng trọt để cho cây cỏ dại mọc.
- (4) *Con ngao*: một loại hến biển, vỏ to hơn hến ở sông.
- (5) *Hạt huyền*: hạt có màu đen nhánh, người ta thường xâu thành từng chuỗi để làm đồ trang sức.
- (6) *Tấm tắc*: nhắc lại nhiều lần để tỏ sự khen ngợi khâm phục.
- (7) *Không ngã lòng*: không chán nản, quyết tiếp tục một công việc đang làm dở.
- (8) *Thị thần*: những quan hầu ở gần vua.
- (9) *Tung tích*: dấu vết, nguồn gốc.

Chính tả:

- Sẫm*: sẫm màu; *Sẫm*: sẫm tối.
Tắc: tấm tắc, tắc kè, tắc nghẽn, tắc tị, tắc trách; *Tất*: tất lửa, viết tắt, đi tắt, tắt hơi, tắt tiếng, tắt mát.
Ngã: nghiêng ngã, ngã cây, ngã đường này; *Ngã*: ngã lòng, sa ngã.
Nghĩ: nghĩ ngợi, suy nghĩ; *Nghĩ*: nghĩ ngợi, yên nghĩ.

ĐÀM BƠ RI (1)
(Truyện cổ dân gian dân tộc Mơ nông)

Xưa kia, từ lâu lắm, có một dòng suối trong vắt, len lỏi trong rừng sâu; tới một triền núi cao, đầu một buôn Mơ nông, suối đổ thành một dòng thác lớn: thác Búc so. Tiếng thác chảy nghe như rừng thỏ, như muôn ngàn con ngựa đang rừng mình giậm vô. Tiếng thác không làm cho người ta vui, mà làm cho người ta buồn...

Vua Pơ rum ở gần đó ăn không ngon, ngủ không yên. Hân tức giận sai quân lính đi tìm nơi nước đổ. Bọn lính tới đầu làng, trông lên ngọn thác hồi lâu, rồi quay về. Ít hôm sau, chúng lại đến, lần này đông hơn. Chúng bắt dân làng khơi đường trên đá, cho suối đi, để dập tắt tiếng thác reo, cho yên giấc ngủ của vua Pơ rum. Hàng trăm nhà bị đốt phá. Hàng ngàn trâu bò, heo, gà... bị giết thịt. Lũ làng bị đánh đập, xua đuổi lên phá thác. Biết bao nhiêu người đã chết vì rơi đòn, vì đói, vì đá chày. Xác họ bị vớt xuống nơi thác đổ. Nước cầm gian trào lên, sôi bọt đỏ ngầu máu.

« Chúng muốn giết hết người Mơ nông chăng? Lũ làng chận không nổi nữa rồi, nhưng biết làm sao cho hết khổ... Thà chết ở đâu trong làng trong núi còn hơn sống cực nhục dưới ách quân Pơ rum ». Một chàng trai nghèo nghĩ vậy mà sửa soạn gửi gạo trốn đi. Chàng chỉ mang theo một thanh gươm, một chiếc ná và con chó trung thành vốn không rời chàng nửa bước. Chàng đi lang thang trong rừng, đi miết. Gạo trong gói sắp cạn thì chàng tới một thung lũng giữa núi cao rừng rậm. Ở đó có một hồ nước nhỏ, trong suốt tận đáy.

Con chó bỗng cất tiếng sủa. Nhìn quanh không thấy một bóng chim, một dấu thú rừng, chàng trai đuổi chó, tiếp tục đi. Con chó cứ đứng hên hồ nước sủa dồn. Chàng sức sạo tìm một lần nữa, song vẫn không thấy gì lạ, lại đuổi chó đi. Con chó bỗng bình cứ hướng xuống hồ sủa mỗi lúc một thêm dữ dội. Bực mình chàng đá con chó xuống nước rồi đi. Qua nhiều núi, qua nhiều rừng, đi lâu rồi mà tiếng chó vẫn như sủa bên tai. Chàng uể oải, quay lại hồ nước, rút gươm chém con

chó. Lạ thay, con chó không chết, mà lưỡi gươm quẩn lại như chém phải đá. Chàng dùng sức chém mạnh hơn. Thanh gươm bật lại, mẻ hết lưỡi, còn con chó vẫn ve vẩy đuôi tỏ vẻ mừng rỡ. Chàng trai kinh ngạc, nhúng tay xuống nước rồi lấy gươm chém thử; thanh gươm gãy đôi. Chàng bèn nhảy xuống hồ tắm, rồi lên bờ ngủ một giấc no nê...

« Không đi nữa, phải trở về cứu lũ làng » chàng nghĩ thầm. Gạo hết, nhưng chân chàng bước nhanh hơn, chàng muốn đo sức ngay với kẻ thù.

Đầy rồi, thác Búc so thân yếu đang bị phá, và bà con ruột thịt đang bị quân Pơ rum đánh giết. Chàng thét: « Sao tụi bay đánh lũ làng tao? » Bọn lính Pơ rum như cọp đói đánh hơi thấy mồi, găm lên: « Đứa nào vừa nói? » Chúng nhận ra chàng và đuổi đánh. Chàng cứ đứng yên cho chúng chém trăm lưỡi gươm, ngàn lưỡi dao, nhưng gươm dao tóe lửa, bật lại như chém phải vách sắt. Bọn lính ngu dại, tưởng đứng trước một vị thiên thần (2) hoảng hồn bỏ chạy tán loạn. Chàng trai giắt lấy một thanh gươm đuổi theo chúng, chém tới tấp. Đầu giặc rụng như những trái sung chín gặp hột, chúng chết gẫy hết, còn đứa nào cố hết sức chạy mới thoát. Chàng đuổi theo bảy ngày bảy đêm tới tận kinh thành vua Pơ rum. Quân canh cửa ngăn chàng lại, vì thấy chàng chỉ mặc độc có chiếc khố nhỏ. Chàng quát gọi vua Pơ rum. Vua Pơ rum được tin vội truyền lệnh cho quân lính vây đánh. Trăm đứa ra chết cả trăm, ngàn đứa ra chết cả ngàn. Ra bao nhiêu chết bấy nhiêu, nhưng chúng vẫn bu lại như nhúc nhúc như bầy sen vất. Thấy đem chém chàng không được, chúng hè nhau lấy dây sắt trói chàng lại rồi chắt củi đốt. Ngọn lửa bốc cao, đỏ rực cả góc trời, chàng trai vẫn thân nhiên nhìn những lưỡi lửa liếm vào thân mình. Lửa vẫn cháy. Người chàng dần dần đỏ rực lên như sắt nung, ánh sáng tỏa ra sáng chói cả một vùng. Bao nhiêu dây trói đứt tung và chảy hết ra nước. Chàng xông tới đánh quân lính đang hò la, dang hai cánh tay rộng, ôm chặt lấy chúng. Kẻ thù cháy bùng lên như một mồi lửa. Chàng ôm cả nhà cửa, thành quách, lâu đài... Cả kinh đô nước Pơ rum biến thành một biển lửa không lối.

Vua Pơ rum kêu khóc bỏ chạy. Những người Pơ rum sống sót mách chúa của chúng một kế cuối cùng. Chúng liền chết vấy lại, bắt trời chàng, rồi dùng một thoi sắt dài uốn như móc câu, đâm từ dưới hậu môn lên, móc ruột ra. Chàng trai ngã xuống như dòng thác Búc-so đỏ, thân hình chàng bốc khói, ngọn lửa căm thù còn cháy trong tim chàng, không sao dập tắt được.

Chàng chết vì đã quên không uống nước ở hồ nước thần. Đám Bơ-ri — chàng dũng sĩ ấy — người Mơ nông ai mà không biết.

Ngày nay tới vùng Đắc Búc so, tỉnh Đắc Lắc, người ta vẫn còn thấy dấu vết của quân Pơ rum tàn bạo mà thời gian cũng không xóa nhòa được. Người ta gọi đó là «tung pan Pơ rum» (bãi nấu ăn của người Pơ rum). Bờ thác còn mang thương tích, như ghi lại mối hận thù muôn kiếp đối với quân xâm lược. Còn dòng Búc so hùng vĩ thì vẫn âm âm chảy, như hát vang lên mãi bài anh hùng ca của dân tộc Mơ nông.

X.L. Biên soạn theo lời kể của
KỶ RON RAY

Chú thích:

(1) Đam Bơ ri: Đam là chàng; Bơ ri là rừng núi, còn có nghĩa là đất nước. Có vùng kể Đam Bơ ri bằng truyện thơ (Pơ-rơ) như đồng bào Ê Đê kể Khan Đam San, Xinh Nhũ, Đam Di.

(2) Thiên thần: vị thần của trời.

Chính tả:

Vĩ: vĩ cầm, vĩ đại, vĩ độ, vĩ tuyến, hùng vĩ, vĩ nhân; Vĩ: vĩ bướm, vĩ ruồi.

Súi: sỏi bọt, sỏi tắm; Súi: sản sỏi, sỏi bọt mép.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tìm đại ý và bố cục của truyện.
2. Tìm những chi tiết nói lên hành động tàn bạo của quân xâm lược Pơ rum?
3. Những hình ảnh, chi tiết nào diễn tả hành động anh hùng cứu nước của Đam Bơ ri?
4. Nhiều từ ngữ, hình ảnh trong truyện có tính chất mạnh mẽ, hào hùng. Đó là một đặc điểm nghệ thuật của anh hùng ca. Tìm một số dẫn chứng trong bài để chứng minh.

BÀI ĐỌC THÊM

CHÀNG ĐI SĂN

(Truyện cổ dân gian dân tộc Mèo)

Ngày xưa, có một anh săn bắn rất giỏi. Anh có tên nhưng người ta không gọi tên, người ta chỉ quen gọi anh là chàng đi săn. Chàng đi săn hễ vác nỏ vào rừng là nhất định săn được thú vật. Nếu chàng không bắn được con hươu, con nai hay con lợn lòi thì cũng bắn được con cáo, con thỏ. Mỗi khi săn được thú to, chàng thường đem về chia cho dân bản. Vì vậy dân bản đều yêu mến chàng.

Hồi ấy, nhà vua rất thích ăn thịt thú rừng. Hằng ngày, vua bắt dân phải nộp một con thú. Hôm nào dân bản không nộp được, thì mọi người, không kể già trẻ lớn bé, đều bị vua giam một đêm một ngày.

Thấy chàng giỏi săn bắn, dân bản bèn nhờ chàng săn cho mỗi ngày một con thú để nộp vua. Một hôm, chàng vào rừng ngồi rình suốt ngày nhưng không thấy một con thú nào; cả dân chớ săn chín con của chàng đi đánh hơi từ sáng cũng không thấy trở lại. Chiều xuống, chàng đành trở về tay không. Chàng buồn bã báo cho dân bản biết tin không may ấy. Dân bản nhón nhác lo sợ, bàn nhau cách tâu khất với nhà vua.

Hôm ấy, không được ăn thịt thú rừng, vua nổi giận, quát tháo âm ỉ. Bọn lính sợ xanh mặt (1), cầm gậy cầm roi xuống lùa cả bản lên để vua hỏi. Vua không thêm nói nửa lời, sai ngay quan quân nhốt tất cả dân bản vào nhà giam. Chàng đi săn bèn chạy lại, quỳ trước mặt vua, xin được ở ngoài để sáng hôm sau tìm săn bằng được thú nộp chuộc cho dân bản. Vua bằng lòng nhưng quát nạt giao hẹn:

— Trưa mai, lúc mặt trời đứng bóng, nếu nhà ngươi không có thịt thú nộp ta thì ta sẽ chém tất cả lũ dân bản.

Hôm sau, trời đổ sương muối. Chàng đi săn rét run cầm cập cũng phải vác nỏ vào rừng. Chàng vừa để ý tìm thú rừng vừa tìm đàn chó. Chàng trèo hết ba ngọn đồi, lội qua chín

cúi khe, nhưng cũng chưa thấy một con thú nào và cũng không thấy đàn chó. Chàng cố leo lên đỉnh núi cao nhất. Mặt trời bắt đầu chiếu nắng xuống. Chân tay chàng đỡ buốt, nhưng chàng đã mệt, thở cả ra hai lỗ tai. Chàng phải ngồi lại nghỉ, vừa để sườn nắng vừa để lấy lại sức. Chàng lấy khèn ra thổi tìm gọi đàn chó. Chàng đã thổi gần hết mọi bài khèn nhưng vẫn chưa thấy tăm hơi đàn chó đâu. Chàng lại kiên nhẫn thổi nữa. Bỗng từ đằng xa có tiếng người gọi:

— Chàng đi săn ơ! Không thấy đàn chó thì lại đây, ta dẫn đi tìm!

Chàng đi săn sướng quá, co chân chạy miết đến chỗ có tiếng gọi. Anh gặp một bà cụ già đầu tóc bạc phơ, da mặt nhăn nhúm. Bà cụ chia cái cằm dài và nhọn ra bảo chàng rằng:

— Đàn chó săn của anh đã bị đàn bùm xam ở quả núi này ăn thịt hết rồi.

Chàng đi săn khóc lóc nói với bà cụ:

— Cụ có cách nào giúp cháu không? Cháu mất đàn chó không săn được thú về nộp vua thì bản cháu sẽ bị lão vua độc ác ấy giết chết hết. Lão bèn đứng giữa trưa nay, không đem thịt thú lại thì lão sẽ chém đầu tất cả...

Bà cụ thương hại, bảo anh:

— Không có một con thú mà cả bản bị chém đầu! Nếu vậy, ta sẽ giúp cháu cứu họ mới được...

Bà cụ bèn đưa anh đến trước một cái hang đá to, sâu thăm thẳm (2) và tối om om, ở mãi trên đỉnh núi. Bà dắt anh vào trong hang. Bà móc trong một cái túi, đưa cho anh một con cáo trắng to bằng con mèo và dặn:

— Cháu hãy đem con cáo trắng này về nộp nhà vua. Trong lúc đi đường cháu phải bế chứ đừng bắt nó đi kéo nó mệt.

Chàng đi săn được con cáo trắng, tạm gác việc tìm đàn chó, ôm cáo chạy một mạch, vượt núi băng ngàn, trở về nộp ngay cho lão vua và xin tha cho mọi người.

Lão vua được con cáo trắng rất đẹp, thích lắm, liền ra lệnh tha và cho mọi người ra sân. Rồi lão gọi các quan tới xem cáo trắng.

Cáo trắng kêu ba tiếng, vụt lớn lên bằng con chó. Mọi người lấy làm lạ, từ lính đến quan, nô nức rủ nhau đến xem mỗi lúc một đông. Cáo trắng lại kêu ba tiếng nữa và lớn lên bằng con ngựa. Mọi người càng lấy làm lạ, càng xúm đến xem đông gấp bội. Họ đứng quanh cáo trắng vòng trong vòng ngoài, họ háng thân thích nhà lão vua, nhà các quan đều đến xem, chẳng thiếu một ai.

Cáo trắng lại kêu ba tiếng. Lần này, cáo không lớn lên nữa. Nhưng rừng núi bỗng chuyển động âm âm. Hồ báo hàng đàn ở đâu ào ào kéo xuống. Chúng xông vào vỗ cấn chết vua, quan, và bọn lính độc ác.

Sau khi lũ vua quan tàn bạo đã bị tiêu diệt hết, cáo trắng bèn kêu lên ba tiếng êm dịu cho hồ báo trở về rừng. Dân bản sung sướng nhảy lên reo hò và công kênh (3) chàng đi săn vào cung, đưa chàng lên ngôi vua.

Vua mới ra lệnh tha hết mọi người còn đang bị giam giữ trong các ngục. Vua lại bỏ lệnh bắt dân nộp thú rừng.

Nhân dân sung sướng reo hò trở về bản cũ làm ăn.

GIANG CHÂN LUNG kể
HOÀNG QUYẾT ghi

Chú thích:

(1) *Sợ xanh mắt*: ý nói rất sợ hãi.

(2) *Sâu thăm thẳm*: rất sâu không nhìn được tới tận cùng.

(3) *Công kênh*: để ngồi trên vai và khiêng đi.

NÀI ĐỌC THÊM

TIẾNG HÁT

(Truyện cổ dân gian dân tộc Rơ gơ lai)

Trên đỉnh một ngọn núi eo vùng Chư Bô đã có một mỏm đá xanh, giống hệt như hình một em bé kháu khỉnh, xinh xắn

cười trên một con voi. Mỏm đá đứng ở chỗ ấy từ bao giờ không một ai biết cả. Chỉ biết rằng từ trước đời ông, đời cha, lâu lắm, mỏm đá ấy đã có rồi...

Ở trên cao, những tia nắng vàng rất dịu, những hạt mưa trong vắt, sáng như ngọc, thay nhau tắm gội cho mỏm đá. Và gió từ biển khơi phía đông, từ núi cao phía tây, rì rào nhẹ nhàng thổi về, kể cho mỏm đá nghe thật nhiều chuyện kì lạ của những miền đất nước xa xăm. Chỉ có những con chim bay cao nhất, xa nhất mới đặt chân được tới đây. Trước cảnh mây núi đẹp tuyệt vời, chim chớp mắt, nghiêng đầu nhìn ngắm. Rồi chim ngẩng cổ, há mỏ, cất giọng hót hay nhất của mình mà hát cho mỏm đá nghe những bài hát thần tiên, những điệu hát hay nhất, quý nhất của loài chim. Cứ thế tháng này qua tháng khác, năm này qua năm khác, giọng kể của gió, tiếng hót của chim, như từ từ thấm sâu vào từng thớ đá, quán quýt ướp lấy mỏm đá hình em bé trên đỉnh núi cao.

Một buổi sáng đẹp trời trong suốt, gió thoảng nhẹ, núi rừng trải rộng ra và im lặng. Mỏm đá hình người bỗng nhiên rung mình nhẹ nhẹ, khẽ cử quay, rồi từ từ biến thành một em bé bằng thịt bằng xương, xinh đẹp chưa ai bằng. Em bé đứng yên lặng, mở to mắt nhìn núi, nhìn mây, miệng mỉm cười vui thích, rồi thong thả bước xuống núi.

Sáng hôm ấy, dưới chân núi, dân làng từng toán, từng đoàn, vai mang gùi, tay cắp rổ, đang tập nập suốt lúa, bẻ ngô.

Bỗng nhiên, từ phía rừng xa, nai, mang, công, trĩ, chim phi, lợn rừng từng đàn, từng đàn kéo về đông nghịt.

Động rừng rồi! Chưa năm nào động rừng dữ dội như năm ấy. Dân làng hốt hoảng bỏ gùi, thả léc⁽¹⁾, cầm gậy chạy đuổi đằng đông, chạy dồn đằng tây, rượt cổ, hét dứt cả hơi, để đuổi thú, đánh chim, mà vẫn chẳng ăn thua gì. Mọi người lại ào vô rừng, bới hã dứt hàng vác mây nước, mây song về giăng chằng chịt, buộc bù nhìn, rồi gõ thanh la, khua mõ, nhưng vẫn vô hiệu. Cuối cùng, họ phải bỏ cả nương rẫy mùa màng, chạy như bay về làng, tìm lao kiếm nỏ...

Vẳng bóng người, chim lông vàng lông đỏ chớp cánh bay, xa trông như một đám mây ngũ sắc; hươu sao, nai vàng hàng đàn, hàng đàn kéo thẳng tới, xông vào nương rẫy. Giữa lúc ấy, em bé từ trên núi cao cũng vừa xuống tới nơi. Thấy cảnh hỗn độn ấy, em bé đứng nhìn đám muông thú mà cười, vẫy tay đưa hồn với chúng.

Thấy chuyện lạ, chim sà xuống bờ nương, ngẩng đầu, lăm lét nhìn, hươu sao, nai vàng cũng lui lại bãi tranh rộ, về bờ vực, mắt giương tròn, lơ lảo. Bỗng nhiên em bé thôi cười. Em bé từ từ mở miệng, cất giọng hát. Tiếng hát của em bé vút lên. Tiếng hát mới hay làm sao, lời cuốn như hoa thơm quyến rũ ong vàng.

Nghe tiếng hát lạ lùng ấy, từ lũ chim công, chim phi⁽²⁾ đến đàn nai, hươu sao, lợn lòi... tất cả đều quên lửng mất chuyện phá lúa. Chúng gật đầu xoe cánh, đập đập móng... và bắt đầu múa nhảy nhịp nhàng. Tiếng hát chậm, chúng nhảy chậm, tiếng hát nhanh, chúng nhảy nhanh, tiếng hát dặt dìu, chúng lim dim mắt, gật gù như người say rờn chênh choáng hơi men.

Khi dân làng cầm lao, vác nỏ chạy ra đến nương, nghe tiếng hát, thấy cảnh ấy, họ đều sửng sốt, kinh lạ. Lũ muông thú vẫn cứ mê say nhảy múa, mãi cho đến khi nhận ra dân làng đang cầm lao, nỏ, áp tới, chúng mới giật mình đánh thót, đập cánh bay vù, chen nhau chạy giạt đi mất.

Dân làng vây quanh em bé, mừng rỡ như gặp được tiên. Họ tranh nhau hỏi chuyện xem em bé từ đâu tới, học ở đâu mà có tiếng hát thần kì như vậy. Nhưng em bé chỉ cười. Dân làng hỏi xem tên em bé là gì, em bé cũng chỉ cười. Tiếng cười giòn giã làm rộn lòng dân làng, và nụ cười tươi tắn làm rạng rỡ khuôn mặt xinh xắn của em bé. Dân làng liền mời em bé về làng. Họ sửa soạn đốt lửa, dựng chòi⁽³⁾ cho em bé hát. Một cô gái xinh đẹp nhất làng thấy em bé đáng yêu quá, liền đặt tên cho em bé là Nai Ngọc. Em bé nghe thấy tên ấy thì gật đầu, và lại cười. Dân làng cũng cười theo, vui thích vì đã chọn được một tên đẹp cho một em bé kì lạ.

Tối hôm ấy, trăng sáng lắm, Nai Ngọc ngồi giữa dân làng cất tiếng ca. Em hát những bản anh hùng ca cho bà con ruột ruột nghe. Trăng lặn, sao mờ, nhưng không một ai chịu về ngủ cả. Họ ngồi nguyên như vậy cho tới lúc nắng vàng chiếu rọi trên nương.

Từ đó, Nai Ngọc sống chung với dân làng. Tiếng hát của em khiến mọi người làm việc không biết mệt mỏi, hết cả buồn chán, khiến cho nương đầy lúa, rẫy đầy ngô, rừng núi nở hoa.

Nhưng một ngày kia, khi Nai Ngọc đang cùng dân làng làm việc trên nương, thì bỗng thấy bốn phương lửa cháy rừng rực, rồi tiếng chiêng, tiếng trống rầm rập nổi lên. Có những người đội khăn đỏ, ngồi trên lưng ngựa, phi như gió. Khăn quàng của những kỵ sĩ thắt chéo trước ngực, một tay họ cầm đuốc, một tay họ cầm ốt, cầm coong đồng (4). Đoàn người ngựa lao vun vút hết làng này qua làng khác. Lệnh truyền của Mơ-tao (5) vang khắp nơi:

— Bọn giặc ở dưới biển sắp lên cướp phá quê ta! Chúng kéo đi đông như lá rừng, nhanh như chớp giạt, giáo mác chia lên trời tựa tựa như bông lách, bông lau... Ai là người thương mẹ, thương cha, ai là người thương đất nước ông bà, hãy mau ra đánh giặc!

Nghe tin, dân làng liền bỏ cả công việc, chạy ào về làng. Thanh niên, trai tráng, các cụ già, thấy đều cầm chặt tên nỏ, giáo mác, sẵn sàng đi giúp Mơ-tao đuổi đánh bọn giặc biển. Nai Ngọc cũng cầm khiên, đao (6) theo đoàn quân xuất trận giáo gươm tựa tựa chọc trời.

Quân hai bên đã gặp nhau. Phe địch tấn công ào ạt, thế mạnh như nước tràn bờ. Nai Ngọc từ từ lùi lại, trèo lên một mỏm đồi cao. Và bỗng nhiên có tiếng hát ngân nga, trầm bổng cất lên.

Nghe giọng hát vút lên như gió mát ấy, lính địch ngừng tay kiếm, đứng sững sờ như những pho tượng đá. Chúng dờ người ra, nghe như nuốt lấy từng tiếng, bình khí tuột khỏi tay, rơi xuống đất từ lúc nào chẳng biết. Và rồi từ từ họ gục xuống, ngủ say như chết dưới chân ngựa bạch, ngựa hồng, voi xám.

Mơ tao hết lời khen ngợi Nai Ngọc. Ông ta thưởng cho Nai Ngọc một trăm con voi ngà vàng, một trăm chiếc ché ba (7) thật quý và một trăm người tôi tớ hầu hạ. Nhưng Nai Ngọc chỉ cười mà lắc đầu. Em lại cùng dân làng trở về nương rẫy, sớm chiều cất cao tiếng hát của mình cho bà con thân thích nghe.

Được vài ngày thì dân làng bỗng không thấy Nai Ngọc đâu nữa. Em bé đã ra khỏi làng, một mình theo đường cũ trở lên núi. Dân làng vội vã đi tìm, nhưng không thấy. Họ chờ đợi từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn, từ mùa xuân sang mùa hạ, từ năm này qua năm khác, nhưng vẫn chẳng thấy Nai Ngọc về nữa.

Dân làng bảo rằng Nai Ngọc sau khi giúp dân trừ giặc ác, đã trở lên núi cao, biến thành đá như trước rồi. Từ đó, tới mùa hoa tam bì nở vàng, hoa tam đoan (8) nở tím, hoa ẻ păng nở trắng, hoa guôn nở hồng, các cô gái làng thường trở vào những loại hoa đó mà hát:

*« Hoa rừng nở bên suối
Những cánh hoa hình trái tim đỏ
Đưa nhau nở*

Đề ca ngợi tiếng hát của em Nai Ngọc thân yêu... »

Và mọi người đều tin rằng một ngày kia, nhất định Nai Ngọc sẽ trở lại làm người, về với dân làng, cất tiếng hát kì diệu giữa cảnh núi rừng thanh bình tươi đẹp...

HỒNG HẢI và AU AN kể

Chú thích:

- (1) Léc : loại gùi nhỏ, đan bằng mây để đựng đồ dùng đi rẫy.
- (2) Chim phi : loại chim nhỏ, bay lượn, hót riu rít trên nương lúa.
- (3) Ngày xưa, có nơi ở Tây Nguyên, dân làng thường dựng chòi cho nghệ nhân đứng hát để tỏ lòng kính trọng, hâm mộ.
- (4) Đuốc, ốt, coong : những người đi báo tin chiến tranh ngày xưa cầm đuốc và ốt, tượng trưng cho sự khẩn cấp, cầm coong, tượng trưng cho lời kêu gọi đoàn kết.
- (5) Mơ lao : tù trưởng đứng đầu một miền.

- (6) *Đao*: con dao lớn, cán dài dùng làm vũ khí.
 (7) *Ché ba*: bình cổ bằng đất nung, thường dùng đựng rượu.
 (8) *Hoa tam bì, tam đoan...*: tên các loại hoa ở rừng Nam Tây Nguyên thường nở nhiều vào mùa xuân.

CA ĐAO CHỐNG PHONG KIẾN

(Ca dao cũ)

- Con ơi nhớ lấy câu này:
Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan (1).
- Vạn niên (2) là Vạn niên nào?
Thành xây xtrơng lĩnh, hào đào máu dân.
- Trâu buộc thì ghét trâu ăn.
Quan võ thì ghét quan văn dài quần.
- Đồn rằng quan tướng có danh,
Cưỡi ngựa một mình chẳng phải vịn ai.
Ban khen rằng: áy mới tài!
Ban cho cái áo với hai đồng tiền.
Đánh giặc thì chạy trước tiên,
Xông vào trận tiền cỡi khố giặc ra
Giặc sợ, giặc chạy về nhà,
Trở về gọi mẹ: mỗ gà khao quân.
- Quan có cần nhưng dân chưa vôi,
Quan có vôi, quan lợi quan sang.
- Con vua thì lại làm vua,
Con sãi (3) ở chùa lại quét lá đa.
Bao giờ dân nổi can qua (4),
Con vua thất thế lại ra quét chùa.

Chú thích:

- (1) *Cướp ngày là quan*: ý nói quan lại cũng là phường kẻ cướp bóc lột, ăn của đút lót, tham ô của nhân dân một cách công khai.
 (2) *Vạn niên*: Tự Đức bắt dân xây lăng Vạn niên ở Huế, gây chết chóc và tốn rất nhiều của cải, công sức.
 (3) *Sãi*: người đàn ông giữ chùa.
 (4) *Can qua*: nghĩa đen là cái mọc và cái giáo, các thứ binh khí ngày xưa; nghĩa bóng là chiến tranh. *Nổi can qua*: ở trong bãi có ý nói nhân dân nổi dậy khởi nghĩa đấu tranh chống triều đình phong kiến.

Chính tả:

Ghét: ghen ghét, yêu ghét; *Kết*: kết nước, kết bụng tiền.
Quần: quần chúng, quần quật; *Cùn*: dao cùn, chửi cùn, lý sự cùn.
Sãi: sư sãi; *Sải*: sải tay, bơi sải; *Xảy*: xảy ra việc gì.
Vôi: vôi vàng; *Dội*: dũi dội.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

- Hai câu ca dao 1 và 2 tố cáo tội ác của bọn vua quan phong kiến. Đề nêu bật những tội ác đó, trong hai câu ca dao đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?
- Câu ca dao thứ 3 và bài ca dao tiếp theo nói về vấn đề gì? Phân tích các yếu tố mỉa mai, trào lộng (gây cười) của câu ca dao nói về tên quan võ vô tài, ngớ ngẩn.
- Phân tích ý thức chống đối của nhân dân đối với bọn vua quan phong kiến, trong câu ca dao thứ 5 và câu ca dao tiếp theo.
- Nhận xét cách gieo vần của các câu ca dao (vần chân, vần lưng). Các câu ca dao trên ngắt nhịp như thế nào?

BÀI ĐỌC THÊM

NGƯỜI Ở VỚI CHỦ NHÀ

(Ca dao cũ)

Mở mắt chùa (1) gọi đi cày,
 Phất bờ cuốc góc, nửa ngày chưa tha.
 « Bờ lớn thì phải cuốc ra,
 Bờ bé, đắp lại cho bà, con ơi! »

Việc làm khắp chốn cùng nơi,
Giục đi cắt cỏ vai tôi đã mòn.

Đi thì lặn suối trèo non,
Cắt được gánh cỏ đã mòn đôi vai.

Về nhà xay đỗ, cạo khoai,
Xay thóc, giã gạo canh hai chưa nằm.

Gà kia mày gây chiều dăm (2),
Đề chúa tao nằm, tao ngủ chứt nao!

Bờ chuôm (3) cho chí bờ ao,
Mướn được thẳng ở, «lẽ nào con ơi!» (4)

Chúa ăn rồi chúa lại ngồi,
Bắt thẳng con ở dọn nồi, dọn niêu.

Ngày trước còn khí yêu yêu,
Về sau chửi mắng ra điều tổn còm (5).

Trước kia còn đề cho đơm (6),
Sau thì giạt lấy: «Tao đơm cho mày!»

Tôi đơm một đĩa thi đây,
Chúa đơm ba đĩa chẳng đầy chung quanh.

Thẳng ở câu được con cá mè ranh (7),
Nạc chúa ăn hết, đề dành xương cho.

Chúa trai là chúa hay lo,
Đem năm cắt việc ra cho mà làm.

Chúa gái là chúa ăn tham,
Đồng quà tám bánh dứt ngang trong buồng (8).

Ăn thì chết nứt chết trương (9),
Chẳng nhớ thẳng ở, chẳng thương con đòi (10).

Mua cho một vạt khố sồi (11),
Bề ngang chiếc đĩa, bề dài nửa thân.

Đi đâu chẳng dám cời trần,
Trông thấy chúng bạn cực thân thay là.

Ai về nhả nhủ mẹ cha,
Mua khố, mua áo ta ra, ta về.

Chú thích:

- (1) *Chúa*: ở đây chỉ chủ nhà, địa chủ.
(2) *Chiều dăm*: hay *dăm chiều*, về mặt suy nghĩ lo lắng về một việc gì. *Chiều dăm*: bên trái bên phải. *Chán dăm đá chán chiều*. Gà gây *chiều dăm*: ở trong bãi ỷ nói gà gây vang rộn khắp nơi.
(3) *Chuôm*: chỗ trũng đọng nước ở ngoài đồng. Chú ý ở miền Trung tiếng *chuôm* dùng để chỉ những chỗ thả càngh cây xuống nước cho cá tự lại ăn nấp rồi dùng lưới mà đánh cá. Thí dụ: *Thả chuôm xuống ao*.
(4) «*Lẽ nào, con ơi!*»: lời chửi mắng đầy nghiến của chủ nhà đối với người ở. Ý cả hai câu: đã mướn được người ở thì bắt làm hết mọi việc (bờ chuôm cho chí bờ ao) lẽ nào lại để ngồi không! (*lẽ nào, con ơi!*).
(5) *Tổn còm*: lời chửi, ngụ ý ăn tổn còm không làm được việc gì cả.
(6) *Đơm*: xới, xức ra.
(7) *Cá mè ranh*: cá mè còn bé.
(8) ... *dứt ngang trong buồng*: cả câu ý nói mua được đồng quà tám bánh thì cắt giấu vào buồng kín để ăn vụng một mình.
(9) *Chết nứt, chết trương*: lối nói phóng đại (mĩ từ pháp) để diễn đạt ý mạnh và câu có hình ảnh, ý nói ăn tham đến mức có thể nứt bụng trương người ra mà chết.
(10) *Con đòi*: người ở gái trong nhà sang trọng (thường dùng trong tiếng ghép tôi đòi, nay ít dùng).
(11) *Vạt khố sồi*: mảnh khố che thân bằng vải sồi (*khố*: mảnh vải cuốn ở hông che phía dưới thân; *sồi*: hàng dày dệt bằng tơ gốc, mặt xù xì).

BÀI ĐỌC THÊM

CÂY

Đã bước vào vụ chiêm
Gió mùa run trong lá
Gió thổi se (1) chân ra
Đất ái (2) bừa trâu đêm

Nàng từng giảnh mạ lên
Ngựa bàn tay cấy xuống
Cả nỗi hận tình thương
Cùng cấy sâu vào ruộng

Cây ngay đầu hố bom
Cây bên tầm đạn bắn
Hàng sông với hàng con
Vẫn chạy dài ngay ngắn
Tiếng mùa đang giục giã
Gió thổi lạnh đông chiêm
Cắm tay vào buốt giá
Cây cả ngày cả đêm

Hỡi quân gây tội ác
Bom đạn bay mặc bay
Cây trên đồng hợp tác
Không một người run tay

HOÀNG TRUNG THÔNG

(In trong tập *Thơ ca xây dựng chủ nghĩa xã hội* —
Nhà xuất bản Giáo dục — Hà Nội, 1977)

Chú thích :

(1) Se : gần khô.

(2) Đất ải : đất cày rồi, được nắng sắp tới vụ ra.

Chính tả :

Se : se lạnh ; Xe : xe chỉ.

Run : run rẩy, run sợ ; Rung : rung động, rung rinh.

LỜI TUYÊN DƯƠNG

Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc như một trong những trang chói lọi nhất và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX.

Chúng ta vô cùng tự hào nhìn lại bước đường đấu tranh cách mạng lâu dài và oanh liệt mà nhân dân ta đã vượt qua dưới sự lãnh đạo của Đảng. Từ những người dân mất nước, nhân dân ta đã anh dũng vùng lên, lần lượt đánh bại sự xâm lược của nhiều đế quốc lớn mạnh, lật đổ ách thống trị của phát-xít Nhật, đập tan chủ nghĩa thực dân cũ của Pháp và nay lại chiến thắng chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, đưa nước nhà bước vào kỉ nguyên ⁽¹⁾ của độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.

... Trong ngày hội trọng thể này, đại hội chúng ta nhiệt liệt biểu dương ⁽²⁾ lòng yêu nước nồng nàn và chủ nghĩa anh hùng cách mạng tuyệt vời của đồng bào, chiến sĩ, cán bộ, đảng viên thuộc tất cả các dân tộc anh em từ Nam đến Bắc đã đoàn kết không mệt mỏi vì sự nghiệp giải phóng của dân tộc và thống nhất Tổ quốc!

Đại hội tuyên dương ⁽³⁾ cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân anh hùng, suốt mấy chục năm ròng đã chiến đấu cực kì ⁽⁴⁾ anh dũng, từ gây tầm vông, súng kíp đã lớn lên thành những binh đoàn hùng mạnh, đánh thắng những kẻ thù hung ác, lập được những chiến công oanh liệt từ trận Điện Biên Phủ đến chiến dịch Hồ Chí Minh, làm rạng rỡ truyền thống ⁽⁵⁾ vẻ vang của quân đội ta cùng với toàn dân viết nên bản anh hùng ca kì diệu ⁽⁶⁾ của chiến tranh cách mạng Việt Nam.

Đại hội chúng ta ghi nhớ công ơn các liệt sĩ đã anh dũng hi sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, vì nghĩa vụ thiêng liêng đối với dân tộc và nghĩa vụ quốc tế cao cả. Nhân dân ta tự hào vì những người con trung hiếu, máu mủ đã đem máu đào tô thắm lá cờ vinh quang của Tổ quốc.

Thắng lợi to lớn của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước cũng như những trang sử chói lọi của cách mạng Việt Nam ngời nira thế kỉ nay gắn liền với tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, vị lãnh tụ thiên tài của giai cấp công nhân và nhân dân ta, người anh hùng dân tộc vĩ đại, người chiến sĩ lỗi lạc ⁽⁷⁾ của phong trào cộng

sân quốc tế. Trong giờ phút vinh quang này, chúng ta vô cùng xúc động ⁽⁸⁾ tưởng nhớ tới Bác Hồ muôn vàn kính yêu vì Bác của chúng ta không còn nữa để cùng tham dự đại hội lịch sử này. Nhưng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta rất tự hào đã thực hiện một cách xuất sắc Di chúc thiêng liêng của Bác. Điều mong ước và lời căn dặn thiết tha nhất của Bác hôm nay đã thành sự thật. Đế quốc Mỹ đã vĩnh viễn cắt khỏi đất nước ta. Tổ quốc ta đã hoàn toàn độc lập, thống nhất và đang tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đồng bào Nam Bắc sum họp một nhà. Đại hội xin kính dâng lên Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại chiến công thắng Mỹ, bày tỏ lòng biết ơn vô hạn đối với Bác, người đã cống hiến ⁽⁹⁾ trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng nhân dân, thống nhất Tổ quốc, cho sự nghiệp của Đảng và của dân tộc, làm rạng rỡ non sông đất nước ta, để lại cho chúng ta và các thế hệ mai sau những di sản ⁽¹⁰⁾ bất diệt ⁽¹¹⁾.

LÊ DUÂN

(Trích Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu
toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản
Việt Nam)

Chú thích:

- (1) *Kỉ nguyên*: thời kì đánh dấu bởi một việc lớn xảy ra, có ảnh hưởng quan trọng đến tình hình phát triển lâu dài của xã hội.
- (2) *Biểu dương*: nêu đề động viên. *Biểu dương thành tích*.
- (3) *Tuyên dương*: nêu thành tích để khen ngợi. *Tuyên dương công trạng*.
- (4) *Cực kì*: rất mực.
- (5) *Truyền thống*: đức tính, tập quán, tư tưởng, lối sống... được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. *Truyền thống cách mạng*.
- (6) *Kì diệu*: tài giỏi lạ thường, khó tưởng tượng. *Mưu kì diệu*.
- (7) *Lỗi lạc*: tài giỏi, xuất sắc hơn người một cách nổi bật. *Tài năng lỗi lạc*.
- (8) *Xúc động*: rạo rức vì một tình cảm sâu sắc và thường là đột ngột.
- (9) *Cống hiến*: đóng góp cho sự nghiệp chung.
- (10) *Di sản*: của cải hoặc sản nghiệp của người chết để lại.
- (11) *Bất diệt*: không bao giờ mất đi; còn lại mãi mãi.

Chính tả:

Trang: trang giấy, trang trái, trang nam nhi; *Chang*: trời nắng chang chang.

Lược: xâm lược, cái lược, sơ lược; *Lượt*: lần lượt, lượt là, lượt thướt, đến lượt.

Kíp: súng kíp, ca kíp, kíp lựu đạn; *Kiếp*: kiếp người, đang kiếp.

Diệu: kì diệu, diệu kế; *Dịu*: dịu dàng, êm dịu.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tìm bố cục của đoạn văn.
2. Đại hội Đảng lần thứ IV tuyên dương những người nào?
3. Hãy tìm hiểu tình cảm của tác giả đồng thời cũng là tình cảm của toàn Đảng, toàn dân, thể hiện trong cách dùng từ, trong cách dùng các định ngữ và trong lời văn.
4. Cách diễn đạt trong đoạn văn này rất linh hoạt và rất truyên cảm, nhất là đoạn nhắc đến Hồ Chủ tịch. Hãy phân tích và chứng minh.

CA DAO CHỒNG MẸ TÍN ⁽¹⁾

(Ca dao cũ)

Tử vi ⁽²⁾ xem bói ⁽³⁾ cho người
Số thầy ⁽⁴⁾ thì để cho ruồi nó bâu.

..

Số cô chẳng giàu thì nghèo,
Ngày ba mươi tết thịt treo trong nhà.
Số cô có mẹ có cha,
Mẹ cô đàn bà, cha cô đàn ông.
Số cô có vợ, có chồng,
Sinh con đầu lòng, chẳng gái thì trai.

..

Chập chập (5) cheng cheng (6),
Con gà trống thiến đẻ riêng cho thầy.
Đơm xôi (7) thì đơm cho đầy,
Đơm mà voi đĩa thì thầy (8) không ưa.

..

Hòn đất mà biết nói năng,
Thì thầy địa lí (9) hàm răng chẳng còn (10).

Chú thích:

(1) Mê tin: tin nhảm, tin một cách mù quáng, phản khoa học. Tin có ma quỷ, thần thánh, số mệnh chi phối đời sống con người.

(2) Tử vi: tên một ngôi sao trong sách đoán số của các thầy bói. Trong câu trên ý nói thầy bói đoán số cho người bằng số tử vi (đó là mẹo lừa bịp của thầy bói).

(3) Xem bói: những người mê tin thường nhờ thầy bói đoán số cho mình để biết được đời mình giàu nghèo, sống chết, may rủi... ra sao để liệu trước.

(4) Thầy: trong câu này chỉ thầy số, thầy bói, hàng người chuyên đoán số, xem bói để lừa bịp những người mê tin mà kiếm ăn.

(5), (6) Chập chập — cheng cheng: tiếng đánh thanh la, chêm chọc bằng đồng (từ tượng thanh).

(7) Đơm xôi: xôi xôi vào đĩa. Ngày trước những lúc tế lễ, cúng thần thánh... người ta làm xôi và gà để cúng thần. Sau lúc tế lễ xong, thầy cúng sẽ được biếu xôi gà.

(8) Thầy: trong câu này chỉ thầy cúng, người làm nghề cúng thuê để sinh sống.

(9) Thầy địa lí: người xem đất để tìm chỗ chôn cất người chết, có khi xem đất để làm nhà ở.

(10) Hàm răng chẳng còn: ý nói người nói lão sẽ bị vả vào miệng gãy răng.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tìm 4 tiếng tượng thanh kiểu như: chập chập cheng cheng.
2. Các câu ca dao trên đã dả kích hàng người nào và những hủ tục gì trong xã hội cũ? Những lời châm biếm đó nhẹ nhàng, nhưng rất chua cay. Hãy phân tích.
3. Nghệ thuật châm biếm dả kích của câu ca dao thứ hai như thế nào?
4. Tính chất dả kích của câu ca dao thứ tư mạnh mẽ ở chỗ nào?

TRONG ĐỒN ĐIỀN (1) CAO SU (Ca dao)

Cây cao su quý hơn người,
Mỗi khi cây bệnh, cây thời nghỉ ngay.
Lang ta cho chỉ lang Tây (2)
Đem đem lo lắng, ngày ngày chăm nom.
Còn ta đau yễn gây còm,
Đau không được ngỉ, chết hòm (3) cũng không.
Nhà thương vô cớ ra không.
Chỉ đi kiếm chồng, ra bãi tha ma.

Cao su xanh tốt lạ đời,
Mỗi cây bón một xác người công nhân.

Hàng vạn người chết vì Tây
Sao đây chỉ thấy rừng cây mịt mù?
Thịt rơi dưới gốc cao su
Mỏi hỏi nước mắt mấp mấp ù thẳm Tây (4).

Cao su đi dễ khó về,
Khi đi trai tráng, khi về bụng beo.
Cao su đi dễ khó về,
Trai đi mất vợ, gái về thêm con.

(Ca dao của công nhân đồn điền cao su)

Chú thích:

(1) Đồn điền: khu ruộng đất rộng lớn nằm trong tay bọn tư sản hay địa chủ lớn.

(2) Lang ta cho chỉ lang Tây: thầy thuốc (chữa bệnh cho cây) từ người Việt Nam cho đến người Pháp.

(3) Hòm: cái săng, cái áo quan, quan tài.

(4) Hai câu «thịt rơi... thẳm Tây»: thịt rơi: chỉ việc người chết trong đồn điền cao su. Mỏi hỏi nước mắt: chỉ công lao khó nhọc của người công nhân. Lấy vật cụ thể (thịt, mồ hôi...) để chỉ việc trừu tượng (chết, công lao) là một biện pháp tu từ làm cho ý câu văn thêm mạnh.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Giải nghĩa các từ: mập ú, mập mạp, búng beo, khẳng khiu.
2. Tìm những hình ảnh cụ thể diễn tả cảnh khổ cực của công nhân trong đồn điền cao su của thực dân Pháp dưới thời Pháp thuộc. Bọn chủ đồn điền đã bóc lột công nhân tàn bạo như thế nào (ăn, ở, lúc đau ốm, vợ con...)?
3. Hình ảnh, sự việc ở các câu ca dao trên thường đối lập nhau. Cách viết như vậy có tác dụng gì?
4. Em có cảm nghĩ gì về đời sống của người công nhân đồn điền cao su khi đất nước chưa độc lập, tự do?

TỤC NGỮ NÓI VỀ ĐẠO ĐỨC NHÂN DÂN

1. Người làm ra của, của không làm ra người
2. Người sống, đồng vàng.
3. Có công mài sắt, có ngày nên kim.
(dân tộc Kinh)
4. Chân ngoài rừng, tay trong nhà (1).
(dân tộc Ba-na — Tây Nguyên)
5. Bím bíp qua bờ ruộng đứng đỉnh:
Con gái lười trồng bông thành cọp,
Đàn ông biếng làm việc thành hươu (2).
(dân tộc Tày)
6. Cái nết đánh chết cái đẹp.
7. Đường đi hay tối, nói dối hay cùng.
8. Thuốc đắng dã tật (3), sự thật mất lòng.
9. Ba người đại hợp lại thành người khôn.
10. Ăn một mình đau tức, làm một mình cực thân.
11. Chị ngã, em nâng.
12. Mồi hở răng lạnh, máu chảy ruột mềm.

13. Một con ngựa đau, cả tàu (4) bỏ cỏ.
14. Được lòng ta, xót xa lòng người.
(dân tộc Kinh)
15. Đứng ăn quá miệng, đứng diện (5) quá đáng.
(dân tộc Thái)
16. Được mùa chó phụ ngô khoai,
Đến khi thất bát (6) lấy ai bạn cùng.
(dân tộc Kinh)

Chú thích:

- (1) Ý nói làm việc luôn tay, siêng năng.
- (2) Cả ba câu đều nói về người lười biếng. Bím bíp qua bờ ruộng đứng đỉnh: bím bíp là loại chim lông màu nâu, thường lủi rất nhanh trong các bụi rậm, vậy mà khi qua bờ ruộng lại đứng đỉnh (nghĩa là thông thả, ung dung). Câu này ý nói đi chơi thì nhanh, làm việc thì chậm. Hai câu: Con gái lười trồng bông thành cọp --- Đàn ông biếng làm việc thành hươu nhằm răn đe trai gái lười lao động. (Coi chừng! Nếu lười trồng bông, biếng làm việc thì con gái sẽ hóa thành cọp, con trai sẽ biến thành hươu đó!). Chú ý lối nói của các dân tộc ít người.
- (3) Thuốc đắng dã tật: (Dã: làm cho nhạt, cho phai đi. Dã thuốc, dã rượu. Tật: bệnh tật). Câu này ý nói thuốc tuy đắng nhưng làm cho lành bệnh.
- (4) Tàu ngựa: chuồng nuôi ngựa.
- (5) Diện: ăn mặc chải chuốt, làm đáng. Ở đây có ý khuyên không nên ăn mặc xa hoa, không phù hợp với cuộc sống thực tế; cần giản dị, tiết kiệm.
- (6) Khi thất bát: ý nói khi mất mùa, đói kém.

Chính tả:

- Sắt: sắt thép, sơn sắt; Sắc: sắc sảo, nhan sắc, màu sắc.
Đỉnh: đỉnh núi, đỉnh đồng, đứng đỉnh; Đĩnh: đĩnh đạc.
Dối: nói dối, làm dối, gian dối.
Dã: dã độc, trắng dã, thôn dã, dã man; Giả: giả mạo, tác giả;
Giã: giã gạo, từ giả.
Biếng: lười biếng, biếng nhác; Biến: biến mất, tan biến.
Hươu: con hươu, hươu vượn; Hưu: hưu trí; Hiu: giò thối lịu lịu, hăm hiu, hiu quạnh.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Những câu tục ngữ trên đều có một nội dung giáo dục sâu sắc. Em hãy tìm hiểu nội dung từng câu và nói rõ câu đó có tác dụng giáo dục em như thế nào?

2. Tục ngữ rất cô đọng, cụ thể, sinh động. Qua tục ngữ, những khái niệm đạo đức vốn trừu tượng đã trở nên cụ thể dễ hiểu. Hãy phân tích vài dẫn chứng để làm sáng rõ nhận định trên.

3. Phần lớn ý trong các câu tục ngữ trên được sắp xếp đối nhau. Một số câu có vần, dễ nhớ, dễ thuộc, thường sử dụng các biện pháp tu từ như: ẩn dụ, nhân hóa, phóng đại (nói quá). Cho ví dụ.

ĐÔI DÉP THẦN KÌ

Các em đọc cổ tích
Chắc rất thích được gặp
Những đôi giày thần kì
Một nước đi bảy dặm
Còn nhanh hơn chim bay!

Thế kỉ hai mươi này
Ở tại một nước họ
Có nhiều núi, nhiều sông
Có nhiều mưa, nhiều gió
Có cờ đỏ sao vàng
Có mùa khoai, mùa lúa
Có đôi dép thần kì
Một cụ già thường đi...

Dép vui vẻ, dẻo dai,
Theo cụ già rảo khắp
Được cụ già yêu thương
Dép thêm tài thêm sức:
Đé sập vỡ vì lợi
Mang dép đến: lại lui!

Ruộng nứt nẻ cả rồi
Mang dép về: nước đến.
Đường nào nắng chói chang
Dép qua: cây dăng hàng
Đường liền râm bóng mát
Gọi chim về hót vang.
Mỏ nào để ít than
Dép về: than chảy suốt
Thoi nào dệt ít vải
Dép đến: vải đầy kho
Người mù một i, t..
Vọt thành người có học
Trẻ nghịch ngợm, lười nhác
Hóa trở giỏi, con ngoan
Bạn bè đang giận hờn
Biết thương nhau trở lại
Thương nhau hơn ngày thường.

Giặc đến từ bốn phương
Dù giặc đánh sắc nhọn
Dù lắm súng, lắm bom
Nhìn mây bay, tàu chiến
Mang đôi dép thần kì
Cụ già đi ra trận
Con cháu ào ra theo
Chắc tay đao, tay súng
Là giặc nào, cướp nào
Cũng cạy đuôi cút thẳng.

Hỏi dép: sao dép tài?
Dép thật thà đáp ngay:
Dép trước sau vẫn dép,
Tài trí ở người đi!
Tài trí ở cụ già
Biết gọi người cả nước
Triệu người chung một lòng
Giành tự do, độc lập

Biết dẫn cả trẻ, già
Biết đánh thức gần xa
Cùng lên đường hạnh phúc.

Cụ già râu tóc bạc
Mang đôi dép thần kì
Em có biết là ai?
Là Bác Hồ mình đó!

Bác Hồ của Việt Nam
Có nhiều núi nhiều sông,
Có nhiều mưa nhiều gió
Có cờ đỏ sao vàng
Có mùa khoai, mùa lúa
Có đôi dép thần kì
Anh làm thơ hôm nay...

Nhưng hôm nay, hôm nay
Bác Hồ không còn nữa
Văng tiếng dép Bác Hồ,
Cả Việt Nam thương nhớ
Cả loài người tưởng nhớ.

Đôi dép thần kì đó
Giờ theo Bác đi xa
Đi vào trong lịch sử
Chối ngời của dân ta.

Theo Bác dép đi xa
Phép thần kì để lại
Các em hãy giữ lấy
Trong đôi dép của mình
(Dù dép to, dép nhỏ,
Dù dép đỏ, dép xanh...)
Miễn các em làm đúng
Lời Bác Hồ Chí Minh!

9-1969
PHẠM HỒ

Chú thích:

- (1) *Thần kì*: kì lạ đối với con người.
(2) *Rảo khắp*: bước nhanh, bước mau đi khắp mọi nơi.

Chính tả:

Dai: dai dẳng, nói dai; *Giải*: giải đoạn, giải cấp, giải nhân, giải thoát, con giải.

Nhác: nhón nhác, nhác trông; *Nhát*: hèn nhất, nhất gan.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tại sao tác giả lại gắn đôi giày thần kì trong truyện cổ tích với đôi dép Bác Hồ thường dùng? Tác dụng của cách vào đề ấy?

2. Em có nhận xét gì về những động từ lúc giả dùng trong bài (lui, đến, chày, giới, vut, hóa, biết, ào, cút...)? Phân tích để thấy rõ tác dụng to lớn của đôi dép thần kì trong đời sống sản xuất, đời sống tinh thần, tình cảm cũng như cuộc sống chiến đấu chống kẻ thù xâm lược của nhân dân ta.

3. Vì sao đôi dép lại thần kì như vậy? Đôi dép theo Bác « đi vào trong lịch sử chói ngời của dân ta » nhưng « phép thần kì để lại ». Phép thần kì ấy là gì? Muốn giữ được phép thần kì ấy chúng ta phải làm gì?

4. Ngôn ngữ bài thơ mộc mạc, dễ hiểu, thể thơ phù hợp với hình thức kể chuyện, gần gũi với những bài đồng dao. Chứng minh.

QUÊ MỞI

Nhà tranh ai bên sông
Chạy dài trong nắng ấm
Giàn mướp vừa ra bông
Vàng mơ đàn bướm lượn
Đất lặn mãi vào rừng
Khoai xanh dài từng luống
Chú chó đầu sữa mừng
Tiếng vui vang bờ ruộng

Ôi quê hương, quê hương
 Nơi mình xây cuộc sống
 Đất hồng hóa yêu thương
 Dưới bàn tay lao động

Nghe Đảng gọi ra đi
 Mở những vùng quê mới
 Nhớ buổi ấy chia li
 Quê cũ mà đi tới

Cỏ nổi nhớ hàng tre
 Con sông dào trước ngõ
 Cỏ nổi nhớ xóm nhỏ
 Con đường nắng lìm dim...

Ôi ta có trái tim
 Biết đập theo phía trước
 Nhấn rưng ta đi lên
 Mở dài thêm đất nước

Bay giờ là quê hương
 Có màu vàng hoa mướp
 Có tiếng gà trong sương
 Có trống trường vào lớp
 Có Đội và có Hoàn
 Đi về trong tiếng kèn...

Ôi quê mới mùa xuân
 Thấy trong mùi lúa ngọt
 Con sáo trên lưng trâu
 Trông trời mà cứ hát
 Quê hương, quê hương, quê hương.

3-1976

THANH HẢI

(Trích trong tập thơ *Dấu bóng Trường Sơn*
 Nhà xuất bản Văn học - 1977)

Chính tả:

Giàn: giàn mướp, giàn giã, giàn giụa; Đàn: đàn xếp, đàn cảnh,
 đàn bài, đàn mõng, đàn nhạc.

Rưng: rưng cây, mũi rưng, rưng rục; Dừng: dừng chân, dừng lại.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Bức tranh đầy màu sắc và âm thanh ở hai khổ thơ đầu được phác họa như thế nào?
2. Tình cảm đối với quê mới được tác giả diễn tả như thế nào?
3. Bằng trên quê mới, tác giả nghĩ gì về quê cũ?
4. Âm điệu của câu thơ cuối gợi cho ta những ý nghĩ gì về quê hương?
5. Hãy tìm đại ý của bài thơ.

ÔN TẬP PHẦN VĂN THƠ DÂN GIẢN (?)

I - TRUYỆN CỔ DÂN GIẢN

Trong kho tàng văn học dân gian, truyện cổ dân gian chiếm một vị trí quan trọng. Truyện cổ dân gian là những truyện kể miệng của nhân dân lưu truyền từ đời này qua đời khác.

Truyện cổ dân gian bao gồm nhiều thể khác nhau như: truyện thần thoại, truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn v.v... và hầu hết đều kể bằng văn xuôi.

Thần thoại là loại truyện cổ dân gian xuất hiện sớm nhất, trong đó đại bộ phận các nhân vật là thần. Thần thoại chủ yếu nhằm phản ánh cuộc đấu tranh của con người chế ngự thiên nhiên (Thần sấm).

Truyện cổ tích là những truyện ra đời muộn hơn so với thần thoại; tuy vẫn còn những yếu tố hoang đường nhưng nhân vật chính là người. Truyện cổ tích chủ yếu nhằm phản ánh cuộc đấu tranh của nhân dân lao động chống các giai cấp bóc lột, phản ánh mọi mặt sinh hoạt của nhân dân. Nó chiếm một số lượng nhiều nhất trong kho tàng truyện dân gian (Cây kiệu trời, Tấm Cám, Quả dưa bầu...).)

Truyện cười là những truyện trong đó có nhiều yếu tố gây ra tiếng cười để mua vui hoặc để châm biếm, đả kích (*Phù thủy sợ ma, Anh nhà giàu bị chơi khăm...*).

Truyện ngụ ngôn là những truyện mà nhân vật thường là các con vật, cây cối, hoa cỏ... Thông qua sinh hoạt của các loài vật, truyện ngụ ngôn thường đem lại những bài học về luân lý, đạo đức... rất sinh động, sâu sắc (*Ốc được cuộc, Hươu và rùa, Hồ và các con vật bé nhỏ...*).

Nội dung truyện cổ dân gian rất phong phú. *Truyện cổ dân gian đã phản ánh lịch sử của dân tộc. Truyện Thánh Dóng, Đăm Bơ-ri đã ca ngợi những anh hùng dân tộc, ca ngợi tinh thần đấu tranh bảo vệ đất nước của nhân dân ta thời xưa.*

Truyện cổ dân gian đã phản ánh nhiều mặt cuộc sống của nhân dân: đấu tranh chinh phục thiên nhiên (Cóc kiện trời), chống áp bức bóc lột, đả kích địa chủ quan lại vua chúa (Tấm Cám, Quan ăn trộm...), đề cao lao động (Quả dưa hấu), đề cao chính nghĩa, giáo dục tình cảm lành mạnh (Tình ruột thịt, Hươu và rùa...). Truyện cổ dân gian đã tố cáo bản chất xấu xa của giai cấp bóc lột tham lam, độc ác, kiêu ngạo, ngu dốt như kiêu anh nhà giàu (*Anh nhà giàu bị chơi khăm*), mụ di ghẻ (*Tấm Cám*), tên cặn thần (*Lật đời*), Quan lang (*Trứng ngựa*)... Truyện cổ dân gian đã đề cao bản chất tốt đẹp của nhân dân lao động. Đó là người nông dân có tài trí thông minh thắng cả loài vật hung ác (*Trí khôn*), thắng cả trời (*Ngọc Hoàng thấp mư*), thắng cả vua. Đó là những con người hiền lành như Tấm, cần cù lao động như An Tiêm, anh dũng chống ngoại xâm như Thánh Dóng, Đăm Bơ-ri... Đó là những con người có đạo đức tốt đẹp, yêu chính nghĩa (*Lật đời*), có tinh thần dựa vào sức mình để mưu sống, lạc quan tin tưởng (*Quả dưa hấu*), có tình thương yêu bè bạn, gia đình thấm thiết...

Nhìn chung truyện cổ dân gian đã đề cập đến nhiều mặt của cuộc sống thời xưa và thể hiện được những quan điểm tiến bộ của quần chúng lao động.

Nghệ thuật truyện cổ dân gian có nhiều điểm đáng lưu ý. Phần lớn các truyện đều được xây dựng theo trình tự thời

gian; việc xảy ra trước, kể trước; việc xảy ra sau, kể sau (thí dụ *Tấm Cám*). Các sự kiện, chi tiết trong truyện được chọn lọc, bố cục mạch lạc, chặt chẽ (thí dụ *Cóc kiện trời*). Cách bố cục truyện như vậy dễ nhớ, dễ lưu truyền. Trong truyện cổ dân gian, trí tưởng tượng của nhân dân rất phong phú. Nhờ trí tưởng tượng đó mà nhiều truyện có sức hấp dẫn lớn (*Đăm Bơ-ri, Quả dưa hấu, Kiến giết voi...*). Những yếu tố tưởng tượng nhiều khi có tính chất hoang đường như bụt, tiên, thần, gậy thần, gương thần... Nó phản ánh lòng mong muốn, ước vọng của người xưa, và đó cũng là một phương pháp để xây dựng truyện cổ dân gian. Về mặt ngôn ngữ, do tính chất truyền miệng nên ngôn ngữ trong truyện cổ dân gian thường thay đổi tùy theo người kể chuyện. Nhưng nói chung những người kể thường sử dụng ngôn ngữ của quần chúng, dùng từ dễ hiểu, chính xác, đảm bảo đúng cốt truyện.

Tóm lại, truyện cổ dân gian là bộ phận lớn và quan trọng trong kho tàng văn thơ dân gian. Truyện cổ dân gian có nội dung lành mạnh, nghệ thuật đặc sắc, có tác dụng tích cực đối với nền văn thơ viết trước kia. Ngày nay các nhà văn, nhà thơ khai thác triệt để những mặt tích cực của truyện cổ dân gian để phục vụ cuộc sống mới.

II— CA DAO

1. Ca dao là một bộ phận quan trọng của nền văn thơ dân gian. Ca dao là những bài thơ ngắn viết bằng thể văn vần dân tộc (chủ yếu viết bằng thể thơ lục bát), do nhân dân sáng tác ra từ đời này qua đời khác để phản ánh mọi mặt cuộc sống của nhân dân. Ca dao có thể chuyển thành các làn điệu dân ca. Một số bài dân ca nếu bỏ đi những tiếng đệm, tiếng láy, làn điệu sẽ trở thành ca dao. Thí dụ câu ca dao *Thuyền về có nhớ bến chăng? Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền* có thể chuyển thành một câu dân ca theo điệu hát Trống quân, bát Quan họ, theo các điệu hò của miền Trung... Bởi vậy, ca dao và dân ca liên hệ mật thiết với nhau. Qua các bài ca dao đã học, chúng ta có thể nhận xét thêm rằng ca dao là một thể

thơ dân gian đã được phổ biến rộng rãi và lưu truyền lâu đời nhất.

2. Nội dung ca dao rất phong phú. Nó phản ánh mọi mặt đời sống lao động sản xuất và đấu tranh xã hội... của nhân dân lao động từ xưa đến nay. Căn cứ vào nội dung các bài ca dao đã học ta có thể chia ca dao thành ba loại: ca dao về lao động sản xuất, ca dao về đấu tranh giai cấp (chống phong kiến, chống thực dân, ca dao kháng chiến, đấu tranh thống nhất) và ca dao về tình cảm.

Những bài ca dao về lao động đã nêu lên tinh thần lao động cần cù, dũng cảm của nhân dân ta từ xưa đến nay. Trên đồng ruộng dân có gặp nhiều khó khăn, vất vả, nhưng người nông dân vẫn lạc quan tin tưởng ở tương lai:

Rủ nhau đi cấy đi cày,

Bây giờ khó nhọc, có ngày phong lưu,

Trên đồng cạn dưới đồng sâu,

Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa.

Những năm thiên tai, không gặp mùa thuận gió hòa, con người đã ráng đem sức mình chống thiên tai.

Nước sông ngòi bất quanh về ruộng

Nước ao hồ bất uốn đường nương.

Những bài ca dao nói về đấu tranh giai cấp trong xã hội đã đả kích bọn thống trị phong kiến: địa chủ, vua quan tàn bạo áp bức bóc lột nhân dân:

Con ơi nhớ lấy câu này:

Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan.

Các bài ca dao phản ánh cảnh sống khổ cực của nhân dân ta dưới thời thuộc Pháp có giá trị tố cáo tội ác của bọn thực dân phát-xít Pháp—Nhật, khơi sâu lòng căm thù bọn đế quốc xâm lược. Chính vì vậy mà trong kháng chiến, nhân dân ta đã quyết không đội trời chung với chúng:

Một lời nói tựa nhát dao

Thử cùng giặc Pháp có tao không máy.

Bằng phương pháp trào phúng, ca dao đã châm biếm mọi cách sâu sắc những thói hư tật xấu trong đời sống: chống tham lam, lười biếng và các thói xấu khác..., đả kích mê tín, chế giễu giai cấp thống trị... Nội dung các bài đó có tính chiến đấu mạnh mẽ.

Là phương tiện để bộc lộ tình cảm, ca dao đã nêu lên mọi tình cảm của nhân dân lao động trong đời sống gia đình, xã hội, trong quá trình lao động và đấu tranh...

Tình cảm đối với gia đình, tình yêu quê hương đất nước, tình đoàn kết dân tộc đã được phản ánh trong ca dao một cách sâu sắc, mặn mà:

Nhiều điều phải lấy giá gương,

Người trong một nước thì thương nhau cùng.

Những tình cảm truyền thống tốt đẹp đó đã có tác dụng thúc đẩy cuộc đấu tranh giành thống nhất Tổ quốc của nhân dân ta.

Cho dù giặc Mỹ trăm tay,

Quyết không chia được đất này làm hai.

Cho dù cạn nước Đồng Nai,

Nát chùa Thiên Mụ không sai tác lòng.

Tóm lại, nội dung ca dao rất phong phú, phản ánh nhiều mặt khác nhau của đời sống nhân dân. Ngày nay nhân dân ta vẫn tiếp tục sáng tác ca dao nhằm phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

3. Về mặt nghệ thuật, ca dao là bộ phận thể hiện rõ rệt nhất nghệ thuật ngôn ngữ của nhân dân trong nền văn thơ dân gian.

a) Ngôn ngữ trong ca dao, dân ca là thứ ngôn ngữ giàu hình tượng. Các tiếng tượng hình và tượng thanh được dùng chính xác, có tác dụng truyền cảm mạnh mẽ:

Đứng bên nì đồng ngô bên tẻ đồng mênh mông bát ngát,

Đứng bên tẻ đồng ngô bên nì đồng cũng bát ngát, mênh mông...

Thân em như chén lúa đông đông,

Phất phơ dưới ngọn nắng hồng buổi mai.

b) Nghệ thuật diễn đạt ý tưởng cũng rất phong phú. Phương pháp dùng điệp từ, điệp ngữ là một phương pháp phổ biến trong ca dao:

Nòng dân đã nói thì làm,
Đã đi là đến đã bán là thông,
Đã quyết là quyết một lòng,
Đã phát là động, đã vùng là lên,
Đã lật, lật dưới lên trên,
Đã chuyền là chuyền bốn bên chân trời.

Hoặc có khi dùng phương pháp so sánh để làm nổi bật ý:

Biển Đông có lúc voi đầy,
Mỗi thù để quốc có ngày nào quên!

Có khi dùng lối vi ngầm:

Vạn niên là Vạn niên nào?
Thành xây xương lính, hào đào máu dân.

Có khi dùng sự vật, hiện tượng cụ thể để nói lên ý trừu tượng:

Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

Ngoài ra ca dao còn dùng các phép tu từ khác như lối nhân hóa, lối nói phóng đại... để cho ý được diễn tả thêm sinh động, mạnh mẽ và giúp ta dễ nhớ.

c) Thể thơ trong ca dao là thể thơ dân tộc. Ca dao chủ yếu dùng thể lục bát và lục bát biến thể. Cách gieo vần của thể thơ lục bát như sau: vần chữ thứ sáu câu tám phải hiệp vần với chữ cuối câu sáu ở trên; vần chữ cuối câu sáu tiếp theo phải cùng vần với chữ cuối câu tám, gọi là vần chân.

Thí dụ:

Trầu ơi, ta bảo trầu này,
Trầu ra ngoài ruộng trầu cày với ta.
Cây cày vốn nghiệp nông gia
Ta đây trầu đấy ai mà quản công!
Bao giờ cây lúa còn bông
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trầu ăn.

Vần lưng ở chữ thứ sáu của câu tám, nhưng cũng có khi ở chữ thứ tư.

Thí dụ:

Giàn cao thì bi cũng cao
Bi có rơi nhào là tại giàn xiêu.

Có khi dùng thể lục bát biến thể (số chữ ở câu sáu hoặc câu tám có thể nhiều hoặc ít hơn).

Thí dụ:

Các búp! Các búp! Xòu,
Ba thằng giặc Pháp bắt gà bắt heo.
Các búp! Các búp! Xèo,
Ba thằng giặc Pháp bắt heo bắt gà.

Nhìn chung, ca dao là loại thơ dân gian được phổ biến hết sức rộng rãi trong đông đảo quần chúng lao động Việt Nam. Nội dung ca dao lành mạnh, nghệ thuật điêu luyện. Tác dụng giáo dục tư tưởng của ca dao sâu sắc. Nhiều nhà văn, nhà thơ có tài đã học tập ở ca dao rất nhiều và vận dụng sáng tạo vào tác phẩm của họ. Ngày nay nhân dân ta đang tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp của ca dao Việt Nam.

Chú thích:

(1) Các dẫn chứng trong bài này không chỉ dừng ở chương trình lớp Bảy mà còn lấy ở cả chương trình lớp Sáu và ở một số sách khác để giúp học sinh có thể hiểu toàn diện hơn về truyện cổ, ca dao.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ ÔN TẬP

1. Đọc lại và tập kể những truyện cổ dân gian đã học (kể cả các bài đọc thêm); thử phân loại các truyện đó và tìm định nghĩa cho mỗi loại.
2. Truyện cổ dân gian đã phản ánh cuộc sống của nhân dân, phản ánh một số sự kiện lịch sử dân tộc. Bằng những truyện đã học, em hãy chứng minh nhận định trên.
3. Qua các truyện đã học, em thấy nghệ thuật truyện cổ dân gian có những điểm gì đặc sắc? Em thích truyện cổ nào nhất? Vì sao?
4. Thế nào là ca dao? Có thể chia ca dao làm mấy loại? Các câu ca dao đã học thuộc những loại nào?

5. Ca dao phản ánh những vấn đề gì của cuộc sống quần chúng? Về mặt nghệ thuật ca dao có những đặc điểm gì?

6. Trong các câu ca dao đã học, em thích câu nào nhất? Em hãy phân tích nội dung và nghệ thuật của câu ca dao mà em thích nhất. Học thuộc các câu ca dao đã học và lập làm một số câu ca dao ngắn.

7. Qua những truyện cổ dân gian và ca dao đã học em rút ra được những kinh nghiệm gì để làm tập làm văn?

ĐI TÌM BÀI CÁ

... Biển vẫn lồng lộn. Nhưng tàu vẫn cứ đi, cứ tiến, từng tí... từng tí... Suốt đêm... Suốt đêm...

Và rồi cuối cùng, quãng đường gian nan cũng đã vượt qua. Trời sáng dần. Nhìn về phương Nam, mặt biển có vẻ trong sáng hơn, hura hơn. Tít tắp xa, ông mặt trời đã lộ lên gửi những tia nắng phớt hồng đến chào mừng thắng lợi đầu tiên của những người thủy thủ. Bất khoan thai, ông leo lên đỉnh trời. Mỗi tia nắng ông gieo xuống khi chạm phải mặt nước lại vỡ thành ra bao nhiêu đồng tiền vàng óng ánh. Những con sóng lúc này hiền từ gối lưng lên nhau, ve vuốt mạn tàu⁽¹⁾. Trời xanh thẳm và sạch bong. Gió nhẹ như một tiếng thở dài.

Từng đàn hải âu⁽²⁾ sà xuống rập rờn trên những cái bém trắng của sóng, trên mũi tàu nhấp nhô. Nhiều con chao cánh lượn sát người các thủy thủ kên lên những tiếng ngáp ngừng rồi xoay mình phơi cái ức trắng muốt về phía mặt trời.

Xa xa, đằng sau một lớp sương hồng hồng, thấp thoáng một vết tím nhòe. Có lẽ là hòn Mát⁽³⁾...

Tám giờ sáng hôm sau, các anh đã tới khu vực hòn Mát. Thế là các anh đã thắng một trận đầu căn bản, có tính chất quyết định. Nhưng những khó khăn mới lại đang rình mò các anh.

Cả ngày hôm ấy, tàu các anh cày ngang dọc mặt biển, nhưng vẫn chưa mò ra luồng cá. Ngày thứ hai, thứ ba cũng thế.

Những mẻ lưới kéo lên nhẹ tếch.

Những tiếng thở dài ngao ngán.

Những cái nhìn lo lắng về phía chân trời.

... Vậy đó, chuyến đi đã được bốn ngày, rồi năm ngày. Vẫn vô tâm chẳng thấy cá đàn như lời đồn đại. Dầu cạn dần. Bãi cá là đàn trong cái vùng biển bao la bát ngát này? Các tàu bạn tới tập đánh điện đề nghị anh quay về kéo sắp hết dầu dự trữ.

Về! Cái tiếng đó, bây giờ anh nghe sao mà chua xót! Về bây giờ tức là từ bỏ tất cả những hi vọng bao lâu ve vuốt. Về bây giờ tức là tuyên bố đầu hàng, đành cứ để cho nhà máy «dói» cá, đành cứ để cho cái nếp đánh cá kiểu công tử⁽⁴⁾ kéo dài không biết đến tận bao giờ. Về bây giờ tức là cam chịu đựng cái tình trạng mỗi năm năm đi ở bến cảng hàng bốn, năm tháng vào vụ gió nam, tức là lại luẩn quẩn với hải Châu Lan để rồi năm nào cũng cứ lỗ hổng xiềng.

Không, quyết không thể quay về như thế được. Anh đề nghị do dầu⁽⁵⁾ lại cho anh em thấy và quyết định ở dấu⁽⁶⁾ thêm một ngày nữa.

Một số anh em đã kể lại rằng lúc ấy nom mặt anh «tĩnh» ghê lắm. Nhưng đằng sau cái bề ngoài bình thản ấy, hàng trăm câu hỏi đang lộn nhào lên trong đầu anh. Liệu trong một ngày còn lại này có ăn thua gì không, hay cũng đến hoai công như những ngày qua? Lấy gì mà bảo đảm rằng những mẻ lưới sắp tới sẽ được may mắn hơn các mẻ trước? Làm thế nào để đi đúng vào luồng cá? Làm thế nào?... Thế nào??...

Anh đã lần lượt tìm ra lời giải đáp thỏa đáng cho từng câu hỏi. Anh đã phân tích từng mẻ lưới một cách khoa học, nhận xét sự thay đổi màu sắc ở những con cá chết dính nơi đáy dục⁽⁷⁾, dựa vào đó mà phán đoán thời gian đàn cá đã qua đấy rồi hướng cho tàu đánh quần lặn. Và anh đã không

lâm : đến sáng ngày hôm thứ sáu, khi mẻ lưới thứ ba được kéo lên thì một tiếng reo hò vui sướng bỗng bật ra từ tất cả mọi lồng ngực của toàn thủy thủ đội tàu 25 — 26 : mẻ lưới được trên một tấn cá phèn, quá nửa là cá phèn lửa óng lên những đường chỉ đỏ rực trên mình. Trúng tủ bãi cá là đây rồi ! Trên boong tàu, anh em cười đùa, ôm lấy nhau, nhảy cẫng lên. Máy chủ hải âu cũng sà xuống đập đập cánh khe khẽ kêu lên mấy tiếng dài ngõ ngàng. Reo to nhất là thủy thủ trưởng Đức, cái anh chàng bình thường vẫn ít nói hơn cả. Ngồi bên điện đài, anh hiệu trưởng viên (8) Minh Sơn run run gõ chiếc cần ma-níp (9) báo tin về xí nghiệp.

« Đã phát hiện được luồng cá (xốp). Kinh độ... vĩ độ... (xốp). Đề nghị cử đội khác ra tiếp tục khai thác (xốp). VD. 25 — 26 ».

Anh thì không hiểu lộ tình cảm của mình một cách ồn ã như các bạn. Anh chỉ đứng khoanh tay lặng lẽ mỉm cười.

... Trong chuyến đi này, anh đã tìm ra bãi cá. Đoàn tàu của anh mang về cho nhà máy mười bốn tấn cá, cao hơn trong tải (10) hai tấn.

Từ đó, vĩnh viễn chấm dứt thời kỳ năm bến dơi mùa.

Từ đó, vĩnh viễn chấm dứt những ngày lặn quần với bãi Châu Lan.

Từ đó, vĩnh viễn chấm dứt cái thói quen khai thác kiểu công chức « sáng giông lưới đi, tối giông về ».

Từ đó vĩnh viễn chấm dứt giai đoạn thua lỗ. Trước kia, mỗi đội đi một chuyến chỉ được chừng 2 tấn, nay tăng lên tới 20 tấn có khi đến 25, 28 tấn.

Và từ đó, mở ra một thời kỳ khai thác mới...

NGUYỄN TRINH

(Trích bút ký *Thuyền trưởng*)

Chú thích :

(1) *Mạn tàu* : ở đây chỉ hai bên thân tàu.

(2) *Hải âu* : loại chim sống ở biển, lông trắng, cánh dài, gần giống chim bồ câu, bay lượn rất giỏi, kể cả lúc gió bão.

(3) *Hòn Mát* : một hòn đảo nhỏ nằm dọc đường cánh cung phía nam vịnh Bắc Bộ, ngoài khơi bờ biển Nghệ Tĩnh.

(4) *Đánh cá kiểu công tử* : ý nói làm ăn tùy tiện, thiếu tính thần vượt khó khăn (công tử là con các quan lại, các gia đình quý phái thời phong kiến thường lưới biếng, không chịu lao động).

(5) *Đo dần* : dùng một dụng cụ để đo xem dầu còn nhiều hay ít.

(6) *Ở dần* : ở rón thêm.

(7) *Đáy dứt* : phần cuối như cái túi của một số dụng cụ đánh cá như dứt lưới, dứt vó...

(8) *Hiệu trưởng viên* : người nghe tín hiệu ở máy vô tuyến điện.

(9) *Cần ma-níp* : phiên âm từ tiếng Pháp. Cần có núm cầm để đánh tín hiệu.

(10) *Trong tải* : sức chở.

Chính tả :

Khoan : khoan thai, khoan khoái, mũi khoan, hồ khoan ; *Khoang* : khoang thuyền, quạ khoang.

Quyết : quyết tâm, quả quyết ; *Quít* : quả quít, qua quít.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. *Tìm đại ý và bố cục của bài*

2. *Những khó khăn, gian khổ trong chuyến đi tìm bãi cá được tác giả miêu tả như thế nào ?*

3. *Thái độ cương quyết làm nghĩ dám làm của Hồ Xuân Tuyền được biểu hiện ở chỗ nào ? (Chú ý điệp ngữ và mấy câu hỏi tự đặt ra rồi tự trả lời).*

4. *Khi phát hiện được bãi cá, anh Hồ Xuân Tuyền biểu lộ tình cảm như thế nào ? Ý nghĩa của cách miêu tả đó đã góp phần khắc họa tính cách nhân vật Hồ Xuân Tuyền như thế nào ?*

5. *Tại sao lại nói thẳng lời trong chuyến đi này có tính chất quyết định ?*

6. *Tác giả đã kết hợp miêu tả và kể chuyện, đã dùng điệp từ, điệp ngữ, dùng cách đặt câu nghi vấn, diễn đạt bằng hình ảnh do đó câu chuyện hùng thú và hấp dẫn. Hãy tìm và phân tích một vài dẫn chứng.*

BÀI ĐỌC THÊM

NGƯỜI TUẦN ĐƯỜNG

Lê Văn Giếng xách đèn lách mình ra khỏi buồng, khẽ đóng cửa lại, bước nhẹ qua mảnh sân con rồi nhón chân treo

lên đường sắt. Ra khỏi khu ga, anh vẫn nhẹ bước đều đều, không để cho gót chân chạm mạnh lên lớp đá dăm ở lòng đường. Nghề nghiệp hằng ngày đã làm cho anh quen với lặng lẽ. Nhiệm vụ tổ tuần đường Mậu Đông của anh là phải bảo đảm một đoạn đường sắt tám ki-lô-met giữa vùng rừng núi hoang vắng, ngày cũng như đêm lúc nào cũng tốt, không để xảy ra tai nạn cho các chuyến xe lửa qua lại.

Lao động chủ yếu của anh trong giờ làm việc dồn vào hai bên chân và đôi mắt. Anh bước đều đều, vững chắc, không quá chậm đến nỗi thời gian quy định, cũng không quá nhanh mà bỏ qua một chỗ bông nhỏ trên đường. Anh dồn hết tâm trí vào mỗi chiếc é-cu mỗi chiếc đinh ốc, cố phát hiện từng vòng răng chèn hoặc lỏng. Đêm tối, rừng rậm, núi cao vây chặt hai bên làm cho đêm càng thêm tối. Ngọn đèn con của anh chỉ đủ soi tỏ lòng đường. Hai bên mép đường chỉ thấy rõ những bụi lau ngọn vươn cao như giáo dài, những khóm nứa với những ngọn măng vút lên như chông nhọn. Còn lại là bóng đen với muôn nghìn hình thù cổ quái. Từ những bóng đen dày đặc ấy có thể đến với người qua đường biết bao nguy hiểm bất ngờ, một con thú dữ, một con rắn độc, một kẻ gian.

Giếng vẫn một mình một ngọn đèn con. Anh đi thẳng người và lặng lẽ với bóng anh, xuyên sâu vào núi rừng trên tuyến đường sắt miền Tây của Tổ quốc. Anh từng nghe nói «cop đảo Hô, ma Trái Hút» (1) và nhiều chuyện hồ vờ người ở vùng này. Nhưng đêm dày rừng thẳm không phải chỉ có thú dữ. Máy tháng vừa qua máy bay Mỹ đã thả biệt kích xuống tuyến đường này. Bọn biệt kích đã bị ta tóm gọn. Dân quân, công an địa phương đã căng lưới sẵn sàng tóm gọn chúng. Trên ngọn núi cao ven đường, nhân dân đã dựng chòi gác máy bay địch. Giếng rất yên tâm trong các chuyến đi đêm, nhân dân luôn luôn ủng hộ, che chở anh, anh cảm thấy mình không bao giờ đơn độc (2).

Một đốm lửa đỏ từ xa tiến dần về phía anh. Đã sắp tới một phân chia địa phận giữa anh và ga Mậu A. Mốc là chiếc lau con trong có hai chiếc giường nữa dùng làm nơi nghỉ chân cho người tuần đường của hai ga khi gặp nhau. Giếng vừa

bước đều vào thì anh tuần đường của Mậu A cũng xách đèn tới. Họ cùng nghỉ một lát và sau đó trao đổi thẻ bài (3), trở về ga cũ.

Trên đường quay về, Giếng lại kiểm tra lần thứ hai. Anh đi thong thả, vững chân, thẳng người đều bước, lặng lẽ và nhẫn nại. Anh đã đi như thế bảy năm trời rồi. Mỗi ngày tám ki-lô-met đường đi, tám ki-lô-met đường về. Mười sáu ki-lô-met một ngày. Bảy năm qua, anh đã đi ba vạn năm nghìn ki-lô-met. Trên quãng đường tám ki-lô-met chiều dài, anh cứ đi rồi lại, lại rồi đi, bên hi, ngày cũng như đêm, mưa cũng như nắng, bão táp đầy trời, cũng như sương mù ngập đất. Giếng không phải không có lúc buồn khổ. Nhưng trách nhiệm đòi hỏi anh tiếp tục cuộc đi. Và cuộc đi nhẫn nại đã giúp anh chín chắn thêm trong suy nghĩ. Anh đã suy nghĩ nhiều đến một điều mà chỉ bộ Đảng vẫn nói với anh: có đem hết nhiệt tình cách mạng vào công việc mới thấy hết cái vẻ vang của nghề tuần đường.

Có tiếng chày đập động mạnh phía sau lưng anh, rồi ánh đèn pha của một đoàn tàu tốc hành một khóm rừng. Giếng nhảy xuống ven đường, đứng về phía trái và giờ cao mặt đèn xanh: tín hiệu đường an toàn và cũng là lời chào của người tuần đường đối với anh em trên đầu máy. Từ xa, người tài xế đã nhìn thấy hiệu đèn, kéo một hồi còi dài đáp lại, như muốn nói với Giếng:

«Chúng tôi đã nhìn thấy anh rồi. Xin cảm ơn và chúc anh vững bước!». Đoàn tàu qua rất nhanh. Khi ánh đèn đỏ của toa xe cuối cùng tắt hẳn trong đêm tối. Giếng mới buông đèn xuống và trở lại lòng đường. Tàu đi qua, anh cảm thấy ấm áp hơn trong đêm vắng lạnh. Anh thấy không phải chỉ có mình anh lao động trong rừng khuya. Còn có anh em phục vụ trên các con tàu xuôi ngược và biết bao người nữa ở khắp mọi nơi trên đất nước thân yêu cũng đang thức như anh, hăng hái lao động và chiến đấu cho chủ nghĩa xã hội, cho thống nhất Tổ quốc.

Anh lại bước đều đều, soi từng é-cu đinh ốc, vừa soi vừa bước đi, giữa vùng sáng của chiếc đèn con. Và bóng anh

cao lên do ngọn đèn phóng to ra, cũng đập lên mũi rừng mà bước lời.

THỨC KÝ

Chú thích:

(1) Mầu Đông, Mầu A, Trái Hút, Báo Hà: tên một số ga dọc theo đường sắt Yên Bái — Lào Cai.

(2) Đền độc: một mình lẻ loi.

(3) Thẻ bài: mảnh bìa cứng có ghi tên người cầm, ngày giờ... Theo quy định của nhà ga, hai người tuần đường của hai ga trao đổi cho nhau thẻ bài để chứng minh rằng hai bên đã gặp nhau.

ANH CHỦ NHIỆM (1)

Nắng chiều thấp thoáng ngọn cây tre
Sóng lúa mênh mông cuộn đổ về
Anh cùng tôi bước trên đê nhỏ
Áo nâu bạc màu bay với gió.
Anh giờ tay vẽ giữa đồng xanh
Vẽ cả ngày mai thành bức tranh:
Kia dòng mương chảy, cầu đương bắc
Lò gạch xây cao, đường thẳng lấp
Nơi đây kho thóc, nhà chăn nuôi
Tiền đã lo xong, đất cấy rồi (2).
Chân vẫn bước đều, miệng vẫn nói,
Phơi phơi lòng anh cơn gió thổi.

Anh làm chủ nhiệm đã ba năm
Ba năm vất lộn cùng khó khăn
Có mùa hạ cháy, đồng khô cạn
Mười bậc nước leo lên ruộng hạn

Có mùa lúa chín, lụt tràn qua
Lại phải nghiêng đồng hắt nước ra.
Người ít, ruộng ít, bò trâu ít,
Chạy ngược chạy xuôi, chân rối rít
Ngoài ba mươi tuổi máu đương sôi
Không chịu khoan tay đứng ngó trời.
Xoay mùa, chuyển vụ (3), tăng năng suất
Thiếu đất lên rừng tay vỡ đất
Còn nhiều nếp cũ, thói riêng tây (4),
Trăm miệng, trăm lòng (5), trăm cái gay.
Hôm mất thân đêm lo việc xã,
Gió rét đường trơn, chân bấp dã.
Hết làng đến ruộng, hỏi đi về (6)
Miệng nói tay làm, tai lắng nghe.
Cùng bao đồng chí anh đi trước
Đừng mũi chịu sào dẫn gió ngược.
Có đêm nằm nghĩ cảnh gieo neo
Vợ yếu, con đông, chưa hết nghèo
Nhưng rồi thấy rõ đường đi tới
Nước nổi lo chỉ bèo chằng nổi (7)
Lại lao vào việc lòng say sưa
Hết sớm thời chiều, nắng lại mưa.
«Ơi anh chủ nhiệm! Anh chủ nhiệm!»
Bao tiếng thân yêu, lời cảm mến.
Tay anh nắm chặt tay xã viên
Xóc cả phong trào vững tiến lên.

Anh cùng tôi bước trên đê nhỏ
Áo nâu bạc màu bay với gió
Mắt tôi ôm hết cả đồng xanh
Cả dáng hình anh trong bức tranh.

4-1962
HOÀNG TRUNG THÔNG

Chủ thích:

Bài thơ trích trong tập thơ *Những cánh bướm* (Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1964) của Hoàng Trung Thông. Hoàng Trung Thông, nhà thơ trưởng thành trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1946 — 1954). Ông viết bài thơ *Anh chủ nhiệm* trong những năm đầu nông thôn miền Bắc xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất.

(1) *Chủ nhiệm*: đây là chủ nhiệm hợp tác xã, người đứng đầu ban quản trị hợp tác xã, do đại hội xã viên bầu ra.

(2) *Đất cày rồi*: ở đây nói đất đã được đánh dấu, cày cộc... để dành cho kế hoạch xây dựng của hợp tác xã.

(3) *Xuống mùa, chuyển vụ*: ý nói thay đổi mùa sản xuất, vụ sản xuất... sao cho có lợi nhất.

(4) *Thuộc tay*: thuộc về cá nhân, thuộc về từng người. *Thời riêng tay*: chỉ thời làm ăn riêng lẻ, cá nhân, lo cho lợi ích riêng.

(5) *Trăm miệng trăm lòng*: mỗi người mỗi ý kiến, mỗi tư tưởng, mỗi nguyện vọng khác nhau.

(6) *Thoi đi về*: đi đi về về như con thoi.

(7) *Nước nổi lo chi bèo chẳng nổi*: câu thơ ý nói phong trào hợp tác xã tiến lên, đời sống xã viên được nâng cao thì đời sống gia đình anh chủ nhiệm cũng được nâng cao theo mức chung, như nước dâng lên thì bèo cũng nổi lên theo.

Chính tả:

Cuộn đỏ về, bạc màu, đồng xanh, bức tranh, khó khăn, khó cày, ruộng hạn, thân yêu.

Nổi: nước nổi, nổi chim, nổi gió, nổi mần, nổi bật, nổi cơn, nổi dậy, nổi giận, nổi tiếng, nổi đình đám, trời nổi, sôi nổi; *Nổi*: nổi lòng, nổi niềm, nổi riêng, nổi mình, nổi nhà.

Chặt: nắm chặt, thắt chặt, chặt chẽ, chặt chĩa, chặt tay; *Chọc*: chọc lười.

Gầy: gầy gò, đồ gầy; *Gai*: gai góc; *Gậy*: gậy gỗ, gậy cấn, gậy dựng, gậy mõ.

HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

1. Tìm đại ý và bố cục của bài thơ.

2. Tác giả đã đưa vào bài thơ một số thành ngữ, tục ngữ (đưa cả câu, như: chạy ngược chạy xuôi, miêng nói tay làm...; hoặc rút ra như: lại phải nghiêng đồng hắt đổ ra tay ý từ câu nghiêng đồng đổ nước ra sông (tục ngữ mới), nước nổi lo chi bèo chẳng nổi lấy ý từ

câu nước nổi bèo nổi...). Tìm hiểu ý nghĩa và tác dụng của các thành ngữ, tục ngữ đó.

3. Phân tích những câu thơ, ý thơ nói lên phẩm chất tốt đẹp của anh chủ nhiệm (tận tụy phục vụ tập thể, dũng cảm vượt khó khăn gian khổ để xây dựng hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất...).

4. Hình ảnh anh chủ nhiệm được giới thiệu trong khổ thơ đầu và được lặp lại ở khổ thơ cuối có tác dụng trong việc thể hiện tình ý bài thơ như thế nào? Tác giả muốn nói điều gì qua các hình ảnh thơ « áo nâu bạc màu », « bức tranh » đồng quê?

5. Nhận xét cách dùng từ, cách ngắt nhịp và cách gieo vần trong bài thơ này.

VIỆT BẮC — TÂY NGUYÊN

Mười bốn lần ăn rằm tháng bảy (1),

Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa

Từ Cu Hồ về ta đứng đây.

Ta mới hay: có anh em ta!

Tôi biết « buồn » anh cũng có rừng,

Có nương màu mỡ... có dân to rừng,

Có voi chõ lúa đi ngang núi,

Có những người con thật anh hùng...

Nhưng anh như lúa ở bên khe,

Mới thấy mặt trời, mây đã che.

Hết gió lại mưa, tăm tối mãi,

Anh mong ánh sáng Bắc phương về.

Anh bạn Tây Nguyên nghĩ đúng rồi!

Thái — Mèo, Việt Bắc... của chúng tôi,

Bao nhiêu tiếng nói bao màu áo,

Tay nắm tay nhau bước tuyệt vời.

Anh đã nghe « tiếng nói Việt Nam »:

Vùng cao vùng thấp tới đồng bằng,

Người nương người ruộng đang ca hát,

Hợp tác cùng nhau dựng xóm làng.

Nhiều suối dừng chân, núi cúi đầu (2).
Đất không được nghỉ, lúa thay nhau,
Đến đây nhìn lúa như rừng sậy!
Người lạc vào trong chẳng thấy đau.

Anh biết Thái Nguyên cạnh sông Cầu!
Núi ngồi núi đứng xếp hàng nhau.
Ngày nay lại mọc thêm nhiều núi,
Mai ngồi đỏ tươi nhuộm một màu (3).

Anh nghe Tinh Túc với Tả Sa,
Tiếng máy tiếng còi lẫn tiếng ca.
Có thợ người Nùng ngồi vắn máy
Nhìn cô và máy ngổ nhìn hoa!
Những bàn nhả sản ở núi cao,
Tiếng chim thánh thót trên hàng rào.
Từng đàn con trẻ ra trường mới,
Chim với người thi cất tiếng cao.

Anh bạn Tây Nguyên, anh bạn ơi!
Làm sao kể hết chuyện quê tôi.
Hơn mười năm ấy thay nhiều lắm,
Cách mạng ăn sâu đất lẫn người.

Quê tôi chưa phải chỗ thiên đường (4),
Còn áo vá vai, ăn bắp nương.
Lối bước còn gai, còn khúc khuỷu...
Nhưng theo Đảng vạch sẽ quang đường.

Ngày nay của tôi, mai của anh.
Lòng sắt dạ gang (5), ta đấu tranh.
Phải lật đổ nhào quân Mỹ — Diêm!
Mây tan mưa tạnh trời trong xanh!

8-1959

NÔNG QUỐC CHẤN

(Tiếng ca người Việt Bắc)

Chú thích:

(1) Ý nói mười bốn năm (mỗi năm có một ngày Tết vào rằm tháng bảy).

(2) Suối dừng chân, núi cúi đầu: ý nói chinh phục thiên nhiên, khai thác thiên nhiên.

(3) Hai câu này ý nói: nhiều nhà ngôi mới mọc lên như núi.

(4) Thiên đường: theo đạo Thiên chúa thì thiên đường là nơi rất sung sướng ở trên trời. Ở đây ý nói quê hương chưa phải thật hoàn toàn đầy đủ, sung túc.

(5) Lòng sắt dạ gang: đây là lối so sánh ngầm (ẩn dụ), ý nói bền gan, quyết chí.

Chính tả:

Tuyệt: tuyệt diệu, tuyệt đẹp, từ tuyệt, tuyệt đỉnh, tuyệt thực;

Tiệt: tiết học, chết tiệt.

Tĩnh: yên tĩnh, tĩnh tâm, trấn tĩnh; Tĩnh: tĩnh thành, tĩnh ngữ.

Mãi: mãi mãi, mãi lộ; Mãi: mãi mê, mãi miết.

Gang: gang thép, gang tấc, đũa gang; Gan: gan dạ, bền gan, gan góc.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tìm đại ý của bài. Bài thơ có thể chia làm ba phần, hãy tìm ý chính của mỗi phần.

2. Tác giả biết những gì về Tây Nguyên? Ở đoạn đầu, tác giả dùng nhiều hình ảnh trong tương. Em hãy nêu một số thí dụ và nói tác dụng của phương pháp này.

3. Viết Bắc « Hơn mười năm ấy thay nhiều lắm ». Viết Bắc đòi hỏi về những mặt nào? Tại sao có thể nói: « Cách mạng ăn sâu đất lẫn người »?

4. Trước những đòi hỏi của quê hương, người Việt Bắc đã nói gì với Tây Nguyên — quê hương kết nghĩa và nói bằng cách nào?

5. Hãy nêu lên sự đổi thay kì diệu của Việt Bắc và biểu lộ tình cảm chân thành của mình, tác giả dùng những biện pháp tu từ nào?

BỮA CƠM THƯỜNG TRONG BÀN NHỎ

Chim ri (1) mách lúa vàng chín rộ

Tu hú (2) kêu vài đống chùm cây

Tháng năm mười chín rồi đây,

Ngày sinh nhật Bác nắng đầy tiếng chim...

Quê em nhỏ hồn bên khe suối
 Người vắng qua chim tới chim lui
 Khi vui ngắm núi làm vui
 Khi buồn nhặt trái sim rơi đỡ buồn.
 Trái mơ non quả tròn quả meo
 Đời em như cỏ héo từ mùa (*)
 Con vua thì họ làm vua
 Minh con nhà khó như mưa ngoài ngàn.

Đầu mùa nấu củ thay cơm
 Cuối mùa nấu đợt măng nguồn thay khoai...
 Từ có Bác cuộc đời hừng sáng
 Bát cơm no tháng tám ngày ba
 Cơm thơm ăn với cá kho
 Công đức Bác Hồ, bản nhớ nghìn năm.

Bác thương dân chăm ăn chăm mặc
 Em đi chợ đồng bằng, bán hạt sa nhân (*)
 Tháng giêng may áo thêu quần
 Tháng hai trải hội (5) mùa xuân hây còn.
 Lợp bình dân cuối thôn em học
 Người thêm khôn đất mọc thêm hoa
 Chim khôn chim mùa chim ca
 Bản em có Bác như nhà có trăng
 Muối lên rừng tay bưng tay đặt
 Bộ đội Bác lên rừng công tác, em thương
 Khi xưa lên núi không đường
 Giờ anh lên núi bản mừng đợi anh.

Ra vườn xanh bãi nhánh (6) vãi đồ
 Xuống ruộng vàng gặt hồ lúa hương
 Ngày vui nấu bữa cơm thường
 Thết anh cấp bộ lên mừng giúp dân.

Rừng xuân cái lá cũng xuân
 Đờn Bác vạn phần lại có công anh.

CHẾ LAN VIÊN
 (Trích trong tập Gửi các anh)

Chú thích :

- (1) Chim ri : giống như chim sẻ ; mỏ đen.
- (2) Tu hú : giống chim ăn sâu bọ lông toàn đen hoặc có đốm trắng ; thường hay kêu về tháng ba, tháng tư là mùa quả chín.
- (3) Tư mùa : bốn mùa.
- (4) Hạt sa nhân : loại cây thuộc họ gừng, hạt dùng làm thuốc.
- (5) Trải hội : đi xem hội.
- (6) Nhánh : cành nhỏ.

Chính tả :

Hừng : hừng sáng, trời hừng ; Hừng : hừng hờ.
 Quần : quần chúng, quây quần, quần áo, quần nhau với giặc ; Quảng :
 mắt thăm quảng.
 Vàng : vàng bạc, sao vàng, võ vàng ; Vàn : muôn vàn, vô vàn.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tìm đại ý của bài.
2. Phân biệt nghĩa các từ : chín rộ, chín tới, chín nục.
3. Bốn câu đầu của bài thơ tả cảnh đẹp của bản mừng trong ngày sinh Bác Hồ. Tìm đây nói rõ cảnh đó đẹp như thế nào ? Hình ảnh đẹp đó gợi lên ý gì ?
4. Phân tích những hình ảnh trái ngược nhau trong bài thơ (nói về hai cảnh sống khác nhau) để hiểu rõ câu thơ « Từ có Bác cuộc đời hừng sáng » của tác giả. (Gợi ý : Đời em như cỏ héo từ mùa — Tháng giêng may áo thêu quần, Tháng hai trải hội mùa xuân hây còn ; Đầu mùa nấu củ thay cơm, Cuối mùa nấu đợt măng nguồn thay khoai — Bát cơm no tháng tám ngày ba, Cơm thơm ăn với cá kho. . .)
5. Tại sao ở trên tác giả viết : « Từ có Bác cuộc đời hừng sáng » ở dưới lại viết : « Bản em có Bác như nhà có trăng » ? Phân tích.
6. Vì sao nhân dân lại gần bỏ với bộ đội và cán bộ ? Những hình ảnh nào nói được tình cảm tha thiết đó ?

THEO ANH NÚP (*)

Giữa lúc đang đói nặng, Pháp đánh Bông pra. Núp chia người mạnh đi lên núi cao tìm rau về cho người yếu, chỉ còn

một chục thanh niên ở lại làng. Pháp lới bắn súng ở rẫy mới biết. Chỉ kịp đu nhau chạy toán loạn vô trong rừng. Liền và Núp ôm con trốn dưới suối. Khi Núp chạy, không kịp cầm cái ná theo...

Đến trưa, nghe tiếng nổ nữa, tưởng là tiếng súng. Mẹ con Mai Liều chạy vô hốc đá. Núp leo lên một hòn đá cao đứng coi. Tự nhiên, Núp nhảy xuống, nắm lấy cái rựa không nói không rằng một tiếng, bỏ mẹ con Mai Liều đó, nhảy phốc lên bờ suối, chạy về làng.

Chị Liều kêu:

— Pháp nó bắn đó, không có ná, đi đâu, anh Núp?

Nhưng Núp đã chạy xa rồi. Liều nước mắt ròng ròng công con leo lên bờ suối, ngó theo chồng. Khói đỏ bay lên mù mịt, tàn lửa loạn xạ trên trời.

— Pháp đốt làng Bông pra mất rồi!

Chín mươi người tại đi trong núi, thành một hàng dài. Gió đỏ lá vàng khô xuống bên gù (?) của họ. Con chim per rorok, con chim của quê hương, đất nước, núi rừng đó, sao nó cứ kêu mãi. Máy kêu gì mãi thế, con chim ơi? Làn này khô lắm rồi nhé! Khô hung rồi nhé! Làn này phải lấy cái tay mà đào cái củ mài sâu dưới đất rồi! Phải lấy cái răng mà cắn miếng da con trâu rồi. Bụng tức thằng Pháp vô cùng. Bụng nó như lửa, nó ác lắm. Làn này nó tới đốt làng, nó không lấy gì cả, nó chỉ lục hết các nhà, lấy tất cả riu, rựa, giáo, mác. Riêng nhà anh Núp cũng mất nười chĩa cái riu, rựa. Nó biết người Ha-na quý cái sắt lắm; cái sắt này chỉ có xuống dưới Kinh mới mua được. Nó biết không có sắt, không sống được đâu. Lấy gì làm rẫy, lấy gì chặt con nai, con mang? Nó muốn cho người Ha-na chết hết?...

Bok Pa đi đầu đoàn người, tay cầm chông, lưng còng xuống bok một lần, nhưng cứ hát, hát cho khỏi buồn cái miệng, cho khỏi nóng cái bụng quá, bok hát theo điệu Pe trong luật (?).

Không phải đâu, thằng Pháp ơi!

Mày làm rồi! Mày làm rồi!

Mày lấy hết lúa của tao,

Mày lấy hết bắp của tao,

Mày lấy hết sắt của tao,

Mày muốn tao chết trước mày.

Không phải đâu, thằng Pháp ơi!

Mày làm rồi, mày làm rồi!

Coi thử tao chết trước hay mày chết trước nhé...!

Câu hát của bok Pa trầm trầm thong thả, nhưng nó đốt lửa trong chín mươi tấm lòng. Núp cũng thấy hưng hực. Chín mươi người đi, lắm lì, leo đá, lội suối, người già cũng đi, con nít cũng đi, người có mang cũng đi. Con vật cắn chảy máu, không cần, con mòng (?) chích đau, không kêu. Đi thôi, đi theo anh Núp...

... Buổi sáng nay, Núp leo lên hòn đá cao giữa làng Bông pra vừa cháy, nhìn chín mươi người đói xơ xác đang đứng quanh anh. Núp nói:

Thằng Pháp đốt cái làng này rồi. Bây giờ nó biết chỗ mình ở rồi. Phải đi nữa thôi, phải lên trên núi Chư lấy cao nữa, tìm cái chỗ tốt hơn nữa, làm cái làng mới, làm cái rẫy tốt, làm nhiều bắp-dá hơn nữa, đánh Pháp, chờ muối Bok Hồ. Pháp lấy gần hết riu rựa của mình rồi. Tôi còn mấy cái, bok Pa còn mấy cái, bok Sring cũng còn mấy cái giấu được, lũ làng chúng mình chia nhau, mỗi người làm một bữa, cho nhau mượn cái riu, cái rựa... thiếu cái riu rựa, đi lấy hòn đá đập cho nhọn, cho bén (?), chặt đồ cũng được, lũ làng ăc.. Mai một, đánh xong bọn Pháp, sẽ có riu rựa của Bok Hồ, của người Kinh gửi cho...

Chín mươi người đứng im lặng.

Núp nhìn quanh, rồi hỏi:

— Ai đi theo với tôi, với bok Pa?

Không ai trả lời Núp cả. Tất cả đều cúi xuống, rồi dần dần ngừng lên nhìn Núp như muốn hỏi:

— Anh còn định dẫn chúng tôi đi đâu nữa?

Chín mươi cặp mắt đôi mươi gần hai năm nay rồi, từ bữa cháy làng Bông pra đến nay, đêm nào cũng chui bờ rúc bụi không ngủ được, bây giờ trắng phờ, trắng đại ra, ngo không biết ngo đi đâu. Họ thở dài...

Nhưng khi bok Pa lưng còng xuống, nắm tay Tun, hai cha con chậm rãi đi lên phía núi Chư lăy vừa đi vừa hỏi:

— Bây giờ tôi đi trước đây. Ai đi theo anh Núp thì đi với tôi... thì, từng người, từng người họ đi lại chỗ cái nhà mình vừa bị đốt cháy, ngồi xuống, hốt đầy một gói tro tranh. Núp nhả văng hột tay hốt tro đó: đầy một gói tro này là có thể ăn thay muối được hai năm đây. Núp nhớ anh Cầm (*) dặn: mình là cán bộ, Bok Hồ giao cho mình, đồng bào giao cho mình việc đó rồi, mình phải làm sao cho tròn...

Lũ làng hốt tro xong, lững lờ, lần lượt đi theo bok Pa. Tầng đá lớn đứng ở đầu làng sừng sững nhìn từng người đi qua, như chào từng người, như đếm từng người: một... hai... ba... bốn... đủ cả chín mươi người.

Họ đi lên núi Chư lăy, cheo leo hơn nữa, cực khổ hơn nữa

Không phải đau, thối Pháp ơi!

Mây lăm rồi, mây lăm rồi!

Coi thử tao chết trước hay mày chết trước nhé...!

Núp cũng cất tiếng hát. Mười mấy năm về trước, chị Liễu rất thích nghe tiếng hát của người thanh niên ngồi tần ngần tần ngần hàng nửa tháng trời vót cái «chum» (6) tặng cho chị. Nó thanh thoát, khỏe mạnh như con chim phi (7) vỗ cánh trong nắng buổi sáng sớm. Bây giờ thì khác rồi, tiếng hát vẫn còn khỏe mạnh, nhưng nó rắn chắc hơn, đậm xuống hơn, chín chắn hơn, mà lại có vẻ thách thức kẻ thù:

«Coi thử tao chết trước hay mày chết trước nhé!».

NGUYỄN NGỌC

(Trích Đất nước đứng lên)

Chú thích:

(*) Đoạn văn trên trích trong tác phẩm «Đất nước đứng lên» của Nguyễn Ngọc. «Đất nước đứng lên» là cuốn truyện viết về đề tài kháng

chiến chống Pháp. Đất nước đứng lên kể lại chuyện anh hùng Núp và nhân dân làng Kông hoa ở Tây Nguyên (vùng cao nguyên miền Nam Trung Bộ) đã gian khổ dựa vào sức mình là chính chiến đấu suốt trong thời kỳ chống Pháp dưới sự lãnh đạo của Đảng để giải phóng quê hương. Đất nước đứng lên đã nói lên được một phần sự gian khổ tốt đẹp và tinh thần anh dũng vô song của cuộc kháng chiến và những con người Tây Nguyên. Đất nước đứng lên là một tác phẩm có giá trị về nội dung và nghệ thuật, được giải nhất về truyện dài năm 1954—1955 của Hội văn nghệ Việt Nam. Đoạn văn trên trích ở chương III, phần thứ hai của tác phẩm. Nội dung chương III: nhân dân làng Kông hoa đã chuyển đến làng Bông pra; bị địch đốt làng, nay lại theo anh Núp dời làng, kháng chiến.

(1) Gói: một loại giỏ đựng đồ vật đồng bào miền núi thường đeo sau lưng thay cho quang gánh.

(2) Pe trong loại: điệu hát hái cà (hát ứng khẩu).

(3) Con mòng: một loài ruồi to hay đốt sứt vật.

(4) Bén: ở trong bãi cỏ nghĩa là làm cho sắc.

(5) Anh Cầm: cán bộ người Kinh lên hoạt động ở quê anh Núp.

(6) Chum: một thứ trang sức của phụ nữ Ba na, nịt ngang lưng.

Thanh niên Ba na cho nhau cái «chum» là dấu hiệu tỏ tình yêu.

(7) Chim phi: loài chim đẹp, nhỏ, thường bay trên nương rẫy.

Chính tả:

Nhảy: nhảy nhót, chạy nhảy; Nhặt: lật nhai, nhai nhai; Nhãi: nhãi ranh, thẳng nhãi.

Dao: con dao, dao động, ca dao; Giao: giao nhận, giao dịch, giao diêm, giao hẹn, giao kèo, giao phó, giao thiệp, giao liên, giao thời, giao thừa...

Mắt: con mắt, tai mắt, mắt xích, tất mắt; Mặc: mặc áo, mặc mướn, mặc kệ, mặc miu, xác mặc.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Giảng nghĩa các từ sau: trắng phờ, trắng đại, chín chắn, thách thức.
2. Tìm những sự việc trong bài nói lên âm mưu thâm độc và tội ác man rợ của thực dân Pháp? Phân tích ý chí quyết tâm theo anh Núp của lũ làng Bông pra. Hình ảnh anh Núp trong đoạn này gợi cho em suy nghĩ gì?
3. Hãy nêu những điểm đặc sắc trong phương pháp kể chuyện và miêu tả của tác giả.

4. Cách nói của đồng bào miền núi là thường dùng những hình ảnh cụ thể để diễn đạt ý triêu tượng. Tác giả đã diễn đạt theo cách đó trong một số câu văn. Tìm dẫn chứng.

5. Liên hệ với cuộc chiến đấu chống Mĩ, cứu nước của đồng bào Tây Nguyên những năm qua để thấy rõ ý chí kiên cường, tinh thần quyết đánh và quyết thắng của nhân dân Tây Nguyên anh hùng và cũng là truyền thống quý báu của dân tộc ta.

VIẾNG BẠN

Hôm qua còn theo anh
Đi ra đường quốc lộ (1)
Hôm nay đã bất cảnh
Đắp cho người dưới mộ.
Đưa nào bản anh đỏ
Súng nào nhắm trúng anh
Khôn thiêng xin chỉ mặt
Gọi tên nó ra anh!
Tên nó là đế quốc
Tên nó là thực dân
Nó là thằng thổ phỉ (2)
Hay là đứa Việt gian?
Khóc anh không nước mắt
Mà lòng đau như thắt
Gọi anh chữa thành lời
Mà hàm răng dính chặt.
Ở đây không gỗ ván
Vùi anh trong tấm chăn
Cửa đồng bào Cửa Ngăn
Tặng tôi ngày phân tán
Mai một bên cửa rừng
Anh có nghe súng nổ
Là chúng tôi đang cố
Tiêu diệt kẻ thù chung.

HOÀNG LỘC

Chú thích :

(1) Quốc lộ : (quốc : nước, lộ : đường) đường chính trong nước nối liền các tỉnh.

(2) Thổ phỉ : (thổ : địa phương, phỉ : bọn cướp) bọn giặc, hoặc bọn cướp ẩn nấp lẻ tẻ ở từng vùng cướp bóc, gây tai họa cho dân.

Chính tả :

Chặt : chặt chẽ, chặt cây ; Chặc : chặc lưỡi.

Mắc : mắc áo, mắc kệ, mắc dầu ; Mất : mất mũi.

Thiêng : thiêng liêng ; Thiên : thiên nhiên, thiên tai, thiên vị.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Phân tích cử chỉ và hành động của tác giả trong bài thơ để thấy rõ tình thương bạn, thương đồng chí đã hi sinh rất thiết tha, sâu sắc.

2. Chứng minh rằng tình cảm thương bạn, khóc bạn của tác giả rất chân tình nhưng không ủy mị, bi quan.

3. Âm thanh của các vần trong hai khổ thơ đầu và khổ thứ tư đã giúp cho việc thể hiện nội dung khổ thơ thành công. Em hãy tìm hiểu điểm đó.

4. Nhận xét cách gieo vần trong bài thơ.

QUYẾT RA ĐI (1)

...Đêm đó là một đêm trăng tư mờ trời. Tôi cũng con trai một tuổi, tay dắt con gái lên bốn băng đồng. Gần một năm trời tôi mới thực hiện được ý định ấy, sau bao nhiêu sự cầu xé giằng co trong lòng. Xa các con là xa nguồn an ủi lớn nhất đối với tôi. Nhưng không còn cách nào nữa — khi bản thân tôi đã thấu hiểu ý nghĩa về những lời nói của chị Ba Dương, thấu hiểu nguyên nhân những đau đớn mà đám phụ nữ chúng tôi phải chịu. Tôi cần có mặt trong trường hợp sinh đẻ của bất cứ người mẹ nào, nhất thiết phải nhóm lên trong những gian nhà tôi đã sinh đỡ những tấm lòng bền chặt với kháng

chiến, những ngọn lửa sau này có thể xua đuổi bóng tối thù địch từ các lò cốt tủa xuống xóm làng.

Vì tôi muốn như vậy, nên tôi đem gởi các con tôi. Mẹ con tôi ăn cơm từ sớm, và chấp choạng tối thì từ giã cái nhà bãi Sao. Lưng công con, tay dắt con, tôi đi băng qua những cánh đồng dâu Hiệp Hưng. Không còn bao xa nữa thì đến nhà thím nông dân đón nuôi con tôi. Xa xa phía đồng dâu mông quạnh đã thấy có ánh đèn le lói.

Cái nhà ở giữa đồng, vắng vẻ chơ vơ. Mặt ngoài là bãi biển. Hai bên và mé trong hậu (2) toàn là ruộng dâu rẫy bi. Những con chồn đèn (3) ban đêm mò đi ăn, chạy nghe sột soạt. Con Ngọc Thủy biu lấy tay tôi. Tôi chỉ ánh đèn bảo nó:

— Thủy, tôi nhà bác Ba rồi kìa!

Con bé lấy làm thích lắm. Nó đã tới đây vài bận với tôi, những lần đi thăm con thím Ba Tuất ốm. Về sau đưa con thím Ba chết, thím buồn bã khóc lóc mấy ngày trời. Lần nào tôi dắt con Thủy vào, thím cũng nó như vàng, thím dắt nó ra rẫy hái bi, hái dưa, làm bánh nấu chè cho nó ăn. Thành thử nó cứ nhắc thím với tôi mãi. Khi đến nơi, chính nó vung khối tay tôi chạy lại đập cửa mà kêu. Thím Ba vội xò cửa ra. Thím ôm con Thủy, hỏi:

— Con ăn cơm rồi chưa?

— Dạ, con ăn cơm rồi.

— Đợi mãi, tưởng mẹ con bây không lên chờ.

Thím Ba vừa nói vừa quàng cánh tay bế luôn cả thằng Nhã tôi, mỗi bên một đứa, cứ thế mà nói chuyện với chúng không ngớt. Con Ngọc Thủy thì bôn hờ lên, lúc nào cũng lượn quẩn bên thím. Về khuya, thằng Nhã đã ngủ, nhưng con Ngọc Thủy vẫn ngồi bên tôi và thím Ba. Do đó, tôi thật khó mà nói chuyện về chúng nó với thím Ba. Tôi bảo con Thủy:

— Đi ngủ con!

— Thủy không buồn ngủ.

— Đi ngủ rồi sáng mai bác Ba cho đi rẫy.

Khi cả hai đứa đều ngủ cả, tôi nói với thím Ba Tuất:

— Thím Ba à, giờ tôi phải đi đây.

— Đi đâu, ở ngủ rồi mai hẵng đi.

Tôi lắc đầu:

— Đêm nay tôi phải đi Hiệp Lộ có công chuyện.

Tôi nói xong, ngồi thừ ra đó. Sắp sửa tới giờ tạm biệt hai con, lòng tôi búi ngùi (4) vô hạn. Bắt đầu từ đêm nay tôi sẽ xa chúng nó, và những ngày tới đây nguy hiểm, gian khổ, đang chờ đợi tôi. Trong những ngày ấy tôi sẽ không còn các con bên cạnh để âu yếm thương yêu chúng nó nữa. Gởi con cho thím Ba Tuất, tôi yên lòng, nhưng vẫn có cái gì bắt tôi cứ áy náy, lo lắng. Tôi móc túi lấy món tiền trăm bạc xanh (5) dành dụm được bấy lâu đưa cho thím Ba mà nói:

— Nói thiệt với thím, nhà cửa tôi bị tụi nó phá phách, gạo lúa cũng không còn...

Thấy cảnh tôi bồng bế con cái tới, thím Ba đã xót lòng, giờ thấy tôi đưa tiền nói thế, thím Ba khóc. Tôi lại nói:

— Tôi còn có một trăm, thím cầm lấy. Nhờ thím trông nom các cháu thay tôi, còn tôi, tôi phải đi công tác.

Thím Ba chùi nước mắt, cầm tiền nhét trả lại túi tôi, nghiêm giọng nói:

— Có Tư cất đem theo mà xài, tôi không có lấy đâu.

— Thím không nhận thì tôi không dám nhờ thím đâu.

— Tôi đủ sức nuôi các cháu. Có coi tôi là người thế nào mà cô nói vậy. Tôi không nuôi được, tôi làm việc chung, việc của cô tôi làm không được thì tôi nuôi mấy cháu thay cô, đó là phận sự của tôi!

Tôi nghe thím Tuất nói, nghẹn ngào ôm chầm lấy thím. Hai thím cháu chúng tôi cùng thông cảm, ôm nhau với cả chân tình. Lát sau tôi hướng thím ra, buộc lại khăn cổ, khoác bọc quần áo định đi. Nhưng lúc ấy chừng như có sức mạnh gì kéo tôi lại. Tôi đặt bọc quần áo xuống, nhẹ nhẹ bước trở vào

buồng. Hai con tôi đang yên giấc. Ánh đèn mờ chiếu về mặt thư ngây của hai đứa. Tôi đứng ngây ngất nhìn chúng nó rất lâu. Rồi nghĩ tới lúc sáng sớm mai đây, các con nó không thấy mình, tôi xót cả lòng. Lần cuối cùng, tôi lặng lẽ cúi xuống hôn hai đứa, rồi mới trở ra.

Thím Ba Tuất cầm hộ học quần áo, đưa chân tôi qua một cửa ruộng dâu.

BUI ĐỨC AI

(Trích Một truyện chép ở bệnh viện)

Chú thích :

(1) Đoạn văn trên đây trích trong « Một truyện chép ở bệnh viện » của Bùi Đức Ai. Đây là cuốn truyện vừa, viết về đề tài kháng chiến chống Pháp. Tác phẩm kể lại cuộc đời hoạt động của chị Tư Hậu, một phụ nữ nghèo khổ ở vùng biên Nam Bộ, một vùng địch tạm chiếm. Chị em đi hoạt động xa và sau đó đã hi sinh. Bố chồng bị giặc giết. Bản thân chị bị giặc hãm hiếp. Ba mẹ con sống trong cảnh cùng cực, thù nhà nợ nước chồng chất, chị đã gửi con lại cho đồng bào, quyết ra đi sống chết với kẻ thù, giải phóng quê hương. Đoạn văn trên đây đã kể lại việc chị đem con đến gửi thím Ba Tuất để đi công tác. « Một truyện chép ở bệnh viện » là một tác phẩm có giá trị về nội dung và nghệ thuật. Nội dung truyện đã được dựng thành phim « Chị Tư Hậu ».

(2) Mẹ trong hòm : (tiếng đin phưng) phía sau.

(3) Chồn dòn : loại thú nhỏ thường đi kiếm ăn ban đêm, bắt các loài vật khác ăn thịt (như gà, vịt, chim muông...).

(4) Bụi ngùi : buồn bã xót thương.

(5) Trăm bạc xanh : loại giấy bạc in màu xanh của thực dân Pháp phát hành trong vùng địch chiếm.

Chính tả :

Trầm : trầm tĩnh, trầm trồ, giọng trầm, trầm hương ; Chăm : ôm chầm.

Giang : giang sơn, giang hồ ; Gian : gian nhà, gian khổ, gian dối.

Giàng : giàng co, giàng cối xay ; Dàng : dưng dàng, dằng dặc, dằng dai.

Ngọt : ngọt mưa, ngọt lời ; Ngất : ngất lịm, ngã ngất, cao ngất, ngất ngưỡng.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Phân tích diễn biến tâm trạng chị Tư Hậu để thấy rõ : xa con, nhớ thương con day dứt nhưng vì hiểu được con đường phải đi nên chị

Tư Hậu vẫn « quyết ra đi ». Từ đó chứng minh : tấm lòng của người mẹ đối với con, của người dân đối với kháng chiến rất đáng quý, đáng trân trọng và ca ngợi.

2. Câu nói của thím Ba Tuất : « ... Tôi không nuôi mướn, tôi làm việc chung, việc của cô tôi làm không được thì tôi nuôi mấy cháu thay cô, đó là phận sự của tôi » đủ cho chúng ta hiểu những gì về tình cảm của thím đối với mẹ con chị Tư Hậu và cũng là tấm lòng của thím đối với kháng chiến ?

3. Chứng minh rằng tác giả có lối kể chuyện rất gợi cảm và hấp dẫn.

MẸ CON CHỊ ÚT ⁽¹⁾

... Tam Ngãi ⁽²⁾ vào đợt ⁽³⁾ thật rộn rã. Xuồng, ghe, người, súng qua lại sáng đêm. Hằng ngày, Út chỉ gặp con từ nửa đêm tới sáng.

Bán ngày, đôi khi chị cũng ghé về. Nhìn thấy mẹ bước vô cửa, đàn con reo lên. Nhưng mẹ chúng chị về lấy thêm đạn, xắn tay chui mũi cho đứa nhỏ một cái rồi đi ngay. Cả năm đứa không đứa nào đòi theo. Súng vẫn nổ đồn dập. Súng của ta ở cái thế đi tìm giặc mà đánh. Ở nhà, mỗi lần nghe súng, mấy đứa trẻ lại hí hò : mã đánh chỗ này, ba đánh chỗ kia. Ngay trước nhà là hướng ấp chiến lược 3. Dịch sang một chút là ấp 2, ấp 1. Ngang hông là Cầu Kè. Sau bè là bót Bà Mi. Mấy đứa trẻ nghe hướng súng nhận ra nơi cha mẹ. Thị trấn nổ là ba đánh. Bà Mi nổ là mã và các cô. Hằng ngày, con Bé vừa đi làm vừa điều khiển đàn em núp máy bay. Máy bay bay như bọ hung trên nóc nhà. Trục thẳng Mĩ kêu loa ong ong đòi Giải phóng quân ra đầu hàng ! — « Giải phóng quân mặc đi đánh bót, chỉ có « Giải phóng quân con » ở nhà đây thôi ! Con Giải phóng quân không biết đầu hàng ! Chừng nào giết hết không còn thằng Mĩ và tay sai nào nữa thì Giải phóng quân sẽ về cùng nhân dân, trồng rẫy, nuôi con ». Con Bé vẫn nghe mẹ nói vậy.

Tối ngày nó cột khăn trên đầu, lúc ngủ quần cũng còn vo quá gối. Nó nấu cơm cho em ăn rồi cho tất cả lên vông ngồi đờ. Nó chạy tới trạm giao lên xin chạy thư hỏa tốc phụ với các cô. Buông việc ra là nó leo lên ngọn dừa trước nhà. Lên đó, nó nhìn thấy dinh quận, nhà máy, lầu sòng, thấy những nơi bà má nó đánh giặc. Có máy bay ném bom xa, nó leo lên dóm hương. Chà Met, Phong Phú, Tân An, Xẻo Khế, Đường Đờ, Trà Ôn... bom nổ nơi nào, nó nói ngay nơi đó. Máy bà má hồng con đứng bên chợ, bên sông, tất cả đều nhóng lên ngọn dừa, chờ tin nó. Má đi vắng, nó hơi xuống đến các cơ sở binh vận của má đem về hàng túi đạn. Máy mẹ chiến sĩ mà nó vẫn kêu là bà nội, kêu nó ghe xuống, cho gạo, cho thức ăn, cho hành đem về cho em. Bao giờ nó cũng chừa phần cho má, có khi là một trái chuối đã chín rục.

Thường quá nửa đêm, Út mới về tới nhà. Con Bé bật dậy ra mở cửa. Trong mừng, hôn đưa nhỏ la nhí nhố: « Má về, má về », rồi thức dậy đều hết. Út không kịp cởi bao đạn, ôm lấy con. Thắng Hiền nhỏ nhất, nịu lấy cây cạc-bin (1) của mẹ, đôi ngước con. Con Thanh, em kế con Bé, cởi bao đạn cho mẹ. Con Thọ, con Anh, con kế con Thanh, ôm lấy cổ mẹ. Út phân phát hành cho con. Những tấm bản đồ Út đã nhìn sau khi đánh trận về, máy mẹ cho đủ kích mỗi người một cái ăn lót dạ. Trong những tiếng riu rít của đàn con, Út nghe cần được câu hát. Chỉ vui như vừa đi xa về. Một niềm vui kỳ lạ, tưởng như việc sống chết vừa xảy ra hồi nãy đây là không có. Và nếu có, nó cũng chỉ còn như những tia chớp yếu ớt, rất xa, trong những đêm mưa mát dịu, không hề làm xao động tới cảnh đêm ấm của mẹ con trong nhà. Thực ra, lúc năm phục kích, bao ý nghĩ Út đều quay cả vào giặc. Súng nổ, chỉ quên hết, cả lỗ công sự cũng bỏ. Lúc rút lui trên đường về, chỉ mới giật mình nhớ đến con. Nếu mình hi sinh nó sẽ ở với ai đây? Nó ở với nhân dân! Bây giờ nó cũng đã ở với nhân dân rồi. Đời mình cực thì đời sau nó sướng. Giặc còn thì giặc cũng giết cả đời con mình. Nghĩ đến cảnh đàn con phải đi ở dợ như mình ngày xưa, Út không chừa nổi — « Còn cái lai quần cũng đánh! » — Út dạy con như vậy.

Quay quần bên con, Út tập cho con bắn súng. Tay chân chỉ cũng múa may cùng với con. Thắng Hiền, hai tuổi rưỡi, ôm súng của mẹ, ngóng lau hát:

Anh eng ta như ạn con ùi
Nó có dùng mình có dao gam
Nó eo có thì mình ấy ở đâm (2).

Cả sáu mẹ con cùng cười.

NGUYỄN THI
(Trích Người mẹ cầm súng)

Chú thích:

(1) Chị Út: tức chị Nguyễn Thị Út (còn gọi là chị Út Tịch, vì chị là vợ anh Tịch), anh hùng quân Giải phóng miền Nam.

(2) Tam Ngải: xã Tam Ngải, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh (nay là tỉnh Cửu Long, quê chị Út).

(3) Vào đợt: vào đợt tấn công địch.

(4) Cạc-bin: một kiểu súng trường.

(5) Bài hát của trẻ con Tam Ngải tự đặt ra để hát cho vui.

Anh em ta như bạn con rười
Nó có súng, mình có dao găm
Nó ngoẻo có thì mình nhảy vô đâm...

(Chú thích này là của tác giả NGUYỄN THI)

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Em hãy phân tích những hành động, ý nghĩ, lời nói và tình cảm của chị Út đối với các con để thấy được tình cách anh hùng của « Người mẹ cầm súng ».

2. Câu nói của chị Út dạy con: « Còn cái lai quần cũng đánh » có ý nghĩa gì?

3. Chứng minh: Các con chị Út, đặc biệt em Bé có những đức tính tiêu biểu cho thiếu nhi ta trong thời kì kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.

4. Đây là một trong những đoạn kể chuyện rất sinh động. Em hãy nhận xét xem tác giả có những ưu điểm gì trong việc lựa chọn tình tiết, sắp xếp sự việc để làm nổi rõ đặc điểm của các nhân vật.

EM ÚT

... Hồi xẽ, nhà nó ăn cơm sớm. Ba nó bảo: « Út à, tối nay mày đi lại nhà bà Sáu ngủ. Bà Sáu ở nhà có một mình! ». Thằng Út liền « dạ » rồi kêu con Mực xuống xuống bơi đi ngay. Nhưng lúc nó cặp xuống đi tới vườn dừa thì một tốp lính ngồi dưới gốc dừa ngó thấy ngoắc nó:

— Ê, lại đây tao nói cái này nghe mày nhỏ!

— Ông nói cái chi? Nó hỏi.

— Mày biết leo dừa không?

Thằng Út mới dợm miệng định trả lời « không », mặc dù leo dừa là nghề của nó. Nhưng nó thấy tụi lính thảo xanh-tuya đạn và lựu đạn bỏ đầy trên tấm vải bạt thì nó lại đổi ý, sanh ra muốn cà rà ⁽¹⁾ làm quen với tụi lính. Nó đáp:

— Biết chứ... Mấy ông muốn bẻ dừa ăn hả?

— Ô, leo bẻ vài trái dừa máy! Bẻ xuống tụi mình chửi uống chơi!

— Bẻ tụi bẻ!

Thằng Út nói rồi thót leo liền. Tụi lính dừa nào cũng khen thằng Út leo dừa giỏi hơn sóc. Mà thật, trong nháy mắt, nó đã lên tới một ngọn dừa. Nó vặn cho dừa rụng xuống bịch bịch. Tụi lính hí hửng ôm mỗi thằng một trái. Thằng Út bẻ tất cả bốn trái rồi tụt xuống. Một thằng lính lặn về phía nó một trái. Nó lắc đầu:

— Tôi không uống đàn, thứ này tôi uống hoài!

Bọn lính lấy dao găm chém vạt dừa sạt sạt. Thằng Út ngó thấy tụi lính chém vụng quá, nó mới giành dao chém. Nó chém trái dừa nào coi cũng muốn uống chứ không sẵn sùì dơ dáy. Nó ngắm nghía cây dao găm Mĩ của tụi lính, khen cây dao tốt, đoạn chồm tới dứt dao vô cái vỏ giắt nơi xanh-tuya. Tụi lính uống dừa xong nằm ngả ngón ca vọng cổ. Thằng Út vui vẻ bảo:

— Để tôi dờn miệng cho mấy ông hát nghe!

Nói rồi nó uốn lưỡi tăng tăng dạo qua một câu. Tới chỗ nhịp vào, nó tróc lưỡi một cái giòn khừu nghe hết như tiếng nhịp của song loan ⁽²⁾. Tụi lính phục nó quá, hỏi:

— Ai dạy mày dờn miệng vậy?

— Tự én tôi ⁽³⁾!

— Dóc ⁽⁴⁾, mày phải bắt chước ai mới dờn được chứ?

— Tôi bắt chước ông Tư Đờn, tôi nghe rồi nhái ⁽⁵⁾ theo ông!

— Thằng nhỏ này tài quá bây!

Thằng Út nghe bọn lính khen, mặt nó cứ tỉnh bơ chẳng hề tỏ vẻ đắc chí như tụi con nít khác. Tánh nó vậy, nó đâu thèm hí hửng ra mặt. Thành ra bọn lính càng thêm phục nó, cứ giữ nó nắm ná ở lại chơi. Thằng Út thì này giờ đã nhâm một trái lựu đạn ở cái xanh-tuya. Nó rắp tâm đợi trời sụp tối là lấy trái lựu đạn. Trong lúc chờ đợi, nó kể cho tụi lính nghe chuyện cặp rần hồ mây lớn thường nổi lên ngoài biển, quăng giữa Hòn Tre và Hòn Quêo. Bọn lính hỏi nó có thấy tận mắt lần nào chưa, thì nó nói:

— Tôi ngó thấy có một con he. Mà bây giờ cũng còn có một con thôi. Hồi còn nguyên cặp, nó hay nổi lên nhận chìm ghe, ăn thịt người ta thiếu gì! Ba tôi nói hồi đó có một ông bị con lặn, kêu là ông cai Thoại. Bữa nọ vợ chồng ông chạy ghe buôn ⁽⁶⁾ ra gần Hòn Tre. Ông để vợ coi lái, còn ông ngồi trước mũi thừ một cây roi tre mảnh tổng dài. Lúc cặp rần nổi lên xô ghe như mọi khi ông không thèm nói. Đợi lúc đầu con rần dợm ngóc lên tỉnh tấp, ông quơ ngọn roi, quật ngang, con rần gãy cổ chết... Từ đó chỉ còn lại con rần cái... Chồng nó chết rồi, một mình nó không dám đón đường nhận ghe người ta nữa...

Thằng Út kể dứt câu chuyện cai Thoại giết rần thì trời nhá nhem. Không chậm trễ, nó nhè nước tháo tay tháo trái lựu đạn. Miệng nó vẫn nói leo lẻo:

— Con rần cái bây giờ cũng còn nổi lên hoài...

Lúc nó nói câu ấy thì trái lựu đạn đã nằm nặng trĩu trong túi áo nó rồi. Nó thọc tay vào túi nâng giữ trái lựu đạn, và đứng lên:

- Thôi, mấy anh nghỉ, tôi về!
- Ê, lâu lâu lại đây chơi nghe bồ (?)?
- Mấy anh còn ở đây lâu lắm sao?
- Còn lâu, chừng nào tiêu diệt hết Việt cộng trong hang mới đi!

Thằng Út bỏ bước chậm rãi. Con Mực vẫn theo sau.

Đi khuất họn lình. Thằng Út mới vụt chạy. Về gần tới nhà mẹ Sáu, nó tạt vô vườn li-ki-ma, bới một lỗ ếm trái lựu đạn. Nó làm dấu, khóa đất kỹ lưỡng, rồi chạy về nhà mẹ Sáu.

ANH ĐỨC

(Trích trong tác phẩm Hòn Đất)

Chú thích:

- (1) Cà rà: lẩn la.
- (2) Sòng loan: thanh gỗ đánh nhịp khi hát vọng cổ.
- (3) Tự ên tới: tự một mình tôi.
- (4) Dóc: không phải.
- (5) Nhái: bắt chước.
- (6) Ghe buồm: thuyền buồm.
- (7) Bồ: bạn thân.

BÀI ĐỌC THÊM

HAI CHỊ EM

... Ngày má chết rồi, ý nghĩ đi bộ đội cũng thôi thúc Việt như vậy. Nhưng hồi đó rắc rối hơn đêm nay bỏ tới mặt trận nhiều...

Việt vừa ngỏ lời ra chị Chiến đã giành đi trước. Hai đứa lớn đôi đi hết, còn thằng Út em mới mười tuổi, làm sao? Việt

đi đâu chị Chiến cũng dõm chừng coi Việt có học quần áo theo không. Chị nói:

— Tao lớn tao mới đi, mày còn nhỏ ở nhà phụ làm với chú Năm, qua năm hãy đi.

Việt đá trái dừa rung dưới chân xuống mương cái đùng:

— Bộ mình chỉ biết đi trả thù à?

— Hồi đó má nói cho tao đi, mày ở nhà làm ruộng với má, trọng trọng (!) rồi đi sau.

— Má nói hồi nào?

Má chết rồi, không biết ai mà phân chứng (?). Nhưng chị Chiến vẫn không chịu, việc này đâu có nhường được, chị sang vận động chú Năm.

Trong đêm mịt-mình để ghi tên thanh niên tòng quân, trước mặt bà con cả xã, đèn sáng rực, anh cán bộ của huyện đội vừa dứt lời, cả hai chị em Việt giành nhau chạy lên.

— Tôi là Việt, anh cho tôi đi bộ đội với.

Chị Chiến đứng sau Việt, thở:

— Đề nghị mấy anh xét cho. Nó là em tôi mà cái gì nó cũng giành...

Đôi chân mày rộng của anh cán bộ cứ nhướng lên giữa trán, không hiểu chuyện gì. Bà con cô bác ở dưới bàn tán lao xao. Anh cán bộ hỏi Việt:

— Hai em là chị em ruột?

— Dạ, nhà em ở ấp một, em mười tám, chị Chiến mười chín.

Việt dõm chị, mình đứng đâu có thua chị, tuy vóc chị có cao hơn mình một chút thật.

Chị Chiến nói:

— Đến tết này nó mới được mười tám anh ạ! Em nói để em đi trước, nó ở nhà, thủng thủng để chú Năm em thu xếp rồi hãy đi, mà nó không chịu.

Anh cán bộ nhìn hai bộ mặt bầu bầu cũng một khuôn có hai cái chớp mắt hơi hốt lên của chị em Việt, rồi cười.

— Ba má có đi đây không em?

— Dạ không.

— Ba má em chết rồi. Chị Chiến nói thêm cho rõ.

Anh cán bộ đã cầm viết rồi lại đặt xuống. Từ dưới sân, chú Năm bước lên. Chú nheo mắt nhìn chị em Việt, rồi nói với anh cán bộ:

— Tôi xin có một câu... Hai đứa cháu tôi nó đã một lòng theo, tôi cũng mừng. Vậy xin trên cứ ghi tên cho cả hai. Việc lớn ta tính theo việc lớn, còn việc thôn môn (?) trong nhà tôi thu xếp khác xong.

Đêm ấy thanh niên ghi tên tòng quân (4) đông lắm.

Cũng ngày đêm ấy, về tới nhà, trước khi ngủ, chị Chiến từ trong buồng nói với ra với Việt:

— Tao đã thưa với chú Năm rồi. Đã làm thân con gái ra đi thi tao chỉ có một câu: nếu giặc còn thì tao mất, vậy à!

Chà, chị Chiến bữa nay nói in như má vậy! Cũng ở trong buồng mà nói với ra, cũng nằm với thằng Út em ở trên cái giường đó. Việt nói:

— Chị biết vậy sao hồi nãy chị ngăn tôi? Người ta mười tám rồi mà nói chưa...

— Hồi đó má tính tuổi cho mày chờ bộ tao tỉnh hả?

Nhà day cửa ra sông, trong đêm vui nào nước này, đóm đóm từ ngoài rừng bần cũng kéo vào đây nhà. Chúng bay chớp chớp như đèn trên nóc rồi sa xuống trước mắt Việt. Chị Chiến cũng không ngủ được. Sắp tới đây biết bao nhiêu chuyện phải lo, ngay bây giờ cũng bao nhiêu chuyện phải nhớ. Cả chị cả em cùng nhớ đến má. Hình như má cũng đã về đâu đây. Má biến theo ánh đóm đóm trên nóc nhà hay đang ngồi dựa vào mấy thùng lúa má cầm nón quạt? Đêm nay, để gì má vắng mặt. Má cũng phải về đóm ngó coi chị em Việt tính toán việc nhà làm sao chứ!

Chị Chiến lại nói với ra, đúng là cái giọng rành rọt tiếng nào ra tiếng nấy:

— Mai mày viết thư cho chị Hai biết nghe?

— Sắp đi tới nơi mà còn bắt viết thư.

— Thôi tao viết.

Chị Chiến lại nói, giọng còn rành rọt hơn cả hồi nãy:

— Bây giờ chị Hai ở xa. Chị em mình đi thi thăng Út sang ở với chú Năm, chú nuôi. Còn cái nhà này ba má làm ra đó thì cho các anh ở xã mượn mở trường học. Chú Năm nói có con nít học ở a, có gì nó quét dọn cho. Thăng Út cũng học ở đây. Mày chịu không?

Việt chớp một con đóm đóm úp trong lòng tay:

— Sao không chịu.

— Giường ván cũng cho xã mượn làm ghế học, nghe?

— Hồi đó má cần dặn chị làm sao, giờ chị cứ làm y vậy, tôi chịu hết.

Má dặn tao hồi nào? Giờ còn có tao với mấy thôi. Nếu đông ý thì nội, lư, chén, đĩa, chén, vó, đèn soi với nôm để gọi chú Năm. Chừng nào chị Hai ở dưới biển về làm giò má, chị có muốn lấy gì thì chị chở về dưới, nghe?

— Tôi nói chị tính sao cứ tính mà...

Chị Chiến cựa mình, làm như chỉ nghĩ ngợi lung lăm. Phải chỉ thờ dài rồi kêu thăng Út đây đi đâu nữa thì giống hết như má vậy. Chị lại nói, lần này không gọi Việt bằng mày mà bằng em và xưng chị:

— Còn năm công ruộng hồi trước, mấy chú cấp cho ba má, giờ mình đi thi mình trao lại đặng, mấy chú chia cho cô bác khác mần, nghe? Hai công mía thì chừng nào tới mùa, nhờ chú Năm đốn, để dành đó làm đám giỗ ba má. Em cũng ở nghe?

— Ừ!...

— Còn bàn thờ má em tính gọi đâu? Gọi sang chú Năm cho thăng Út nó coi chừng hay là để chị Hai về đem đi?

Việt khẽ ngóc đầu lên dòm bàn thờ. Từ nãy giờ đang mãi với ý nghĩ mà đã về, nghe chị hỏi, Việt lại càng tin má đã về ngồi đầu đó thật. Việt nói:

— Mình đi đâu thì ba má đi theo đó chứ gì mà lo?

— Vậy chứ ba má không theo con thì theo ai, nhưng mà cũng phải tính cho đâu ra đó chứ. Đem bàn thờ sang gởi chú Năm, em có ư không?

— Ủi... mà hồi đó má dẫu chị vậy hả?

— Má có biết má chết đâu mà dặn.

Việt sai chân ra giường:

— Vậy mà nói nghe in như má vậy.

Chị Chiến hừ một cái « cóc » rồi trở mình. May mà chị không bẻ tay rồi đập vào bắp vế than mỗi.

Chị nói:

— Tao cũng lựa ý nếu má còn sống chắc má tính vậy, nên táo cũng tính vậy.

Đứng rồi, bên chị chỉ nói nghe thiệt gọn. Vậy mà hồi nãy còn giành đi với mình. Việt nghĩ vậy rồi ngủ quên lúc nào không biết.

Sáng ra, cúng mẹ và cơm nước xong, mấy chị em chú cháu thu xếp đồ đạc dời nhà. Chị Chiến ra đứng giữa sân, kéo cái khăn trên cổ xuống, cũng xắn tay áo để lộ hai bắp tay tròn vo, sạm đỏ màu cháy nắng, rồi dang cả thân người to và chắc nịch của mình nhắc bổng một đầu bàn thờ má lên. Việt ghé vào một đầu. Nào, đưa má sang ở tạm bên nhà chú, chúng con đi đánh giặc trả thù cho ba má, đến chừng nước nhà độc lập con lại đưa má về. Chị Chiến khiêng bịch bịch phía sau. Nghe tiếng chân chị, Việt thấy thương chị lạ. Lần đầu tiên Việt mới thấy lòng mình rõ như thế. Còn mỗi thù thằng Mĩ thì có thể rõ thấy được, vì nó đang đè nặng ở trên vai.

2-1966

NGUYỄN THI

(Lược trích Những đứa con trong gia đình
— Truyện ngắn chọn lọc 1960 — 1970)

Chú thích:

(1) Trọng trọng: ở đây ý nói lớn lớn.

(2) Phân chừng: nói rõ những điều đáng, sai. Câu này ý nói không có người làm chứng.

(3) Thỏm mỗn: lật vạt, nhỏ nhất.

(4) Tổng quán: gia nhập quân đội, vào bộ đội.

Chính tả:

Mũi: sống mũi, mũi giài, mũi tên, mũi thuyền; Mũi: mũi lòng;

Muôi: con muỗi.

Bữa: bữa cơm, bữa nay; Bữa: bữa củi, nói ba bữa.

Quét: quét sạch, cần quét; Quyết: cương quyết, quyết chí; Quết: quết trâu.

Bịch: lịch bịch, bịch thóc, bịch ngực; Bịt: bịt miệng, bịt lỗ thủng, bịt mắt bắt dê.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tìm đại ý bài văn.

2. Việc giành nhau đi bộ đội giữa chị em Việt thật gay go. Em hãy phân tích diễn biến của sự việc đó. Xuất phát từ tình cảm gì mà có việc tranh giành đáng gờm giữa chị em Việt? Các lời của chú Năm «... việc lớn ta tính theo việc lớn, còn việc nhỏ trong nhà tôi thu xếp khắc xong» đã thể hiện đức tính gì của nhân dân ta trong một đơn tranh giải phóng miền Nam?

3. Qua việc thu xếp gia đình của hai chị em Việt, em thấy giữa Chiến và Việt có nét gì khác nhau về tính cách? Tuy có khác nhau nhưng họ đều là những thanh niên có một tâm hồn tươi trẻ, đáng yêu. Vì sao?

4. Đoạn cuối bài văn gây cho người đọc nhiều suy nghĩ. Em có suy nghĩ gì khi đọc đến câu: «Nào, đưa má sang ở tạm bên nhà chú, chúng con đi đánh giặc trả thù cho ba má, đến chừng nước nhà độc lập con lại đưa má về... Còn mỗi thù thằng Mĩ thì có thể rõ thấy được, vì nó đang đè nặng ở trên vai»?

BÀI ĐỌC THÊM

MŨI CÀ MAU

Mũi Cà Mau: mầm đất tươi non
Mấy trăm đời lần lữa ra biển;
Phù sa vạn dặm tới đây tuôn,
Đứng lại; và chân người bước đến.

Tổ quốc tôi như một con tàu
 Mũi thuyền ta đó — mũi Cà Mau
 Những dòng sông rộng hơn ngàn thước,
 Trùng điệp một màu xanh là được (1).
 Được thân cao vút, rẽ ngang mình
 Trỏ xuống nghìn tay (2) ôm đất nước!
 Tổ quốc tôi như một con tàu,
 Mũi thuyền ta đó — mũi Cà Mau.
 Là thay tình với đất quê hương
 Chưa thấy, chưa thăm mà đã nhớ.
 Ai bay mồm đất mấy năm trường
 Đêm ngủ hồn tôi bay tới đó.
 Đầu sao cháy bỏng, ruột sao đau,
 Vết thương lòng (3) — ở mũi Cà Mau.
 Nơi xa nhất là nơi gần nhất:
 Mũi Cà Mau, mũi Cà Mau trước mắt!
 Đồi bên Bến Hải, nước non nhà
 Đầu cũng là Nam, đầu cũng Bắc!
 Năng mưa có thể đổi trăm màu
 Lòng không rời hương mũi Cà Mau.
 Ở đầu sóng gió, mồm non sông
 Như ngực anh hùng Lý Tự Trọng
 Cao hơn sóng gió một thành đồng,
 Đây chốn đi về, nơi ước vọng.
 Tổ quốc tôi như một con tàu
 Đêm ngày tôi nhớ mũi Cà Mau.
 Như dòng máu khỏe thấm đầu tay,
 Như ở đầu cây dòng nhựa trút,
 Như sức cung dồn ở mũi tên,
 Như sức bút ở đầu ngọn bút.
 Tổ quốc tôi như một con tàu,
 Mũi thuyền xẻ sóng — mũi Cà Mau.

10-1960
 XUÂN DIỆU
 (Mũi Cà Mau)

Chú thích:

- (1) Được: một loại cây mọc ở các bãi phù sa Nam Bộ, gỗ đốt thành than rất tốt.
 (2) Trỏ xuống nghìn tay...: rễ cây được đâm xuống đất như nghìn cánh tay ôm đất nước.
 (3) Vết thương lòng: nói tình thương nhớ miền Nam (mũi Cà Mau) luôn luôn khắc sâu trong lòng như vết thương trong lòng nhức nhối không quên được.

MẸ SUỐT

Lặng nghe mẹ kể ngày xưa
 Chang chang cồn cát nắng trưa Quảng Bình
 Mẹ rằng: quê mẹ, Bảo Ninh
 Mênh mông sông biển, lênh đênh mạn thuyền
 Sớm chiều, nước xuống triều lên
 Cự thân từ thuở rơi lên chín mươi
 Lớn đi ở bốn cửa người
 Mười hai năm lễ, một thời xuân qua
 Lấy chồng, cũng khổ con ra
 Tám lần đẻ, mấy lần sa, tội tình!
 Nghĩ mà thương mẹ cha sinh
 Thương chồng con lại thương mình xót xa...
 Bảy chữ sông nước về ta
 Đi khơi đi lộng, thuyền ra thuyền vào
 Bảy chữ biển rộng trời cao
 Cá tôm cũng sợ, lòng nào chẳng xuân!
 Ông nhà theo bạn « xuất quân »
 Tui nay cũng được vô chân « sẵn sàng »
 Một tay, lái chiếc đò ngang
 Bến sông Nhật Lệ, quán sang đêm ngày
 Sợ chi sóng gió tàu bay
 Tây kia mình đã thắng, Mĩ này ta chẳng thua!

Kề chi tuổi tác già nua
 Chống chèo xin cứ thi đua đến cùng!
 Ngang đầu, mái tóc mẹ rung
 Gió lay như sóng biển tung, trắng bờ...
 Gan chi gan rứa, mẹ nờ?
 Mẹ rằng: cứu nước, mình chờ chi ai?
 Chẳng bằng con gái, con trai
 Sáu mươi còn một chút tài đồ đưa
 Tàu bay hần hần sớm trưa
 Thì tui cứ việc nằng mừa đưa đồ...

TỔ HỮU
 (Trích)

Chính tả:

Lặng: yên lặng, lặng lẽ, lặng người đi, Lặn: ngụp lặn, lặn lội, lạnh lặn.

Lẻ: lẻ tẻ, chẵn lẻ, lẻ loi, lẻ gao; Lẽ: li lẽ, lẽ nào, vợ lẽ.

Đẽ: sinh đẻ; Đẽ: đẹp đẻ.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tìm đại ý và bố cục của bài thơ.
2. Ở đoạn đầu, tác giả ghi lại hình ảnh quang đời cũ đã qua của mẹ Suối. Quang đời ấy như thế nào? Em hãy phân tích hình ảnh: «Mênh mông sông biển, lênh đênh mạn thuyền» và tâm trạng «Nghĩ mà thương mẹ cha sinh, Thương chồng con lại thương mình xót xa...».
3. Phân tích những hình ảnh: «đi khơi, đi lộng, thuyền ra, thuyền vào», «biển rộng trời cao», «cà tôm cũng sưng» để thấy rõ hơn hạnh phúc của cuộc sống tự do, làm chủ.
4. Trong đoạn II, hình ảnh bà mẹ Suối hiện lên rất anh hùng. Phân tích các hình ảnh: «Một tay lái chiếc đồ ngang, Bến sông Nhật Lệ, quán sang đêm ngày»... «Ngang đầu, mái tóc mẹ rung, Gió lay như sóng biển tung, trắng bờ...»; Phân tích những ý nghĩ: «Tây kia mình đã thắng, Mĩ này ta chẳng thua!», «Tàu bay hần hần sớm trưa, thì tui cứ việc nằng mừa đưa đồ» để thấy rõ phẩm chất anh hùng của bà mẹ.

VỚI LÊ-NIN

Nhà Lê-nin, ở Gooc-ky.
 Khi tôi đến
 Lê-nin như vừa đi
 — Người rất bận:
 Ngay ngày
 Vô lặn
 Người người nổi bước trước Krem-lin
 Mong gặp Lê-nin
 Trong một phút giây im lặng.
 Lê-nin đi vắng
 Nhưng trong vườn sên đầy nắng
 Chiếc ghế sơn xanh còn ấm hơi Người
 Ba mươi bốn năm xưa
 Ngồi dưới mặt trời
 Viết những dòng
 Ánh sáng

Bàng khuâng nghe năm tháng
 Đẹp như người con gái nước Nga
 Hôm nay đưa tôi qua những căn nhà
 Kề lại từng chương sử đồ.
 Cách mạng tháng Mười
 Đảng Cộng sản Liên Xô từ đó
 Với Lê-nin, làm lại loài người
 Với Lê-nin, làm thế kỷ hai mươi
 Trong đêm tối, mở chân trời hừng hực.
 Mẹ ơi, để con ra trong khổ cực
 Mẹ chưa hay từ đó có Liên Xô
 Có Lê-nin hằng che chở con thơ
 Người nhắm mắt khi con vừa bốn tuổi.
 Người đã sống đến giây phút cuối:
 Chiếc gậy cầm tay còn gác cạnh bàn

Chú thích:

Bài thơ dài, ý phong phú. Chỉ trích giằng đoạn: «Tôi đã đi... Đôi giày ông gót mòn sỏi đá». Những phần khác đề giao viên và học sinh tham khảo.

(1) Lê-nin mất ngày 21-1-1924

(2) Tầm lịch của Lê-nin dùng có ảnh của Sê-kốp, nhà văn cổ điển lớn của nước Nga.

(3) Chân lí: điều hiển biết đúng của con người về bản chất của thế giới và của xã hội.

(4) Lê-nin mất lặng lẽ trong khi Krup-xkai-a, vợ của Người, đọc cho Người nghe tiểu thuyết «Tình yêu cuộc sống» của Jac Lon-đon.

Chính tả:

Nghĩ: nghĩ ngợi; Nghĩ: suy nghĩ, nghĩ ngợi.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Lê-nin đã mất nhưng tác giả lại nói: «Đầu đầu tôi cũng thấy Lê-nin». Vì sao lúc giờ lại có cảm tưởng ấy. Đọc chúng. Phân tích từ điệp (Lê-nin, Lê-nin đó...) và ý nghĩa của thơ «Hiển hiện Lê-nin» (phối điệu). Giả trí diễn tả của tác giả này nó rang tỏ, chơi, ngồi ngồi.

2. Những hình ảnh nào trong đoạn thơ: «Lê-nin đó... mòn sỏi đá» nói lên những phẩm chất cao quý của Lê-nin? Nhip điệu đoạn thơ này có gì khác so với đoạn thơ trên?

BÀI ĐỌC THÊM

TRẬN ĐÁNH TRÊN KHÔNG (1)

Cảm giác đầu tiên của Quỳnh khi nhìn thấy những chiếc máy bay địch không phải là sự cảm thú mà là một sự ghê tởm. Nó giống như lúc anh bắt gặp một con chuột cống rất to đang đùa nghịch trên tấm chăn bông sạch sẽ của mình.

Chúng không giống với những mô hình Quỳnh thường nhìn hằng ngày. Không phải đó là những chiếc máy bay, đó là những con thú rất lạ mắt vừa sống và khổng lồ.

Quỳnh ra lệnh:

— Chú ý phía sau!

— Rõ — Giọng Gấu con (2) nhỏ nhỏ, rất bình tĩnh.

Quỳnh hét to:

— Đánh hai chiếc đi đầu! Tất cả bám sát tôi!

Quỳnh tăng cửa dẫn, bay thẳng về phía địch. Anh đưa dần mục tiêu vào vòng ngắm. Đôi mắt anh càng ra. Chợt anh thấy một vết sáng lao vút trong khoảng không. Huân đã nổ súng rồi. Quỳnh vội hét:

— Không được bắn xa! Vào gần nữa!

Địch cũng đã nhìn thấy ta. Chúng bắt đầu bay theo những đường gấp khúc.

Máy bay ta mở hết tốc độ, lượn theo địch như trẻ con chơi trò rồng rắn. Chợt Quỳnh nghe tiếng Phương li nhai:

— Báo cáo: bốn chiếc phía sau!

Mặc kệ nó. Quỳnh nghĩ. Vị và Phương sẽ đối phó với nó. Mình phải tiêu diệt thẳng địch ở phía trước. Một chiếc chấm đen đã lọt vào vòng ngắm. Anh cố hít chặt lấy nó trong tầm cái chấm sáng. Con thú rừng đã to lắm rồi. Quỳnh hét:

— Bắn!

Cùng lúc với tiếng hô, tay phải Quỳnh siết chặt cò súng. Thân máy bay anh rung rung. Tiếng súng nổ xa xa. Một luồng đạn rất sáng bay vút về phía trước máy bay địch. Minh bắn trượt mất rồi! Nhưng ngay lúc đó anh thấy có một luồng đạn khác bọc lấy con thú rừng. Chắc là loạt đạn của Huân.

Thằng địch chúi xuống. Quỳnh lập tức đẩy cần lái tiếp tục lao theo nó, cố đặt nó trở lại vào trong vòng ngắm. Anh biết là đồng tử (3) của mình đang mở rất to. Lần này thì nó không thể nào thoát được. Quỳnh siết cò bắn loạt đạn thứ hai. Những chớp sáng biến mất khi bay tới mục tiêu.

Chiếc máy bay địch lật ngửa, phoi bụng trông như một con cá heo. Nó còn cố xoay trở lại tư thế bình thường, nhưng toàn thân nó đã run lên trước mắt anh. Một luồng khói đen tỏa ra. Quỳnh nghe nhiều tiếng ồn ào:

— Cháy rồi!

— Rơi rồi!

Chiếc máy bay địch lúc lắt rơi xuống, kéo theo một luồng khói đen. Luồng khói đen đổi nhanh sang màu trắng xanh có lẫn ánh lửa đỏ khé. Máy bay địch rơi trong khoảng không như một chiếc lá bàng.

HỮU MAI

(Trích *Vùng trời* — Tập I)

Chú thích:

(1) Đoạn văn trên trích trong chương VII của tác phẩm *Vùng trời*. Nội dung chương này: lần đầu tiên trên vùng trời Tổ quốc, không quân nhân dân Việt Nam đã chiến đấu và chiến thắng lũ cướp trời MI.

(2) Gấu con: biệt hiệu của Phương, một chiến sĩ lái máy bay trong biên đội.

(3) Đồng tử: cơ vòng giữa lòng đen con mắt (con ngươi).

Chính tả:

Khoảng: khoảng cách; *Khoản*: khuôn khoản, khoản tiền, khoản đãi.

Thít: khóc, thút thít, im thin thít, thít chặt; *Thích*: ham thích, thích thú, sở thích, thích nghi.

Luồng: luồng khói, luồng gió, luồng tư tưởng, luồng lửa; *Luồn*: luồn cúi, luồn lọt, luồn rưng.

Rất: rất sáng, rất đẹp; *Giấc*: giấc ngủ, giấc mộng, giờ giấc.

NGỌN TÂM VÔNG (1)

Dọc con đường từ đình làng vào đến nhà tôi, có một bờ tâm vông, lá xanh rậm mát. Suốt năm, dưới trời nắng lửa, tiếng lá động rì rào như những lời thầm thì vọng về từ muôn xưa...

Những đêm trăng sáng, ông tôi thường nhấc chõng ra nằm dưới gốc, kể chuyện đời xưa cho bọn nhỏ chúng tôi nghe. Nào là chuyện đức binh Kiều, chuyện thiên hộ Dương, chuyện thủ khoa Huân, chuyện anh hùng nông dân Nguyễn Trung

Trực (2)... Ông tôi hay nói: «Tây nó có súng đồng, đại bác, mình thì chỉ giáo mác gây tâm vông thôi. Vậy mà vẫn cầm cự với nó năm này qua năm khác!». Chúng tôi ngồi nhìn ra con đường bờ hun bút, cố tìm xem sức mạnh gì, ẩn chứa bên trong những thân cây trắng ngời như bạc, lăm lăm đứng im lìm kia. Và có một lần, tôi đã hỏi ông tôi: «Tây nó có súng, đằng xa bắn dùng một cái, mình chết rồi, mình cầm dao cầm gậy làm sao xáp vô tới người nó được?». Ông tôi cười, xoa đầu tôi: «Mình không có súng, nhưng mình có lá gan. Ở đời, lòng người cả quyết mạnh hơn tất cả, các con à!». Tôi nằm gối đầu thiu thiu ngủ trên cánh tay ông, còn nghe bên tai thoảng nhẹ giọng trầm trầm:

... Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi mang bao tấu, bầu ngòi; trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sắm dao tu nón gõ (3).

Rồi tôi lớn lên, ra học ngoài tỉnh. Một ngày chủ nhật, tháng mười một năm 1940, về thăm nhà, tôi nghe má tôi câu nhậu: «Không biết cơ gì, mà mấy hôm nay người ta cứ nay đốn một cây, mai đốn một cây. Chặt gần hết bờ tâm vông!».

Họ đốn chỉ vậy mà? — Tôi hỏi.

— Cũng chẳng biết. Nghe thằng Bảy dưới xóm nói đồn về đề làm roi cây!

Hai hôm sau thì làng tôi khởi nghĩa. Tiếng trống, tiếng mõ, tiếng tù và từ các vùng Long Hưng, Xoài Hột, Chợ Bưng... âm âm vang vào thành phố. Bọn nhà binh Pháp ngày nào cũng rầm rộ kéo xe thiết giáp (4), xe máy đầu tri súng liên thanh chạy ra các ngã ngoại ô. Lúc về, thấy có nhiều xe chở đầy xác lính chết.

Bọn địa chủ, hội tề (5) bỏ làng chạy trốn trong thành phố, tên nào tên ấy mặt cắt không còn hột máu. Tiếng phi cơ ném bom ở các vùng phụ cận (6), rền rền như tiếng sấm thảng ba. Hơn tuần lễ sau, bọn lính bắt về giam hàng nghìn người, chặt cả các khám. Thằng quan tư nhà binh Pháp đổ trên xe xuống một đồng giáo mác, tầm vông, bỏ bỏ nói với đồng bào ta giữa chợ: «Làm loạn chống lại ông lớn hử? Một trăm năm nữa

cũng chưa được?». Nó cầm một cây gậy tầm vông bé hết màu, cười gằn, hai tay đưa xuống đầu gối kê vào toan bé đôi đũa thị uy (?). Càng cố bé, mặt nó càng đỏ như mào gà, và nó thở hồng hộc chẳng khác gì một con trâu. Cây tầm vông đầu vọt nhọn vẫn trơ trơ. Nó giận dữ ném xuống thêm đá. Cây gậy tầm vông nảy lên, khua cồm cộp, lắt lắt như một cây gậy thép...

Bờ tầm vông quế tôi, qua mấy mùa mưa nắng, đã lên xanh dày ngàu ngất. Gió lại về thì thảo trên ngọn, nghe như tiếng người thì thầm bảo nhau nên lòng chờ đợi một việc gì.

Tháng 8 năm 1945, tiếng trống mõ lại nổi lên vang động khắp vùng quế tôi. Cờ đỏ sao vàng lại xuất hiện, bay rợp đất. Thanh niên tiên phong, thanh niên cứu quốc, dân quân tự vệ ngày đêm rầm rập bước rung đường; gậy tầm vông tua tủa trên vai. Bờ tầm vông làng tôi, anh em đồn không còn một cây. Rồi Nam Bộ cướp chính quyền. Tôi đi miền man trên đường làng chói nắng, măng tầm vông nhú lên vàng óng như những lưỡi gươm.

Đêm đêm cầm tầm vông đứng gác trước trụ sở Ủy ban nhân dân, lòng tôi vững vàng một niềm tin không bờ bến vào tương lai cách mạng.

Nhưng giặc Pháp lại mưu toan tái chiếm (8) Nam Bộ.

Ngày 23 tháng 9 năm 1945, đúng 5 giờ kém 15 phút, tiếng súng kháng chiến bắt đầu nổ ở Sài Gòn. Tầm vông, súng lửa, dao găm, cung tên, giáo mác... xông ra đường đầu cùng xe tăng đại bác địch...

Từ chỗ rẽ rồi, mạnh mẽ như cơn mưa, Nam Bộ đã vươn lên, máu hòa nước mắt, ăn muối năm sương (?), gắn liền cuộc kháng chiến thành một sức mạnh, trường thành trong thắng lợi hòa bình hôm nay. Con tàu chuyên quân tập kết ra Bắc băng băng rẽ những lượn sóng ngầu đục trên sông Cửu Long, chạy về hướng cửa Go Công. Tôi đứng mãi trên boong, chờ đợi phút qua ngang nhà. Làng tôi xanh ngất những tàu dừa, tàu chuối. Mái đình chầy hơn một nửa, nhô ra dưới rừng cây. Bờ tầm vông thấp thoáng. Ngọn tầm vông hoe vàng trong ánh nắng một ngày thu...

HOÀN GIỚI
(Lược trích)

Chú thích:

(1) Tầm vông: một loại tre không gai ở Nam Bộ, thân dẻo, da màu trắng mốc, khi già thì rắn hơn gỗ, chỉ to bằng cổ tay người lớn, thường dùng làm gậy, làm cán giáo, mác...

(2) Đốc binh Kiều, thân họ Dương, thủ khoa Huân, Nguyễn Trung Trực: những lãnh tụ nghĩa quân đã lãnh đạo nhân dân Nam Bộ chống lại thực dân Pháp trong thời kỳ đầu chung xem lực nước ta khoảng giữa thế kỷ 19. Nguyễn Trung Trực là một liệt sĩ anh dũng, trước khi bị thực dân Pháp giết hại đã thốt vào một câu giặc: « Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người nước Nam đánh Tây ».

(3) Câu này trích trong bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu. Bao toan bầu ngọn: túi đựng đạn và túi đựng ngòi thuốc nổ. Dao tu nón gô: dao dài lưỡi, rộng bản và nón của lính, những đồ trang bị của lính nhà vua ngày trước. Ca câu ý nói: những người nông dân nghèo khổ khởi nghĩa chống giặc, trên mình chỉ có manh áo rách, trong tay cầm ngọn tầm vông làm vũ khí, không phải đồ trang bị đầy đủ như lính chính quy của nhà vua. Câu này ca ngợi tinh thần yêu nước hi sinh dũng cảm của nông dân.

(4) Xe thiết giáp: loại xe đánh trận vỏ bọc sắt.

(5) Hồi tề: tổ chức chính quyền tay sai của thực dân Pháp hồi kháng chiến ở vùng địch tạm chiếm.

(6) Các vùng lân cận: các vùng lân cận, vùng sát bên cạnh.

(7) Thị uy: tỏ rõ uy quyền nhằm làm người khác khiếp sợ mình.

(8) Mưu toan tái chiếm: mưu mô chiếm đóng lại.

(9) Máu hòa nước mắt, ăn muối năm sương: hai thành ngữ, ý nói đau thương và gian khổ.

Chính tả:

Chông: cái chông, Chông: ngũ chông, gong.

Nhau: nhau nát, câu nhau; Nhào: nhào lộn, bỏ nhào, nhào bột.

Thiệt: mồ hàn thiệt; Thiệt: thiệt bị, kiến thiết, thiệt tha, thiệt yếu, nhất, thiệt.

Vươn: vươn lên, vươn mình; Vương: vương vãi, vương to, vương vãi vương quốc...

Mồ: mồ chôn, hầm mồ; Mồ: trồng mồ, gò mồ.

Muối: muối hồ nước, muối mặt, muối dưa, sương muối, muối cá...

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Giảng nghĩa các từ và câu: tâm tấp, xanh dày ngàn ngát, tua tủa; mặt cắt không còn hột máu, mình không có súng nhưng mình có là gan.

2. Qua các giai đoạn lịch sử chiến đấu chống giặc ngoại xâm, hình ảnh ngọn lửa vòng nổi lên rõ nét như thế nào? Em có nhận xét gì về hình ảnh ngọn lửa vòng cuối bài? Ý nghĩa tượng trưng của ngọn lửa vòng trong bài này là gì? Hình ảnh ngọn lửa vòng đã gây ấn tượng sâu sắc đối với em như thế nào?

3. Kể chuyện ngọn lửa vòng, tác giả nhằm nêu lên vấn đề gì? Tác giả đã trình bày lịch sử đấu tranh cách mạng của đồng bào Nam Bộ theo trình tự nào? Cách kể chuyện của tác giả rất sinh động và hấp dẫn, vì sao?

RA KHƠI

Cảnh hùng dũng mặt biển nguy nga, rực rỡ. Phía hai bên những đám mây trắng hồng hầu như dựng đứng, hơi ngả về phía trước. Tất cả đều mời mọc lên đường.

Xa xa, mấy chiếc thuyền nữa cũng đang chạy ra khơi, cánh buồm lồng vút cong thon thả. Mảnh buồm nhỏ xiu phía sau nom như một con chim đang đỗ sau lái, cổ rướn cao sắp cất lên tiếng hát. Nhìn từ xa, giữa cảnh mây nước long lanh, mấy chiếc thuyền lưới lằm ăm nhiều khi vất vả, trông cứ như những con thuyền du ngoạn⁽¹⁾.

Gió càng lúc càng mạnh, sóng cuộn ào ào. Biển khi nổi sóng trông càng lai láng mênh mông. Thuyền chồm lên hụp xuống như nô giỡn. Sóng đập vào vôi mũi thùm thùm, chiếc thuyền tựa hồ một tay võ sĩ can trường⁽²⁾ giơ ức ra chịu đấm, vẫn lao mình tới. Phía cạnh, chiếc thuyền bạn, trung thành và khẳng khái, cũng đang lướt chồm trên sóng bám sát chúng tôi.

Ra đến hai mươi lăm hải nước, Lẽ⁽³⁾ cho thả giã⁽⁴⁾. Hai thuyền liền song song, hơi chệch nhau chút ít, hợp sức vừa chạy vừa kéo theo chiếc lưới tung hoành dưới đáy biển...

Hôm nay gió lộng, buồm căng. Dưới tầng sâu bốn chực mét nước, giã đang lừ lừ lướt tới, gương nhẹ uốn theo những đường lượn mập mạp ở đáy biển, cần mẫn⁽⁵⁾ săn mỗi đê bủ những ngày qua hầu như vô dụng. Trên thuyền, ngồi phía khoang sau cạnh ông cụ Tâm giữ lái, Lẽ đang phi phèo điều thuốc lá, có vẻ nhàn nhã ung dung. Thật ra anh luôn luôn để mắt trông chừng giữ cho hai thuyền bao giờ cũng có một quãng cách vừa phải và đều đặn, dưới kia giã mới khỏi chùng chình hoặc đi chéo.

Ở mấy khoang phía trước, các bác ngồi nghiêng ngả dưới bóng buồm rợp mát, người hút thuốc, người bồm bẻm nhai trầu. Ông Xuyến soạn lại mớ võ điệp để hôm nào đem cho mấy đứa cháu chơi bày hàng mua bán. À, con gái ông sắp ở cũ, có một chùm điệp này treo dưới mái hiên để nó leng keng trước gió, trẻ con hóng cũng vui tai. Tâm trạng ông Thọ thì lại hướng về giàn nho ông mới trồng, năm nay vừa bói quả; ông cũng phải kiểm ít võ điệp về treo dưới giàn, cho con chim con dơi hốt⁽⁶⁾ tiếng động, khỏi đến quấy phá. Cảnh thanh niên kéo lê năm tách ra phía trước mũi; trong số có một anh học sinh thủy sản về nghỉ phép. Họ đang nói về cách áp dụng định lý Pi-ta-go⁽⁷⁾ để tính chiều sâu của nước. Nhưng chỉ một lát sau đã thấy họ đang gác chân lên nhau kháo chuyện làng trên xã dưới và cười khúc khích. Cái cảnh buồm treo neo gác này phải tận hưởng, cho hồ những ngày sóng nhồi gió táp, chèo chống mới rời tay và dầm bùn lội nước chứ!

Bóng râm dưới buồm đã thu hẹp hẳn lại, chỉ còn là một vệt xám mỏng trên sạp thuyền. «Lại giã được rồi đấy!». Lẽ gọi với sang thuyền bạn. Hai thuyền đồ hốt buồm rồi nhịp sức nhau kéo lưới. Hôm nay gió to, thuyền đã thả có đến ba trăm hải dây — thứ dây thừng to bằng cổ tay — nên phải dùng tay hoa⁽⁸⁾ mà trục, trục đến đoạn cuối cùng mới kéo bằng tay. «Nặng lắm anh em ơi! Ô hi này, kéo!», có ai kêu lên khi lưới đã gần lên tới mặt nước. Lẽ tỏ vẻ bắn khoăn dè dặt: «Chỉ tại đất bùn nhiều đấy thôi. Thế quái nào mà miệng giã nó lại ăn xuống quá thế nhỉ?... Cái bâu cá to tướng nhỏ một chút lấp ló mặt sóng rồi nhất định giã lại không chịu để cho

lời lên nữa. Các bác chia làm hai lớp, đứng ngả lách người ra sau ít chắt, hai đầu cái túi lưới treo thông như chiếc võng, để ông Xuyên rút dây mở miệng túi, lấy vớt xúc dần đồ ra sạp. Đồng cá mỗi lúc một ưn cao, vẩy bạc loá loá dưới ánh nắng. Phần lớn đã chết vì bị nhồi lách mãi trong túi lưới. Bãi rác một đôi chỗ, chốc chốc tự đứng thấy giắt nẩy lên: cái giấy giữa cuối cùng của mấy con to hơn, sống dai hơn hoặc mới vừa sa lưới...

Một xưởng chế biến nhỏ được cấp tốc thành lập. Người thì mổ mực, trải dăng hàng lên phen phơi; thiếu chỗ, người ta trải cả lên mũi thuyền. Người thì phân loại các thứ cá; nhặt ra một ít nấu ăn, còn tất cả cho vào chum ướp để về bán cho Thầy sản... Một nồi toan mực com được luộc chín ngay tại chỗ. Vị ngọt bùi của mực tươi thêm đậm đà, không những vì hương vị bát nước mắm tối mà còn vì cái vui thắng lợi trước đây. Nhưng bây giờ không phải lúc ngồi khể khể nhấm nháp. Trời đã xế trưa, công việc đang chờ: thuyền bạn sắp thả gĩa, phải lo chuẩn bị để phối hợp đi thôi.

Chiều, khi gió bắt đầu dịu bớt - vẩy lúc hoàn thành mẻ lưới thứ hai - thì cũng là lúc đêm buông xuống. Trời và biển như chiếc nệm mềm dịu dàng khép lại.

BUI HIỂN

Câu thích:

Đoạn văn trích trong bút kí *Bán biển* (in trong tập *Trong gió cát*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1965) của Bùi Hiền. Bùi Hiền, nhà văn viết truyện từ trước Cách mạng tháng Tám 1945. Điện này ông vẫn tiếp tục sáng tác. Bút kí *Bán biển* gửi lại cảnh hai thuyền của một hợp tác xã nghề cá ở Nghệ Tĩnh trong một chuyến ra khơi đánh cá.

- (1) Lu ngoạn: đi chơi ngắm cảnh.
- (2) Góc trường: góc góc, không sợ nguy hiểm.
- (3) Lễ: nhân vật trong tác phẩm. Lễ là phó chủ nhiệm hợp tác xã và là thuyền trưởng.
- (4) Gĩa: lưới đánh cá ngoài khơi.
- (5) Cẩn mẫn: siêng năng, chăm chỉ.
- (6) Hối: sợ hãi.
- (7) Định lí Pi-ta-go: định lí về hình học do nhà toán học Pi-ta-go tìm ra.
- (8) Tay hoa: một loại guồng quay bằng gỗ dùng trên các thuyền to.

Chính tả:

Thon thả, rườn, lai láng, nổ giòn, vô sĩ, khàng khít, thả gĩa, uốn theo, nghiêng ngả, bồm bồm, Pi-ta-go, búa cá, treo thông, chiếc võng.

Giơ: giơ tay lên, giơ cao đánh sấm, giơ đầu chịu báng; Dơ: dơ bản, dơ dáy, dơ dặc, dơ dăng.

Quãng: một quãng, quãng đường; Quảng: quảng cáo, quảng đại, quảng trường; Quán: quán bút, quán li, quán tri, quán tượng, quán gia, quán chế, quán ngại.

Giật: giật lùi, giật mình, giật dây, giật tạm; Dật: dư dật, ăn dật.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Giải thích các từ: nguy nga, ung dung, khể khể.
2. Cảnh thuyền đánh cá ra khơi được thuật lại theo trình tự nào? Hãy tìm những chi tiết nói lên cảnh lao động cù mẫn, khẩn trương của những xã viên nghề cá.
3. Bài văn vừa thuật lại cảnh đánh cá vừa thuật lại đời nét trong sinh hoạt và đời sống của các xã viên. Cách thuật như vậy có tác dụng gì?
4. Em có nhận xét gì về lối so sánh ví von, cách dùng từ gợi tả trong bài văn?
5. Em hãy phát biểu cảm nghĩ sau khi đọc đoạn văn này.

BÀI ĐỌC THÊM

CHÚNG TA VÔ THÀNH PHỐ RỰC RỠ TÊN VÀNG

Ngôi sao vàng trên cờ giải phóng phát phời tung bay trên phủ tổng thống nguy quyền. Họ đã hạ vũ khí đầu hàng không điều kiện.

Ai vô thành phố Hồ Chí Minh rực rỡ tên vàng.

... Thành phố Hồ Chí Minh, đông bào Sài Gòn đã sống xứng đáng với tên vàng rực rỡ. Thành phố ra đời đã mấy trăm năm, chỉ sống tự do có 20 ngày ngắn ngủi sau Cách mạng tháng Tám. Nhưng từ ngày 24-9-1945, bốn mặt trận đã bao quanh Sài Gòn: Thủ Nghè, Phú Nhuận, Bà Queo, Thủ Thiêm, và ngay trong ngày ấy, 200 giặc Pháp đã bỏ mạng tại Tân Định.

Sài Gòn của cuộc biến tình ngày 9-1-1950, 2000 học sinh chống chính phủ bù nhìn, và khi em Trần Văn Ôn hi sinh, thì đám tang em ngày 12-1 đã có 50 vạn người đi biểu thị tình thần bất khuất. Sài Gòn của ngày 19-3-1950, hàng chục vạn người đến xua đuổi hai chiếc hạm Mĩ buộc chúng phải rút ngay hôm ấy khỏi Sài Gòn!

Và Sài Gòn chống Mĩ của giáo sư Lê Quang Vinh, của anh thợ điện Nguyễn Văn Trỗi, của nữ sinh Võ Thị Thắng, của sinh viên Nguyễn Thái Bình; Sài Gòn anh hùng của Tết Mậu thân 1968. Đồng bào Sài Gòn — Gia Định hai lần đi đầu trong cuộc kháng chiến chống Pháp lại đi đầu trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, nay với cuộc Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa lịch sử này, đã kết thúc chói lọi vinh quang cuộc đấu tranh 30 năm, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc.

... Trong 50 ngày, sụp đổ hoàn toàn cơ ngơi Mĩ — nguy ở miền Nam nước ta. Đế quốc Mĩ khi rút chạy ở Nông-pênh còn đặt tên là chiến dịch di tản Diều hâu, đến khi rút chạy ở Sài Gòn thì đặt tên là chiến dịch di tản Liều mạng. Trong lịch sử dân tộc ta đánh đuổi chiến thắng quân xâm lược chói lọi những tên: Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa, Điện Biên Phủ và Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

XUÂN DIỆU

(Trích: Chúng ta vô thành phố rực rỡ tên vàng
trong Mãi sắt nên kim — Tập văn 1948 — 1976)

BÀI ĐỌC THÊM

ĐI ĐI, EM! ⁽¹⁾

Rửa ⁽²⁾ là hết! chiều ni ⁽²⁾ em đi mãi
Còn mong chi ngày trở lại Phước ơi!
Quên làm sao, em hỡi, lúc chia phôi
Bởi khác cảnh ⁽³⁾, hai đứa mình ghen nói.

Em len lét, cúi đầu, tay xách gói ⁽⁴⁾
Áo quần dơ, cặp chiếc nón le te
Vẫn chưa thôi, lời day dứt nặng nề
Hàng dãy tiếng rủa nguyền ⁽⁵⁾ trên miệng chú!

Biết không em, nỗi lòng anh khi đó?
Nó toi bời, đau đớn lắm em ơi!
Bàn chân em còn luyến tiếc không rời
Nơi em đã cùng anh vui phút chốc.

Những đêm tối, anh viết bài em học
Cho em quên bớt nỗi nhọc ban ngày
Nơi bao nhiêu âu yếm tuổi thơ ngây
Anh đã trút cho lòng em tất cả!

Em ngoài cổ nhìn anh: ta chỉ trả
Thăm cho nhau đôi mắt ướt li sầu! ⁽⁶⁾
Biết làm sao, em hỡi, nói cùng nhau?
Tiếng chửi mắng vẫn phun hoai, nhục nhã!

Thì em hỡi! đi đi, đừng tiếc nữa!

Ngại ngần chi? nấn ná chi thêm phần?
Đi đi em, can đảm bước chân lên
Ừ, đôi kẻ phải đau là tội lỗi!

Anh mời hiền: càng ngậm ngùi khổ tui
Càng day thêm uất hận của lòng ta
Nuôi đi em, cho đến lớn, đến già
Mâm hận ấy, trong lồng xương, ống máu ⁽⁷⁾
Để thêm nóng mại kia hồn chiến đấu
Mà hôm nay anh đã nhóm trong lòng!

Huế, tháng 2-1938

TỔ HỮU

(Từ ấy)

Chú thích:

(1) Bài thơ *Đi đi, em!* trích học ở đây là một trong những bài thơ đầu tay của Tố Hữu trong tập thơ *Từ ấy*. Bài thơ này sáng tác trong giai đoạn đầu nhà thơ bước vào đời hoạt động cách mạng, thơ của người thanh niên cộng sản từ năm mười bảy tuổi. Tố Hữu là nhà

thơ cộng sản, thơ Tố Hữu là tiếng hát của một trái tim cộng sản chân chính. Bài thơ *Đi đi, em!* là lời tác giả từ biệt và khuyến khích em Phước, một em nhỏ đi ở bị chủ chửi mắng và đuổi đi.

(2) *Rũ*: (tiếng địa phương) thể — *Ni*: (tiếng địa phương) này, nay.

(3) *Khắc vãnh*: tác giả đi học, em Phước đi ở.

(4) Chú ý khi đọc phải đọc liền *tay xách gói áo quần đơ*, mặc dù khi đọc thơ thường thường phải ngắt hơi ở cuối câu thơ. Đây là một cách *bác câu* trong thơ.

(5) *Rũ nguyên*: nguyên rũa; đây là cách đảo từ hay dùng ở trong thơ.

(6) *Li sầu*: buồn chia li.

(7) *Lồng xương, ống máu*: lồng và ống chữ dùng để làm cụ thể thêm ý của xương và máu.

Chính tả:

Lỗi: tội lỗi, lỗi thời, lỗi lạc, lỗi hẹn; *Lội*: bơi lội.

Đà: dẫn đà; *Già*: già trẻ, già dặn, ruột già.

Nghen: nghen ngào, nghen lời.

BÀI CA XÂY DỰNG (*)

... Nào đi tới! Bác Hồ ta nói
Phút giao thừa, tiếng bát đêm xuân
Kế hoạch năm năm. Mời những đoàn quân
Mời những bàn chân, tiến lên phía trước
Tất cả dưới cờ, bát lên và bước!
Đi ta đi! Khai phá rừng hoang
Hỏi núi non cao, đâu sắt, đâu vàng?
Hỏi biển khơi xa, đâu luồng cá chạy?
Sông Đà, sông Lô, sông Hồng, sông Chảy
Hỏi đâu thác nhảy, cho điện quay chiều?
Hỏi những người trai, những cô gái yêu
Trên những đèo mây, những tầng núi đá
Hai bàn tay ta hãy làm nên tất cả!
Xuân đã đến rồi. Hỏi hã 'tương lai
Khỏi những nhà máy mới ban mai...

TỐ HỮU

(Trích Bài ca mùa xuân 1961)

Chú thích:

(*) Đoạn thơ trích trong *Bài ca mùa xuân 1961* của Tố Hữu. Bài thơ được sáng tác trong hoàn cảnh lịch sử đặc biệt: Đại hội lần thứ 3 của Đảng (1960) đã vạch ra kế hoạch 5 năm lần thứ nhất xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Một cao trào thi đua lao động sản xuất xây dựng chủ nghĩa xã hội tiêu biểu là phong trào tình nguyện vượt mức kế hoạch 5 năm dấy lên khắp mọi nơi, nhất là trong thanh niên.

Chính tả:

Phút: phút giây; *Phúc*: hạnh phúc, phúc đức, phúc hậu, phúc đáp, phản phúc.

Tầng: Tầng tầng lớp lớp, tầng mây, tầng gác, lên tầng; *Tần*: Tần số, tần ngần, tần tảo, vệt tần, cút tần.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Khi thể lao động trong dịp đầu xuân 1961 được thể hiện như thế nào?

2. Phân tích ý nghĩa của những dấu cảm thán, những câu hỏi trong bài thơ (*Nào đi tới! Hát lên và bước! Đi ta đi! u... Hỏi núi non cao, Hỏi biển khơi xa, Hỏi (đâu) thác nhảy*).

3. Em hãy phân tích câu thơ:

Xuân đã đến rồi. Hỏi hã 'tương lai.

Khỏi những nhà máy mới ban mai...

4. Hiện nay cả nước đang thi đua thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ 2 xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước dưới ánh sáng của nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV. Em thấy bài thơ này còn có ý nghĩa tích cực gì?

NHÂN DÂN VIỆT NAM CẦN CÙ VÀ YÊU NƯỚC

Nhân dân ta thường hát:

Đứng bên nĩ đồng, ngó bên tẻ đồng mệnh mòng bát ngát.

Đứng bên tẻ đồng ngó bên nĩ đồng, cũng bát ngát mệnh mòng.

Thân em như chên lúa (1) dòng dòng,

Phất phơ dưới ngọn nắng hồng buổi mai.

Những cánh đồng mênh mông bát ngát ấy là do bao nhiêu bàn tay lao động cần cù của người Việt Nam đã gây dựng nên từ thế hệ này qua thế hệ khác. Nhưng nếu chúng ta có một lần nào đứng trên đê sông Hồng, nhìn dòng nước lũ cuộn cuộn chảy ghê người, thì chúng ta càng thấy sự cần cù nhẫn nại và vĩ đại của nhân dân chúng ta đã tạo ra những cánh đồng mênh mông bát ngát đó. Không có những con đê vững chắc và dài tập không có những con sông đào, những mương rạch, những con đường lớn nhỏ nối liền nơi này với nơi khác thì làm sao có được những cánh đồng bát ngát mênh mông nói trên.

Có nhìn những mảnh ruộng, mảnh cao mảnh thấp, có mảnh như treo trên sườn đồi; có nhìn những miếng vườn xinh ven suối, hai bên là vách đá hay rừng già, thì mới càng thấy tính cần cù nhẫn nại của ông cha chúng ta.

Tính cần cù nhẫn nại đó đã xây dựng nên Tổ quốc vững mạnh và tươi đẹp của chúng ta. Tính cần cù và nhẫn nại ấy từ thế hệ trước truyền lại cho thế hệ sau là mẫu chốt cho mọi thắng lợi của chúng ta trong việc kiến thiết Tổ quốc sau này. Cho nên người Việt Nam tin tưởng ở đất nước mình, tin tưởng ở bàn tay của mình trong việc bảo vệ, xây dựng Tổ quốc. Cho nên người Việt Nam chúng ta thấy mình luôn luôn đứng trước ánh sáng của mặt trời buổi sáng đang lên, hồng hào và xán lạn (2).

Những người lao động cần cù luôn luôn là những người thiết tha yêu làng, yêu nước hơn ai hết. Những bàn tay (3) biết cầm cày bừa, cưa đục, xây dựng nên nhà cửa, làng mạc, đất nước của mình cũng là những bàn tay kiên quyết cầm giáo mác và súng ống để giữ lấy đất nước yêu quý, tiêu diệt những kẻ tới cướp của mổ hỏi nước mắt của mình. Hơn tám mươi năm đấu tranh chống thực dân Pháp và cuộc kháng chiến đánh đế quốc Pháp xâm lược và đế quốc Mỹ biến chiến vừa qua, cũng như bao nhiêu năm bền bỉ chống phong kiến ngoại tộc Hán, Nguyên, Minh, Thanh xâm lược, hoặc đấu tranh chống bọn phong kiến trong nước, đã chứng tỏ lòng yêu làng, yêu nước ấy. Ai Chi Lăng, sông Bạch Đằng, bến Chương Dương, cửa Hàm Tử, núi Chi Linh, căn cứ Lam Sơn, làng Tây Sơn và trận Đống Đa;

rồi Hương Sơn, Ba Đình, Bãi Sậy, Yên Thế, Bắc Sơn, Nam Kì, Hồ Lạng... tất cả những tên ấy cộng với bao nhiêu tên khác trong tám năm toàn quốc kháng chiến vừa qua: Việt Bắc, sông Lô, La Ngà, Cao - Bắc - Lạng, An Khê, Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên Phủ là những dòng máu nối tiếp nhau tô thắm lá cờ đỏ sao vàng tiêu biểu cho sức mạnh của dân tộc Việt Nam quyết bảo vệ lấy Tổ quốc của mình.

Việt Nam! Cái tên yêu dấu ấy sẽ khắc sâu vào lòng mọi người chúng ta. Cái tên ấy là tên chung của bao nhiêu thế hệ Kinh, Thổ, Thái, Mán, Mường, Ra đê, Xê đăng... ở Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ.

Việt Nam! Đó là sự biểu hiện của tính cần cù và lòng yêu nước sẽ làm cho Tổ quốc ta bất diệt, mạnh hơn lên, giàu có hơn nữa, để cùng với nhân loại tiến lên xây dựng những ngày hòa bình, hạnh phúc lâu dài.

VĂN PHONG

Trích Nước Việt Nam,

Tổ quốc của chúng ta - 1955)

Chú thích:

(1) Chén lúa: nhánh nhỏ mang hạt trong một bông lúa.

(2) Xán lạn: rực rỡ, chói lọi.

(3) Những bàn tay: ý nói những người lao động; chú ý cách dùng một bộ phận để chỉ toàn thể (hoán dụ) trong ngôn ngữ của ta. Thí dụ: những trái tim, những bộ óc...

Chính tả:

Chén: chén lúa, áo chén; Chén: chén hoen; Chén: chén hòng, chén đường.

Ghê: ghê gớm, ghê tởm; Nghê: ngò nghê.

Diệt: bắt diệt, diệt chủng, tiêu diệt; Diệc: con diệc; Diệc: con cá diệc.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Đề chứng minh văn đề: có được Tổ quốc Việt Nam giàu đẹp và vững mạnh là do những người lao động Việt Nam gây dựng nên và bảo

về nó từ thể hệ này qua thể hệ khác, tác giả đã lấy những dẫn chứng sinh động, tiêu biểu và toàn diện như thế nào?

2. Khẳng định những người lao động cần cù là « những người thiết tha yêu làng, yêu nước hơn ai hết » có đúng không? Chứng minh.

3. Trong đoạn cuối bài văn, cách tác giả dùng hai lần tiếng « Việt Nam! » ở đầu câu, có tác dụng gì? Bài văn được bố cục mạch lạc như thế nào? Cách hành văn trong bài linh hoạt ở chỗ nào?

CA DỆT ĐÊM GIAO THỪA ⁽¹⁾

Tặng chiến sĩ thi đua Vũ Thị Nga
và ca dệt B nhà máy 8-3

Ca ⁽²⁾ dệt đêm nay
Là đêm trừ tịch ⁽³⁾
Thoi ⁽⁴⁾ reo lách cách
Goi mùa xuân sang.
Ồi con thoi bay
Trăm ngày chẳng mệt.
Đêm nay thoi dệt
Vải dòn như mây
Kìa ai nổi gờ
Cong đầu ngón tay
Mà như điệu múa
Mà cảnh hoa lay...
Em nhanh bàn tay
Giữa ngày đánh giặc
Vải ta vẫn chắc
Lụa ta vẫn bền,
Em mau bàn chân
Trở vòng quanh máy
Đi mà như chạy
Thoi reo thoi nhẩy
Trên mười mấy khung
Mà mắt em trông

Thấy từng sợi đứng
Thấy từng sợi thò
Mà tay em vuốt
Vẫn đều trên go ⁽⁵⁾.
Vải dệt đêm nay
Là màu cờ đỏ
Là khăn em nhỏ
Sớm mai đến trường.
Là manh áo mới
Mẹ già quê hương,
Là dạ em thương
Là lòng em xót
Những ngày đất nước
Còn nhiều gian lao!
Em dệt mùa xuân
Đong đầy tiếng hát
Vải em trắng ngần
Tay em thoăn thoắt
Bàn tay - con mắt
Em thành chim bay...
Giao thừa đêm nay
Em say hội dệt
Mùa đông chưa hết
Dưới tay em kết
Đã nghìn thước xuân

1-1967

VŨ QUÂN PHƯƠNG

(Trích tập Ngọn lửa

Nhà xuất bản Lao động - 1969)

Chú thích:

(1) *Giao thừa*: nửa đêm cuối năm âm lịch, lúc kết thúc năm cũ, bắt đầu năm mới.

(2) *Ca*: khoảng thời gian làm việc của mỗi kíp công nhân trong những xí nghiệp hoạt động liên tục.

(3) *Đêm trừ tịch*: đêm cuối năm.

(4) *Thoi*: vật dùng để đưa sợi ngang qua sợi dọc khi dệt, phình giữa, thon ở hai đầu, giữa rộng và cắm một cái suốt có quần chỉ.

(5) *Go*: đồ dùng hình cái lược trong khung cửi để luồn sợi dọc.

Chính tả:

Reo : reo hò, reo mừng; Gieo : gieo mạ, gieo neo, gieo rắc, gieo vãi.
Chắc : chắc chắn, chắc thắng; Chặt : chặt chẻ, chặt bốp, đánh chặt.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tìm đại ý của bài thơ.
2. Ý thơ «mùa xuân» được tác giả nhắc đi nhắc lại mấy lần? Ý nghĩa của ý thơ này như thế nào?
3. Qua bài thơ này, em có nhận xét gì về cách miêu tả công việc sản xuất của người thợ dệt (động tác, ý nghĩ của người nữ công nhân)?
4. Hãy tìm hiểu các hình ảnh và ý nghĩa của khổ thơ cuối cùng.

BÀI ĐỌC THÊM

NHỚ HUẾ QUÊ TÔI

Sông núi vờn dài tiếp núi sông
Cò bay thẳng cánh nổi đồng không.
Có người bảo Huế xa, xa lắm
Nhưng Huế quê tôi ở giữa lòng.
Mười một năm trời mang Huế theo
Rừng cao nắng tắt bóng cheo leo,
Giọng hò mái dầy (1) vờn sông núi
Màn mào sông Hương lướt đỉnh đèo...
Tôi gặp bao người nhớ Huế xa
Đèn khuya thêu mãi chi xống pha
Mở đường giải phóng về quê mẹ
Dựng khắp non sông bóng xóm nhà.
Có lạc người Huế không về nữa
Gửi đá ven rừng chếp chiến công (2),
Có mồ bết sỏi nâng lòng đất,
Buồm phá Tam Giang (3) gió thổi lồng...
Nặng trĩu trăm năm bóng cổ thành (4)
Bao lần máu đỏ nhuộm đồng xanh,
Cờ sao ngày ấy trùm cung cấm (5)
Sông nước xôn xao, núi chuyền mình.

Bao độ thu về thu lại qua
Huế tôi thăm thăm nhớ con xa,
Thêm mùa phượng nở rung màu đỏ
Càng giục canh sương rộn tiếng gà...

7-1956

THANH TỊNH

Chú thích:

- (1) Hò mái dầy: một loại hò Huế.
- (2) Chiến công: thành tích lập được trong chiến đấu.
- (3) Phá Tam Giang: (Phá: vùng biển thường ở gần cửa sông, cách ngoài khơi bởi những dải đất hoặc cát và chỉ thông với biển bởi một dòng nước hẹp) đây chỉ tên một cái phá ở cửa sông Hương.
- (4) Cổ thành: thành xưa.
- (5) Cung cấm: nơi vua ở (thời phong kiến).

Chính tả:

Tắt: tóm tắt, tắt đèn, tắt mắt; Tắc: bế tắc, tắc tị, nguyên tắc.
Khuya: canh khuya, thức khuya, khuya khoắt; Khua: khua vang.
Giục: giục giã, thúc giục; Dục: thể dục, dục vọng.
Canh: canh giữ, canh gác, cơm canh, canh tác; Cẩn: cẩn số, cẩn bản, cẩn nguyên, cẩn nhà, cẩn cứ, cẩn cơ.

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI

1. Tìm đại ý và bố cục của bài thơ.
2. Tình cảm của những người Huế đi xa đối với Huế được biểu hiện như thế nào? Sức mạnh nào đã thôi thúc họ? Em có suy nghĩ gì về tình yêu quê hương trong bài thơ?
3. Hãy tìm những từ tượng hình và tượng thanh trong bài thơ có nhiều tác dụng biểu cảm.

ÔN TẬP PHẦN VĂN THƠ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

I— NỘI DUNG TƯ TƯỞNG

Chủ đề lớn nhất, bao trùm trong phần văn thơ sau Cách mạng tháng Tám là lí tưởng chiến đấu cho độc lập tự do của dân tộc. Lí tưởng ấy được thể hiện qua hình ảnh nhân dân anh hùng và những tình cảm lớn của thời đại — tình cảm cách mạng...

Không phải bây giờ mà ngay từ xưa, ý chí độc lập tự do của dân tộc đã trở thành tiếng nói chính thức, vang vọng trong thơ văn. Nhưng chưa bao giờ tiếng nói ấy lại sôi nổi, cụ thể và sinh động như bây giờ. Vì đó là tiếng nói của quảng đại quần chúng mang trong mình cái ý thức của bốn nghìn năm lịch sử, được soi rọi bằng một thứ ánh sáng mới, diệu kì...

1. Hình ảnh nhân dân anh hùng hiện lên trong văn thơ đã làm thay đổi hẳn bộ mặt của văn học sau Cách mạng tháng Tám so với văn học giai đoạn trước. Đó là hiện thân của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Đó là truyền thống của dân tộc phát triển qua quá trình lịch sử lâu dài, được kết tinh lại và càng nâng cao trong thời đại Hồ Chí Minh. Đó là sự hài hòa giữa cái bình thường và cái phi thường trong cùng một con người, là mối quan hệ khăng khít và có ảnh hưởng qua lại giữa cá nhân và tập thể.

Người chiến sĩ đánh Pháp hồi chín năm và anh bộ đội đánh Mĩ những năm vừa qua đã nếm mật nằm gai, luồn rừng, ngủ bụi, nhưng với lòng căm thù quân cướp nước, họ đã vượt mọi gian khổ, bền gan chiến đấu, hi sinh để giành thắng lợi. Từ gây tâm vọng, tên tre, dao găm, súng lửa đến đại bác, xe tăng, tên lửa, máy bay, bằng thứ vũ khí nào họ cũng làm cho quân giặc khiếp đảm (*Gây tâm vọng, Trận đánh trên không*). Từ trong đau thương mà lớn lên, từ tấm lòng yêu nước mà tâm vóc được nhân lên, lực lượng lớn mạnh lên. Mỗi ngày nào còn nằm hầm sâu, chui rừng tránh giặc mà nay « Giải phóng quân đi đây thác ghềnh ».

Trong cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc, ta cũng bắt gặp thể hệ măng non của Tổ quốc trong tư thế tiến công chiến thắng (*Em út*). Để mẹ yên tâm đi đánh giặc, năm đứa con nhỏ của chị út tự chăm sóc nhau, lo lắng chu tất mọi việc (*Mẹ con chị út*)... Dù trực tiếp hay gián tiếp, thiếu niên Việt Nam cũng đã góp một phần công sức, máu xương của mình vào sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do của Tổ quốc. Hình ảnh các em hiện lên trong cuộc đời cũng như trong văn thơ với dáng vóc của người anh hùng.

Văn thơ sau Cách mạng tháng Tám biểu hiện khá tập trung hình ảnh người phụ nữ. Đó là những người mẹ, người vợ, người chị... những con người yêu chồng, yêu con, yêu nước. Với tư cách là người vợ, người mẹ Việt Nam, họ gánh trên vai hai trách nhiệm của gia đình và Tổ quốc. Hai trách nhiệm ấy đồng thời cũng là hai nguồn tình cảm, hai nguồn sức mạnh thống nhất trong người phụ nữ Việt Nam.

Cuộc đời của người mẹ gắn liền với đứa con. Có người mẹ nào muốn sống xa con và nếu phải xa con họ khổ biết chừng nào. Nhưng chị Tư Hậu đã biết nên tình cảm riêng của mình, gửi con lại cho làng xóm, quyết ra đi phục vụ kháng chiến; vì chị hiểu rằng, chị cần phải có mặt trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù xâm lược. Nhất thiết chị phải nhóm lên « những tấm lòng bền chặt với kháng chiến, những ngọn lửa sau này có thể xua đuổi bóng tối thù địch từ các lò-cột lửa xuống xóm làng » (*Quyết ra đi*). Đó cũng là tâm trạng của chị út — người mẹ của năm đứa con nhỏ. Trong chiến đấu, có lúc chị « giết mình » nghĩ « nếu mình hi sinh nó sẽ ở với ai đây ». Nhưng một người mẹ nếu không đánh giặc, để « giặc còn thì giặc cũng giết cả đời con mình » (*Mẹ con chị út*). Đó là những con người rực rỡ ánh sáng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng mà vẫn dịu dàng, tươi thắm, nhuần nhị (*Hai chị em, Mẹ Suốt, Chị Tư Hậu*).

Trong khung cảnh lao động xây dựng và bảo vệ miền Bắc thân yêu khi đất nước còn tạm thời bị chia cắt, những con người lao động bình thường đã hiện lên trong văn học với khuôn mặt rạng rỡ. Họ là anh thuyền trưởng, là người tuần đường, là anh chủ nhiệm, chị công nhân ca đêm đêm giao thừa, do hiểu rõ ý nghĩa công việc mình làm nên họ đã lao động say sưa, nhẫn nại, tìm tòi và sáng tạo. Họ là người chiến sĩ lái máy bay dũng cảm đã đánh thắng lũ cướp trời và còn biết cách để chiến thắng cả những khi máy bay bị tai nạn. Với một tâm hồn tràn đầy lạc quan tin tưởng, họ đã lao động, chiến đấu, suy nghĩ và ước mơ.

2. Tình cảm cách mạng là hạt nhân của tâm hồn con người Việt Nam trong giai đoạn lịch sử quyết liệt này. Văn thơ từ sau Cách mạng tháng Tám đã nói được tiếng nói tình cảm lớn

lao áy. Đó là tiếng nói tha thiết của tình yêu thương: yêu quê hương đất nước, yêu chế độ, yêu con người...

Yêu quê hương đất nước không chỉ vì quê hương đất nước tươi đẹp mà còn vì quê hương đất nước ấy gắn liền với truyền thống vẻ vang của dân tộc (Nhớ Huế quê tôi). Tình yêu ấy gắn liền với niềm tự hào chính đáng; tự hào vì quê hương anh dũng, kiên cường; vì đất nước này có biết bao thế hệ nối tiếp nhau để giữ nước và dựng nước (Nhân dân Việt Nam cần cù và yêu nước).

Càng yêu quê hương đất nước, con người càng gắn bó với chế độ xã hội chủ nghĩa. Bởi vì chế độ đó đã làm thay đổi bộ mặt của đất nước, quê hương (Việt Bắc — Tây Nguyên), đem lại đời sống ấm no cho nhân dân (Bữa cơm thường trong bản nhỏ). Càng gắn bó thiết tha với chế độ, con người càng hiểu rằng mình phải làm gì để xây đắp, bảo vệ chế độ đó (Đi tìm bãi cá, Người tuần dương, Anh chủ nhiệm, Ca đêi đêm giao thừa, Ra khơi).

Trước hạnh phúc vừa mới giành lại được, nhân dân không thể quên công ơn của những người suốt đời chiến đấu hi sinh cho quyền lợi dân tộc, tiêu biểu nhất là Bác Hồ kính yêu. Nói sao cho hết công ơn, đức độ của Người (Bữa cơm thường trong bản nhỏ, Đôi dép thân kỉ).

Tình đồng bào, đồng chí trong văn thơ sau Cách mạng tháng Tám cũng thật thiết tha, cảm động. Cuộc chiến đấu trường kì trong lịch sử đã làm cho các tầng lớp nhân dân Việt Nam gắn bó với nhau bằng chất keo của lí tưởng độc lập tự do. Thím Ba Tuất tự nguyện nuôi hai con nhỏ để chị Tư Hậu yên tâm đi hoạt động (Quyết ra đi).

Kẻ thù của dân tộc ta là bọn cướp nước và bè lũ tay sai phản động. Chúng đã gây bao nhiêu tội ác và đau thương trên đất nước này. Mỗi người ra đi chiến đấu đều mang trong lòng bao đau thương, uất hận; mỗi thù đối với quân xâm lược « có thể rõ thấy được, vì nó đang đè nặng ở trên vai » (Hai chị em)...

Ngọn lửa làm bùng cháy những tình cảm rộng lớn ở trên được nhen nhóm từ tình yêu gia đình. Chị Út không muốn « dân con phải đi ở đợ như mình ngày xưa » nên quyết tâm

tiêu diệt giặc. « Còn cái lai quần cũng đánh! ». Đó là ý chí sắt gang, là lời thề của chị (Mẹ con chị Út). Quân giặc đã cướp mất của Chiến, Việt cả ba lần má. Hai chị em quyết ra đi trả thù. Cảm động biết mấy khi hai chị em nói trước linh hồn má lời chia tay: « Má sang ở tam bên nhà chú, chúng con đi đánh giặc trả thù cho ba má, đến chừng nước nhà độc lập con lại đưa má về » (Hai chị em). Những biểu hiện của tình gia đình ở trên, mang ý nghĩa cách mạng rất lớn, thể hiện sự nhận thức mới về mối quan hệ giữa gia đình và Tổ quốc. Vận mệnh của Tổ quốc ảnh hưởng trực tiếp đến vận mệnh gia đình. « Nước mất » thì « nhà tan ». Muốn bảo vệ được hạnh phúc gia đình, giành lại độc lập cho đất nước thì không có con đường nào khác là chiến đấu tiêu diệt kẻ thù. Chân lí ấy thấm sâu trong mỗi người dân Việt Nam.

II — NGHỆ THUẬT

Người sáng tác văn thơ thường cũng là những người chiến sĩ lăn lộn trên các mặt trận. Hoàn cảnh ấy tạo điều kiện thuận lợi cho nhà văn nắm thực tế sinh động của cuộc sống, vận dụng vốn ngôn ngữ giàu di, trong sáng của quần chúng và chọn thể loại thích hợp để tạo nên tác phẩm.

Trong cuộc chiến đấu vĩ đại của dân tộc, văn thơ là người bạn tâm tình của quần chúng. Một áng văn, một bài thơ nếu lời lẽ cầu kì, khó hiểu nhất định tác dụng bị hạn chế. Ngôn ngữ của nhân dân ta vốn phong phú, sinh động. Các tác giả đã biết khai thác vốn ngôn ngữ của quần chúng để đưa vào tác phẩm. Có khi chỉ là lời ăn tiếng nói mộc mạc hằng ngày nhưng khi được đưa vào bài văn, bài thơ, nó trở nên duyên dáng, tế nhị. Thí dụ:

Bảy chữ sông nước về ta
Đi khơi, đi lộng, thuyền ra thuyền vào
Bảy chữ biển rộng trời cao
Cá tôm cũng sùng, lòng nào chẳng xuân!
Ông nhà theo bạn « xuất quân »
Tui nay cũng được vô chân « sẵn sàng »
Một tay lái chiếc đò ngang
Bến sông Nhật Lệ quân sang đêm ngày

Sợ chi sóng gió tàu bay
Tây kia mình đã thắng, Mỹ này ta chẳng thua!
Kề chi tuổi tác già nua
Chống chèo xin cứ thi đua đến cùng!

(Mẹ Suốt — TỔ HỮU)

Thơ văn sau Cách mạng tháng Tám vận dụng cách diễn đạt cụ thể, giàu hình tượng của nhân dân.

Thể hiện cuộc đời chìm nổi của người dân đánh cá trong xã hội cũ mà dùng những hình ảnh «mênh mông sóng biển, lênh đênh mạn thuyền», «nước xuống triều lên» như Tổ Hữu đã dùng trong bài Mẹ Suốt thì gần gũi mà gợi cảm biết chừng nào.

Tùy theo nội dung tư tưởng của tác phẩm và sở trường của mình, mỗi nhà văn có thể chọn một thể loại nhất định để biểu hiện tốt nhất những nhận thức cuộc sống và tình cảm của mình. Nói chung, văn thơ sau Cách mạng tháng Tám bao gồm đủ các thể loại: thơ ca, truyện, kí, kịch, văn nghị luận... Thể loại nào cũng có những thành tựu đáng kể. Nhưng nổi bật nhất vẫn là thơ ca và truyện, vì đây là những thể loại có ưu thế trong việc bộc lộ tư tưởng, tình cảm, và có khả năng phản ánh cuộc sống rộng lớn kịp thời.

Nhìn lại chặng đường văn học đã qua, chúng ta rất đỗi tự hào về những nhà văn của chúng ta đã làm tròn sứ mạng của mình trên mặt trận văn học nghệ thuật. Thơ văn của họ tươi thắm màu sắc chiến đấu, tươi thắm những tình cảm cách mạng. Chất thép, chất anh hùng ca, chất trữ tình, sự kế thừa truyền thống văn học dân tộc và sự đổi mới không ngừng trong cách biểu hiện... tạo ra những khả năng mới và những triển vọng lớn lao của nền văn học cách mạng.

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP

1. Chủ đề lớn nhất của văn thơ từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay là gì? Chủ đề ấy được thể hiện cụ thể qua các tác phẩm ở những mặt nào?
2. Tìm hiểu những thành tựu nổi bật về mặt nghệ thuật của văn thơ từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay?
3. Em học tập được những gì qua các tác phẩm đã học?
4. Trong những bài trích giảng, em thích bài nào nhất? Tại sao?

MỤC LỤC

	Tên bài	Tác giả	Số Tiếp	Trang
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đi học	Anh Thơ	1	3
2	Anh Hoàng Văn Thụ đi ra pháp trường	Trần Đăng Ninh kể	1	4
3	Bài đọc thêm: Sẵn sàng lên mây chém	Lê Văn Lương kể		7
4	Gặt lúa đêm trăng	Huy Cận	1	10
5	Ông lão đánh cá và con cá vàng	Truyện dân gian Nga	2	12
6	Hồ và các con vật bé nhỏ	Truyện ngụ ngôn	1	17
7	Truyện Thạch Sanh	Truyện nôm khuyết danh	2	20
8	Thạch Sanh chém Xà tinh		2	28
9	Tấm Cám	Truyện cổ dân gian	2	30
10	Bài đọc thêm: Có hề ngoan			36
11	Bài đọc thêm: Quê đưa hâu	Truyện cổ dân gian	2	40
12	Đám Bội rí	Truyện cổ dân gian		44
13	Bài đọc thêm: Chàng đi săn			47
14	Bài đọc thêm: Tiếng hát	Truyện cổ dân gian		49
15	Ca dao chống phong kiến	Ca dao cổ	1	54
16	Bài đọc thêm: Người ở với chủ nhà	Ca dao cổ		55
17	Bài đọc thêm: Cây	Hoàng Trung Thông		57
18	Lời tuyên dương	Lê Duẩn	2	58
19	Ca dao chống mê tín	Ca dao cổ	1	61
20	Trong đồn điền cao su	Ca dao công nhân	1	63
21	Tục ngữ nói về đạo đức nhân dân	Tục ngữ	1	64
22	Đôi dép thần kì	Phạm Hồ	2	66
23	Quê mới	Thanh Hải	2	69
24	Ôn tập phần văn thơ dân gian		2	71

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
25	Đi tìm bãi cá	Nguyễn Trinh	2	78
26	Bài đọc thêm: Người tuần đường	Trúc Kỳ		81
27	Anh chủ nhiệm	Hoàng Trung Thông	1	84
28	Việt Bắc — Tây Nguyên	Nông Quốc Chấn	1	87
29	Bữa cơm thường trong bản nhỏ	Chế Lan Viên	2	89
30	Theo anh Núp	Nguyễn Ngọc	2	91
31	Viếng bạn	Hoàng Lộc	2	96
32	Quyết ra đi	Bùi Đức Ái	2	97
33	Mẹ con chị Út	Nguyễn Thị	2	101
34	Bài đọc thêm: Em Út	Anh Đức		104
35	Bài đọc thêm: Hai chị em	Nguyễn Thị		106
36	Bài đọc thêm: Mũi Cà Mau	Xuân Diệu		111
37	Mẹ Suốt	Tố Hữu	2	113
38	Vội Lê-nin	Tố Hữu	1	115
39	Bài đọc thêm: Trên đánh trên không	Hữu Mai		118
40	Ngon tâm vông	Đoàn Giỏi		120
41	Ra khơi	Bùi Hiền		124
42	Bài đọc thêm: Chúng ta rõ thành phố rực rỡ tên vàng	Xuân Diệu		127
43	Bài đọc thêm: Đi đi, em	Tố Hữu		128
44	Bài ca xây dựng	Tố Hữu	1	130
45	Nhân dân Việt Nam cần cù và yêu nước	Văn Phong	1	131
46	Cu dật đêm giao thừa	Vũ Quần Phương	2	134
47	Bài đọc thêm: Nhớ Huế quê tôi	Thanh Tịnh		136
48	Ôn tập phần văn thơ Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám		2	137

Nhóm biên soạn chỉnh lý: LÊ KHÁNH SÂN
(lần in thứ tư) NGUYỄN NGHIỆP
NGUYỄN TRỊ

**TRÍCH GIẢNG
VĂN HỌC**

LỚP 7 PHỔ THÔNG

**NHÀ XUẤT BẢN
GIÁO DỤC**

In 50000 cuốn

khổ 14,5 × 20,5 cm

Tại XÍ NGHIỆP CÔNG TƯ
HỢP DOANH IN SỐ 6

160, Nguyễn Kiệm—Quận 5
Thành phố HỒ CHÍ MINH

In xong tháng 6-1985
Nộp lưu chiều tháng 6-85

Giá : 4,00 đ.